

## **Tác Giả và Tác Phẩm**

### **Ngô Nguyên Dũng**

#### **Tiểu sử**

Tên thật Ngô Việt Dũng. Sinh năm 1951 tại Sài Gòn. Hiện định cư tại Đức.

#### **Tác phẩm**

Tập truyện: Dòng chữ tâm tình (1988), Mười hai hoa cúc (1988), Đêm (1989)  
Tiếng núi (1992), Chuông đêm (1992), Gia đình Cún (1994), Âm bản (1994)  
Khung cửa nắng (truyện dài, 2000), Hòn còng lửa (2002), Ngôn ngữ tuyết (2006).



#### **Mục Lục**

##### **Một tượng – 2**

##### **Cuối cùng không còn lại – 8**

**Đầu năm, hỏi chuyện người bạn cũ – Hồ Đình Nghiêm - 16**

##### **Dấu giày đón bình minh – 22**

#### **Phụ đính:**

**Hồi ký của Nguyễn thị - Lời quá khứ độ lượng – Đối ảnh**

**Mưa ngũ cung - Dị ứng với thời tiết – Đêm tuyết gọi**

*(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)*

## Một tượng

Sư cụ cho gọi chú tiểu Bửu vào, nói:

- Con tới đây làm công quả đã lâu, hạnh tu coi như đã có, nên thầy muốn nhờ con một chuyện.

Tiểu Bửu cung kính xá:

- Thưa thầy, con xin nghe.

- Con biết, chùa mình dọn từ Mai Sơn về đây đã nhiều năm mà vẫn chưa thỉnh được tượng Quán Thế Âm theo. Nay, tình thế tương đối yên ổn trở lại, thầy muốn con tới chùa cũ thỉnh về, có được chăng?

Tiểu Bửu bối rối:

- Dạ, được... nhưng...

- Nhưng sao?

- Không biết con có đủ sức vượt qua mọi khó khăn, hiểm trở.

Sư cụ điềm nhiên:

- Con cứ thoi thả mà đi, coi đó như đường tu hành, thông dong bước, thế nào cũng tới.

Tiểu Bửu cúi mặt:

- Thưa thầy, con không ngại đường xa cách trở mà ngại lòng mình chưa đủ đạo hạnh để thỉnh tượng về đây.

Sư cụ cười khoan dung:

- Đáng lẽ chuyện này là của thầy, nhưng thầy biết sức mình hết kham nổi thử thách ngoại cảnh, nên phải nhờ tới con, người mà thầy hết dạ tin tưởng.

Tiểu Bửu xúc động rơm rớm lệ:

- Thầy đã nói vậy, con xin tuân.

Rồi từ đó cho tới ngày lên đường về lại Mai Sơn tự, không đêm nào tiểu Bửu yên giấc. Chú cứ trần trọc mơ tưởng về chuyến đi sắp tới. Tiểu Hạnh, bạn đồng tu, gọi đó là “sứ mạng cao cả của Tề Thiên đại thánh”, và lộ vẻ ganh tị ra mặt. Tiểu Bửu phải an ủi: “Chú còn nhỏ, thầy đâu dám nhờ.” Tiểu Hạnh hờn dỗi: “Sao thầy không cho anh em mình đi chung cho có bạn?” Tiểu Bửu cười khế: “Phải có người ở lại chăm sóc thầy và lo chuyện chuông mõ chớ.” Dẫu hiểu, nhưng tiểu Hạnh vẫn âm ức trong bụng. Tiểu Bửu biết vậy, nên ít khi đem chuyện đi thỉnh tượng ra nói.

Tội nghiệp, tiểu Hạnh là trẻ mồ côi, được thân nhân gởi vô chùa từ năm sáu tuổi. Không những tiểu Bửu có bổn phận dạy học cho tiểu Hạnh, mà còn chỉ vẽ nó cách quán xuyến chuyện chùa chiền như nấu cơm, giặt giũ, lau chùi hay gióng chuông và thắp nhang đèn cúng Phật mỗi thời

kinh sớm chiều. Còn nhỏ, nên tiểu Hạnh ham chơi hơn thích làm. Mỗi năm tới mùa dế, nó ra ruộng bắt vài con đem về nuôi trong hộp thiếc, giấu dưới ụ rơm ủ nấp. Khi bị tiểu Bửu bắt gặp đang chơi đá dế, nó ngỏn ngoẻn cười nhận lỗi. Tiểu Bửu không la mắng hay ngăn cấm chi, chỉ ôn tồn giải thích. Một hôm, chú bắt gặp tiểu Bửu ngồi khóc lặng lẽ bên ao nước. Hỏi sao khóc, nó rúm rút: “Em vừa thả mấy con dế ra ruộng.” Tiểu Bửu cảm động lây, đặt tay lên vai bạn: “Làm một việc thiện, lẽ ra phải cười, sao lại khóc?” Tiểu Hạnh ngược mặt cười mếu, lộ hàm răng sún. Nụ cười ấy, tiểu Bửu suốt đời không bao giờ quên.

Thỉnh thoảng sự cụ lại vui miệng kể chuyện phong cảnh Mai Sơn cho hai chú tiểu nghe. Rừng núi ấy, như tên gọi, có nhiều mai dại. Không hoàn toàn giống như mai chưng vào dịp đầu năm, đã mai có cánh hoa thuôn dài, hơi úp, mau nở mà cũng chóng tàn. Hằng năm, tới độ mai mãn khai, sáng ra suối mức nước, thấy lưng núi đơm rục hoa vàng. Chiều hôm rịn sương, tường như có bày hoàng hạc từ tây phương trở lại thăm chùa. Tiểu Bửu ghi đậm hình ảnh thơ mộng ấy vào tâm. Để đến hôm nay, chú cứ thẩn thơ mộng mị cảnh rừng mai trong chiều sương toả.

So với phần số tiểu Hạnh, tiểu Bửu may mắn hơn, vì còn mẹ và bảy anh chị em. Tháng chạp năm nào mẹ cũng tới thăm tiểu Bửu. Quà cáp mẹ mang, toàn những thứ tiểu Bửu hảo ăn như bánh hạnh nhân, bánh chuối hấp và thật nhiều bánh ít bột khoai mì. Chú biết, thật ra đó chỉ là cái vui tạm, sự có mặt của mẹ mới là niềm vui chính. Mẹ là cái gạch nối ấm áp cuối cùng giữa chú và thế tục bên ngoài. Mẹ nán lại chùa vài ngày, phụ làm công quả. Lâu rồi, mẹ không còn nhắc tới cha, người mà mẹ kể đã tập kết ra Bắc từ năm 1954. Cũng lâu rồi, tiểu Bửu không còn hỏi mẹ lý do tại sao mang chú gởi cho chùa. Tiểu Bửu đã bắt đầu cảm thọ nhịp sống tu hành. Dù vậy, tới lúc mẹ con chia tay nơi bến đò, tiểu Bửu không khỏi sa nước mắt. Chú chờ bóng con đồ khuất dạng sau lùm cây và mặt nước im sóng mái chèo, mới quay lưng làm lụi, mắt lệ ngấn dài. Thuở ấy chưa có mặt tiểu Hạnh. Trong những buổi tiễn đưa về sau, có tiểu Hạnh bên cạnh, tiểu Bửu cố ngăn nước mắt. Rồi cũng tới lúc, chú không còn khóc khi từ giã mẹ nữa, chỉ buồn. Buồn trong những lần bóc bánh ra ăn. Rưng rưng tưởng lại tiếng chân mẹ quạnh quẽ trong sân chùa lớt gạnh tàu. Và đậm đà biết mấy món canh bí mẹ nấu dâng Phật rằm tháng chạp.

Tiểu Bửu xoay lưng, hé mắt nhìn ra liếp cửa vắng vặc trăng soi. Đêm nay cũng rằm. Tiểu Bửu khó ngủ, mơ vá quàng chuyện này chuyện nọ. Tự dưng chú cảm thấy nhiệm vụ sự cụ giao phó gian nan quá. Đường từ đây lên Mai Sơn tự non mười cây số, nhưng phải đi bộ, vì không có lối sông. Đi về ít nhất hai ngày. Tiểu Bửu định ở lại chùa cũ một đêm một ngày để ngắm cảnh hoa cho mãn nhãn. Không biết, sau mấy năm chinh chiến, cảnh vật có còn như xưa? Có còn những cội mai hoá long ngủ quên lưng chừng núi? Có còn những hoàng hôn, bày công núi bay về đậu trên chòm sứ trắng đợi nghe chuông? Có còn bóng trăng thủy ngân soi trong lu nước ngậm bông sứ mỗi đêm rằm? Tiểu Bửu rợn người tưởng ra bàn tay ai thon muốt đẩy giạt lớp hoa, vốc làn nước thơm rẩy lên tượng Phật. Ngón tay dịu nhiễu, mềm mại. Mặt nước run gợn sinh thú. Hương hoa chập chờn vọng tưởng. Tiểu Bửu giật mình nhận ra đó là bàn tay con gái.

Bên cạnh, tiểu Hạnh nẩy người, ú ớ mê sảng.

\*

Tiểu Bửu sắp bầu nước lọc, hai củ khoai luộc, đòn bánh tét nhưn chuối, quyển kệ mỏng và cái xẻng con vào bọc vải. Tiểu Hạnh lẳng xăng dọn dọn:

- Chú đi, nhớ về sớm. Đừng quên cái chăn bông!

- Lâu lắm là ba ngày.

- Chú đem theo bao nhiêu đồ thức ăn, đủ không?

- Đủ rồi. Nếu thiếu, dọc đường chú hái trái ăn thêm. Khát thì uống nước suối. Thầy bảo, có dòng suối bắt nguồn từ dãy Trường Sơn, vắt ngang lưng núi.

Tiểu Hạnh hít hà:

- Chú sướng hơn em.

Tiểu Bửu cười mỉm:

- Tại tiểu Hạnh không biết, chớ chú lo lắm, sợ mình không làm tròn bổn phận.

Tiểu Hạnh thắc mắc:

- Không hiểu sư cụ thỉnh bức tượng đó về làm gì? Sao không đặt làm tượng mới, lớn và đẹp hơn?

- Sao em biết tượng cũ nhỏ và xấu?

Tiểu Hạnh nhăn nhó giải thích:

- Xấu thì em không dám nói, nhưng chắc chắn là nhỏ và xưa cũ lắm rồi.

- Quý vì cũ xưa đó em. Bây giờ tượng là một món cổ ngoạn hiếm có.

Rồi tiểu Bửu trầm ngâm cất giọng:

- Theo lời sư cụ, vài năm trước ngày chia đôi đất nước, lúc tình thế còn hỗn mang, một hôm có anh thanh niên ghé ngang Mai Sơn tự xin tá túc một khoảng thời gian. Anh ta là thợ mộc, biết đẽo khắc tượng gỗ. Sư cụ không nhờ, nhưng ngày nọ, anh vào rừng vác về một khúc gỗ huỳnh đàn. Thế là suốt buổi anh ta cày cục nâng niu đẽo thành tượng Phật. Trước đó anh ta còn kỹ lưỡng ngâm gỗ trong nước bồng sứ. Hỏi để làm gì, thì anh bảo, có vậy gỗ mới dẻo dai bền vững với thời gian và lúc nào cũng thoảng hương hoa. Sau vài tuần, anh hoàn tất bức tượng. Sư cụ bảo rằng, chưa thấy tượng Phật nào có thần sắc từ bi nhân ái như thế. Tượng nhỏ thôi, chừng ba gang tay, vậy mà chỉ cần nhìn qua diện mạo, đã thấy cái tâm vô biên vô lượng hiện ra rành rành. Cho tới đêm nọ, chàng thanh niên xin phép sư cụ rời chùa, rồi không thấy trở lại như đã hứa. Khi chiến tranh tràn lan, sư cụ nhờ người chôn giấu bức tượng bên cội bồng sứ sau chùa. Hôm tản lạc về đây, quên đem theo. Bây giờ tính lại đã gần mười năm, mau thật.

Tiểu Hạnh thờ ra, hỏi:

- Không biết anh thanh niên ấy làm gì, quê ở đâu?

- Sư cụ không nói, chú cũng không hỏi. Mà biết, có ích chi?

Tiểu Hạnh đoán xa đoán gần:

- Chắc anh ấy làm chuyện đại sự, không muốn cho ai biết.

Tiểu Bửu cười nhẹ:

- Ờ, sự cụ còn kể thêm, theo lời anh ấy dặn, muốn cho tượng có thần sắc, phải ngâm gỗ trong nước in bóng trăng rằm ba đêm.

- Rủi nhằm bữa trời xấu, không trăng thì sao?

Tiểu Bửu nhăn mặt, nói như trách:

- Thì chờ mùa trăng sau, có vậy cũng hỏi.

Tiểu Hạnh cười lớn lên:

- Em hỏi các cố cho vui vậy mà.

- Người đó có căn tu mà chưa gặp duyên đó thôi.

Nét mặt tiểu Hạnh đột ngột sa sầm:

- Còn em?

Tiểu Bửu đặt tay lên vai bạn:

- Nếu em không có căn tu, đã không lạc tới nơi này.

- Vậy mà chú cứ trách em là đứa có căn chơi chớ không phải căn tu.

Tiểu Bửu cười xoà:

- Đôi lúc chú thấy em ham chơi, xao lãng chuyện tu tập, nên nói vậy chớ không có ý trách mắng.

Tiểu Hạnh thở thê:

- Mà em ham chơi thật. Nhiều khi ra chợ, thấy mấy đứa trẻ tuổi chơi đánh đáo, bắn bi, đá dế, đá cầu, tạt lon, tạt hình, em ham quá. Chú tiểu Bửu nè, rủ sau này em... em... bỏ chùa đi như anh thanh niên nọ, chú có buồn không?

Tiểu Bửu ngừng tay sắp, nhíu mày nhìn tiểu Hạnh một chặp, không đáp, rồi thắt chặt bọc vải vào đầu đòn sóc, quẳng lên vai gánh thử. Có tiếng sự cụ ho khan từ buồng bên. Tiểu Bửu vội ngó ra sân, thấy bóng cây hoàng lan ngả về đông từ khi nào chẳng hay. Mãi trò chuyện, hai chú tiểu suýt quên thấp nhang đèn cho tuần kinh tối.

\*

Tiểu Hạnh đưa tiểu Bửu tới cuối lộ đất. Nơi đó, con đường rẽ thành hai nhánh, phải về hướng Mai Sơn, trái ra chợ làng. Lối phải ít người léo hánh, đường hẹp, cỏ lau mọc đầy hai bên, cao xấp xỉ tiểu Hạnh.

Tiểu Bửu đặt đòn sóc xuống cỏ, nheo mắt ngó quanh:

- Trời nắng ghê.

Tiểu Hạnh bặm môi lặp lại lời nhắn cũ:

- Chú đi, nhớ về sớm.

Tiểu Bửu xoa tay lên chòm đầu lờm chờm chân tóc của tiểu Hạnh, cười nói:

- Về, chú sẽ cạo tóc cho em. Thôi, chú đi.

Hai mắt tiểu Hạnh long lanh:

- Em có nhét vô bọc cho chú lọ dầu gió.

Tiểu Bửu xúc động:

- Em về đi!

Tiểu Hạnh lắc đầu nguầy nguậy:

- Không, chú đi khỏi, em mới về.

Tiểu Bửu quẩy đòn sóc lên vai, trước khi dợm bước, còn dặn dò:

- Nhớ tưới rau và lo chuyện nhang đèn hộ chú!

Tiểu Hạnh khum tay che nắng, dõi theo bóng tiểu Bửu nhấp nhô thoăn thoắt giữa cánh đồng cỏ lau, lòng cô quạnh mênh mông.

Hôm nay, như mọi ngày mùa khô, nắng tràn rục rĩ. Đi được quãng ngắn, tiểu Bửu lại dừng chân, lấy nước ra uống. Càng lên cao, cảnh sắc càng ngoạn mục. Cỏ bông lau xen với bông thầu dại, rờn rợn cánh đỏ. Đã thấy cây to vươn cành, rợp bóng mát. Lâu lâu lại nghe tiếng gà rừng thấp thỏm kêu lẻ. Mây trời nổi vùn hoành tráng, tựa như bức tranh tàu. Giữa trưa, tiểu Bửu xót dạ, dừng lại nghỉ chân bên gốc cây non. Ăn xong củ khoai luộc, hớp vài ngụm nước lọc, tiểu Bửu khép mắt định thần tọa thiền. Không được lâu, đã bị tiếng chim gọi tỉnh. Tiểu Bửu dáo dác ngược mặt. Một con quạ núi dang cánh lượn vòng trên không, buông tiếng hót hoảng như vừa đánh mất vật gì. Bóng chim quét chập chờn lên cánh đồng chan nắng. Câu chuyện nhà sư hoá thành con chim áo dà suốt đời sục sạo bay tìm trái tim tướng cướp chờn vờn hiện ra trí tiểu Bửu. Chú rợn người kêu thảm, tại sao cứ mãi đi tìm, mà không phá chấp, buông xả thời thái như hạnh của thiên nhiên?

Và cứ nghĩ ngợi luông tuông như thế, tới chiều tiểu Bửu đến chân thềm đá 49 bậc dẫn lên Mai Sơn tự. Không một bóng người. Nắng sẫm vàng, rắc hơi tàn lên rừng cây. Gió thềm thì tuôn qua rãnh lá. Tiểu Bửu ngẩng nhìn, thấy chòm rễ già bầu ngỗng ngoèo kê đá, trông như bày tình xà canh giữ cửa hang huyền thoại. Chú thờ ra, hít vào từng hơi dài. Bầu trời nghiêng theo tầm nhìn, choáng váng nứt ra những đường mây. Có bày hạc xám đang khoan thai nổi đuôi bay về tổ, buông tiếng náo động một góc trời. Tiểu Bửu dò dẫm trèo lên từng nấc đá, bàng hoàng nhận ra tâm mình giao động theo mỗi bước chân.

Trong sân chùa, sứ trắng rộ nở, hương lan nhè nhẹ. Thềm gạch lở loét mấp mô. Chùa tróc mái, chỉ còn trơ lại những cột gỗ xiêu và chân vách chấy nám. Nơi này, như nhiều nơi khác, có lẽ đã được dùng tiêu thổ kháng chiến. Tiểu Bửu đặt đòn sóc xuống đồng gạch đất vỡ vụn, mọp người chấp tay. Chú hình dung lại cảnh chùa trước cơn biến động. Điện thờ được xây theo

hình bán liên, nhắc nhở tính bất toàn của con người. Cánh phải là nhà trai. Cánh trái là phòng toạ thiền. Sau chánh điện là hành lang dài và hẹp, kê tủ chứa kinh điển và vật thờ. Cách một lối ngắn trải gạch nung là nhà bếp, một góc được ngăn vách làm tư phòng cho tiểu Bửu thuở bé và hai bạn đồng tu khác. Bên trái là buồng sự cụ. Bên phải là phòng tắm và nhà vệ sinh. Giờ đây, tất cả đều đổ nát. Tiểu Bửu rưng rưng hồi tưởng kỷ niệm, thẩn thờ dọn dẹp một góc chùa làm chỗ trú đêm. Từ mớ gạch vụn, một con cắc kè ròi chân chạy ra, dừng lại ngắc đầu ngo ngác giãy lát, rồi lủi nhanh vào khe trống.

Tiểu Bửu trái chần ra đất, ngả người, tay gối đầu, suy tư vu vơ. Gió mát hiu hiu. Nắng chiều xuyên mỏng cành lá, nhấp nháy từng đoá. Ngày đang chuyển mình vào đêm. Chưa bao giờ tiểu Bửu cảm thấy lòng mình gần gũi cùng thiên nhiên như bây giờ. Ý tưởng mình là sinh vật tầm thường nhỏ nhoi trong cõi vũ trụ bao la vô bờ càng thêm sắc nét. Cùng lúc là những hoài nghi về thân phận. Tại sao lại có mặt mình tại đây mà không là nơi khác? Tại sao lại có những phân biệt giữa mình và tha nhân? Ngã của mình, ôi, nhỏ như hạt cát, bần như cục phân, mà cũng rộng như đất trời, tinh khiết như giọt sương sớm. Sau bao năm tu học, mình đã chuyển hoá được gì chưa, mình đã dứt bỏ được những ràng buộc của khổ đau và dục vọng chưa, hay lòng mình vẫn còn vướng mắc vào những móc xích mê chấp? Đã có lần sư cụ dạy rằng: “Tu không phải để lánh đời, mà để nhìn đời bằng tâm tư tích cực hơn. Chuyển được tâm mình, tức là chuyển được cái tâm đời đầy u mê ám chướng.”

Tiểu Bửu khép mắt lững lơ, hai tay xoắn lại đặt trên bụng. Tiếng chim gọi chiều, tiếng lá cựa mình vào đêm hoà với trảng âm thanh không tên nghiêng mòn lê thê trong lòng chú, làm thành điệu ru êm. Chú thiếp vào giấc ngủ rói.

Có tiếng chim ụt lặc giọng từng hồi. Tiểu Bửu tỉnh giấc, ngẩn ngơ giãy lát. Trăng rười rành nhạt lên nền chùa hoang phế. Hơi đêm dịu mát. Côn trùng rì rả không môi. Tiểu Bửu ngồi dậy, vươn vai, mở bầu nước, vốc ngậm nhỏ rửa mặt. Chú nhìn nha bóc vỏ củ khoai lang luộc còn lại, vừa ăn vừa ngắm tàn bông sứ sau sân chùa. Trăng không sáng lắm, mà không hiểu sao mắt chú nhận rõ những đốm bông trắng muốt như ngậm chất phát quang. Lờ lững của sự cụ vang lên trí chú: “Thầy chôn tượng Phật bên gốc sứ sau chùa, có tảng đá núi làm dấu. Đá hơi to, con phải đào đất, lấy cây nậy mới xê dịch được.”

Giờ đây, tiểu Bửu đang đứng bên cội sứ già, cạnh tảng đá vừa được bẩy sang bên. Một hõm đất nông bày ra dưới luồng trăng nhợt nhạt. Tiểu Bửu quỳ gối, tay cầm xẻng con, thận trọng xắn đất. Khí trời thoáng mát mà lưng áo tiểu Bửu rịn ướt mồ hôi. Tự dưng chú nghĩ tới thắc mắc ngây thơ của tiểu Hạnh: “Không biết sự cụ đòi đem bức tượng đó về làm gì?” Phải rồi, chi vậy? Không phải tất cả hình tượng đều là vọng tưởng sao? Tại sao không “ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”, như kinh Kim Cang đã dạy? Tiểu Bửu còn đang lan man tự hỏi, chợt giật thốn người khi có cảm giác lưỡi xẻng chạm phải vật cứng. Chú nói tay, xới từng lớp mỏng. Mồ hôi chú lăn thành dòng xuống cổ áo. Tiểu Bửu tận dụng thị lực, soi chăm chăm vào hố đất con. Đoán thấy đủ độ sâu, chú vát xẻng, dùng tay không cẩn thận bới quanh vật thể được bọc trong nhiều lớp vải, miệng lâm râm niệm Phật. Chú mọp người, khuôn khối vải đặt bên miệng hố, chỗ sáng trắng. Tim chú đập liên hồi. Chú phủi sạch đất cát, run tay tháo vải. Nước mắt chú tuôn ràn rụa khi nhận ra pho tượng vẫn còn bóng ngời chất gỗ quý. Chú lấy bầy nâng pho tượng lên, toan áp má vào mặt tượng thì... trời ơi, chú thấy từ lòng tượng rỉ ra từng dòng trắng đục như sữa. Hai mắt tiểu Bửu tròn ngược, miệng lắp bắp không tròn câu:

- Mô... mô... Phật, tượng ở... mọt ăn.

Rồi chú buông tượng xuống đất, khóc nghẹn.

## Cuối cùng, không còn lại

Tôi hỏi lý do tại sao Luận xin trọ tạm nhà tôi một khoảng thời gian, Luận triết lý ngắn gọn, để làm lại cuộc đời. Tôi gắt gỏng qua đây nói:

- Cái tuổi của mày, ngoài bốn mươi rồi mà không chịu lập gia đình, cứ hoang đàng, phóng túng như vậy...

Luận cướp lời:

- Đứa nào nói với anh là em hoang đàng, phóng túng?

- Không có “đứa nào” ở đây, nghe chưa? Kiểu sống của “cậu”, trong gia đình ai lại chẳng biết? Bạn bè của mày đâu rồi, sao không nhờ chúng nó?

Luận cười lớn, tiếng cười có âm điệu như thể chúng tôi đang đứng trong hang động, cái hang động dành cho những kẻ có ý định nhập thất. Tụ dưng, thoát cái, tôi nẩy ra ý nghĩ so sánh kỳ quặc ấy.

Luận nhẹ giọng như than:

- Ngoài này chỉ còn có anh em mình, còn ai nữa đâu mà “gia đình”?

Tôi còn bối rối vì những tư tưởng lạ lùng quá nhiều thì Luận đã mau mắn tiếp lời:

- Mà chữ “đình” có liên hệ gì với chữ “gia” vậy anh?

Luận phân trí tôi chớp nhoáng. Tôi lưỡng lự:

- Ủ, mày hỏi, tao mới thấy ra. Cái “đình” với cái “nhà” ở làng quê Việt nam mình lúc nào cũng gắn bó mật thiết... Có lẽ từ đó mà ra.

Luận ví von:

- Thứ em đang cần là một mái nhà, có kẻ ra người vào mỗi ngày, còn miếu đình mỗi năm chỉ cúng lễ tấp nập một lần. Em sợ những dịp lễ lạc kiểu ấy, vì sau khi hương tàn nến lạnh, không khí mới thật sự âm u.

Tôi cười hất. Giọng cười nghe như nhát chùng, dè dặt:

- Mày học nói văn hoa màu mè ở đâu vậy?

- Đầu tháng tới em bắt buộc phải dọn ra.

Luận đổi đề tài như trở bàn tay, như thời tiết nắng mưa, ấm lạnh chóng vánh nơi đây. Tôi bảo, để bàn lại với chị dâu mày. Nghe vậy, Luận biết tôi ưng thuận, mau mắn cảm ơn rồi kết thúc mẩu đối thoại như sợ tôi đổi ý.

Vẻ mặt Hạnh thoáng ngạc nhiên khi nghe tôi thuật lại lời cầu xin của Luận. Nàng hỏi tôi về việc làm hiện thời của Luận. Nó không kể, tôi cũng quên hỏi. Trước đó nó là nhân viên trong một



văn phòng du lịch. Hạnh bàn, nhà mình chỉ còn cái phòng trống dưới hầm, để em dọn dẹp lại cho gọn gàng. Chú ấy định ở trọ bao lâu, nàng hỏi. Chắc không lâu, tôi đáp rồi chặc lưỡi trách cứ vu vơ, cái thằng già đầu mà ăn chưa no lo chưa tới. Vợ tôi cười khế, khó đoán nàng nghĩ gì. Có điều, tôi biết rõ, Hạnh không phải là người phức tạp, so đo, tính toán. Đôi lúc tôi nhận thấy nàng hiền lành, đơn giản tới độ gần như vụng về. Tôi không vậy. Tôi thường có những suy tư trần trụi, lắm lúc bắt tôi phiền muộn vô cớ. Như mới nãy, trong khi chuyện vãn với Luận, ngẫu nhiên tôi tưởng ra hai đứa tôi đang đối diện nhau trong một hang động nhấp nhô vệt sáng từ khe hở mở ra vòm trời mênh mông. Một nơi chỉ có anh em chúng tôi, với thỉnh thoảng tiếng nước rỉ giọt xuống hõm thạch nhũ tách, tách... Âm thanh va vào vách đá, cộng hưởng thành đợt hồi tưởng bập bênh nhiều mảnh vụn...

Tuổi chúng tôi cách nhau năm một, tâm tính nhiều điểm bất đồng, nhưng có nhiều gắn bó trong quá khứ: thuở nhỏ học cùng trường, đi về chung mỗi ngày. Tôi sống động, bất chấp như ve; Luận nhu mì, cần cù như kiến. Sau tú tài đôi, tôi ra nước ngoài; Luận ở lại, nhập ngũ. Vài năm sau chiến tranh, Luận đi tù cải tạo, được thả rồi vượt biên. Hôm chúng tôi gặp lại ngoài phi trường, tôi mũi lòng chảy nước mắt khi thấy nó đen, ốm, dễ vỡ như gỗ mục. Tia mắt Luận loé lên một thoáng, như tích tắc ngắn ngủi nhận diện người thân, rồi gấp mặt xuống vai tôi, đón bắt hơi hướm thâm tình. Chỉ vậy thôi.

Luận tới sống với gia đình tôi trong khoảng thời gian đầu. Lúc ấy tôi và Hạnh vừa chính thức kết hôn chưa tròn năm. Việc làm của tôi theo hợp đồng ngắn hạn. Đời sống bấp bênh như thuyền con trong biển lớn. Căn nhà mượn ba phòng nhỏ, chật. Luận phải ngủ trong phòng làm việc mười thước vuông. Ngày ngày tôi đi làm, thường khi chập choạng tối mới về. Hạnh đang mang thai con so, thêm gánh nặng chợ búa, tâm tính buồn vui bất chợt. Có thêm Luận, tôi ngại Hạnh đảm đương không xuể, vì tôi biết rõ bản sắc thằng em, bừa bộn hơn là ngăn nắp. Không ngờ, chỉ sau một khoảng ngắn Luận về sống chung, tôi để ý thấy Hạnh tươi tắn hơn trước. Nàng chỉ than phiền, thường khi trước mặt Luận, chú Luận hút thuốc nhiều quá, hại sức khoẻ. Luận nại cớ, em tập tành hút thuốc và thiền tập trong mấy năm tù cải tạo. Tôi trợn mắt:

- Mà? Tập thiền?

Luận cười nhỏ nhẹ:

- Cho đỡ đói.

Hạnh bông đùa:

- Ở đây có ông thiền sư dạy thiền bảy món: đi, đứng, ngồi, nằm, ôm, lúc rửa chén, khi điện thoại.

Tôi bất chấp:

- Cả những khi tắm rửa, bài tiết, làm tình.

Hạnh lờm mắt nhìn tôi. Luận cười hể hả, tại sao không?

Có lần, vào giường nằm, Hạnh thủ thỉ:

- Chú Luận bớt hút thuốc rồi anh ạ!

Tôi trở lưng, vuốt ve chóp bụng Hạnh căng tròn, âm ừ không nói. Hạnh khúc khích trong bóng đêm:

- Có vẻ như chú ấy tiêu tiểu lâu hơn trước, chắc đang tập thiền bài tiết.

Tôi đập khẽ lên bụng nàng, giọng nhừa nhựa:

- Em bỏ tạt rình lỗ khóa, được không?

Hạnh “hứ” một tiếng, xoay qua hướng khác. Tôi áp mặt vào tóc nàng, thở ra hít vào, miệng láp đáp:

- Anh đang thiền tóc... Tóc em sợi cứng sợi mềm. Nửa đêm trăng lặn, anh thềm sợi tóc mai.

Hạnh làm thinh. Tôi biết nàng không giận, chỉ ngỡ ngàng vì lời lẽ tôi thiếu tế nhị. Tôi làm lành bằng cử chỉ ve vuốt. Bụng nàng đã tám tháng, bác sĩ sản khoa không đoán được trai hay gái, vì thai nhi nằm sấp. Tôi lặp lại câu nói quen, trai gái gì cũng được, miễn sao khoẻ mạnh, lành lặn. Nhưng khi chúng tôi làm chuyện vợ chồng, Hạnh luôn miệng nhắc, nhẹ thôi, mạnh quá, tội nghiệp con. Tôi quen thói lớn tiếng sáng khoái khi xuất tinh. Hạnh bịt miệng tôi lại, sau đó dạn dò, có mặt chú Luận, anh nhớ điều chỉnh âm thanh nhỏ lại. Tôi nẩy ra sáng kiến, mở nhạc những lúc đó. Nhiều lời hát tằm nhập trí tôi, lẫn lộn, không đầu đuôi. “...Nhiều khi bỗng như trẻ nhớ nhà, về giữa phố xưa tôi quì... Chút nắng vàng từ đây cũng vội, khép lại từng đêm vui... Tỉnh ra có khi còn nghe...” Hạnh chê tôi có trí nhớ kém. Làm sao tôi nhớ được trong giây phút sáng khoái mặn nồng nồng đó?

Những ngày Hạnh vào nhà hộ sinh, khuya, tôi trần trổ chiêm bao. Thấy mình trở thành đứa trẻ về lại quê nhà mùa nắng cháy. Nhưng tôi không quì giữa phố, mà dò dẫm ra vườn thăm lại những gốc cây, bụi cỏ thân thiết thuở ấu thời. Trưa vắng. Không gian tịch mịch, nặng trĩu hơi nước. Cây trứng cá rụng trái đỏ đầy sân. Đột nhiên, vắng lại từ xa, tiếng nước đổ âm ì. Tôi tươi mặt nhận ra thác nước trong bài hát những đêm tôi gò gẫm thận trọng trên bụng Hạnh tám tháng. Và không khỏi nhớ lại cảnh tượng tôi đứng cầm tay nàng lúc thai nhi chào đời. Máu hoà nước ối xối xả bụng dưới. Hạnh cắn răng, tổng khứ cái đầu trẻ sơ sinh lầy lưa chất nhờn khỏi khe bụng. Nàng bắt tôi rặn theo vô ý thức. Giọng ông bác sĩ đỡ đỡ hỗ trợ. Hạnh dốc sức đẩy nhúm thịt ra ngoài. Bà phụ tá nhanh tay hứng lấy sinh vật nhăn nheo đỏ hồng, nắm chân dốc ngược. Vài tiếng ngo ngoe yếu ớt vang lên, khởi hành đoạn hành trình nhân sinh. Tôi cảm khăn chạm mồ hôi tươm dòng trên trán Hạnh. Hai mắt nàng ánh lên tia sáng mong đợi, khoé môi nhếch cười toại nguyện. Khoảnh khắc đó, bất thần tôi nghĩ tới những lần chúng tôi ân tình cùng nhau. Ý tưởng không đúng thời, không phải chỗ, nhưng thực tế là như vậy. Nơi Hạnh tiếp nhận một phần da thịt tôi cũng là nơi nàng cho ra đời một khối thịt da mới. Điều so sánh chẳng có gì tân kỳ, nhưng với tôi, nó mang một ý nghĩa vô cùng sâu sắc.

Bà phụ tá ẵm đứa nhỏ bọc khăn trắng tới đặt lên ngực Hạnh, nở miệng cười:

- Chúc mừng ông bà, một bé trai.

Ngấn mắt Hạnh lóng lánh ướt. Tôi xúc động, không thốt ra chữ, lâu sau mới lí nhí được lời cảm ơn.

Bữa đó tôi mua bia về nhà, ăn mừng với Luận. Nó tháo vát không ngờ, nhanh tay làm món nhắm, tôm khô với dưa chuột ngâm giấm. Những ngày tiếp đó, Luận trở tài nội trợ, nấu những món thuần tuý dành cho sản phụ, để tôi đem vào nhà hộ sinh. Khẩu vị Hạnh không hợp với

thức ăn bản xứ, vì vậy thấy tôi mang tới, lúc thịt heo nạc kho mặn lúc giò lụa muối tiêu rang lúc canh mướp thịt băm, toàn đặc sản quê nghèo, nằng ựa lắm, ăn uống tận tình. Hỏi ra, biết Luận trở tài, Hạnh trầm trở không tiếc lời.

Không rõ, có phải nhờ vậy mà chỉ hai ngày sau, Hạnh hồi sức, được phép bồng con về nhà. Tôi xin nghỉ phép một tuần, ở nhà chăm sóc vợ con. Đó cũng là khoảng thời gian tôi biết rõ tính khí Luận nhiều hơn trước. Đếm lại, chúng tôi xa nhau xấp xỉ mười lăm năm. Đủ lâu để tôi không còn nhận ra cá tính thẳng em trai. Những biến động ở quê nhà hẳn đã ít nhiều ảnh hưởng tới điều đó.

Một lần, trong cuộc rượu vụn, tôi dọ dẫm:

- Sang đây rồi, mà có những dự định gì?

Luận chần chừ:

- Thì... cũng như người khác, học tiếng bản xứ, học nghề rồi tìm việc làm.

Tôi vắn vẹo:

- Mà định học nghề gì?

Luận đáp gọn:

- Em không thích làm bồi hay phụ bếp quán ăn, mà thích làm một việc gì đó có giờ giấc nhất định.

Nói tới đó, hai mắt Luận bật sáng:

- Đòi người ngán ngủi, hưởng thụ cái đã.

Rồi, nó nhếch môi cười vu vơ. Tôi nhận ra trong ánh mắt, giọng cười cái bản sắc cố hữu của Luận thuở nào. Hạt giống ấy chỉ cần một cơn mưa ẩm là nảy mầm, bung lá. Quê hương tôi, tuy mưa hiền nắng ấm, nhưng lòng người khắc nghiệt, vẫn chưa phải đất lành.

Không đợi tôi có ý kiến, Luận đã kể lể:

- Những năm tù cải tạo đã bắt em suy nghĩ nhiều điều và thấy rõ chính mình hơn trước. Sống không vì mục đích cao cả nào, miễn sao đừng va chạm tổn thương đến đời sống cá nhân của kẻ khác.

Tôi chép miệng:

- Mà lý tưởng, mơ mộng nhiều quá, không tốt.

Luận cười vô tư:

- Anh cho như vậy là mơ mộng sao?

Tôi đập nhẹ lên vai Luận như thể vỗ về, vắn tắt:

- Thực tế hơn chút xíu, được không?

Luận không nói gì thêm, nâng ly chúc mừng tôi có con trai đầu lòng. Tôi đắn đo mấy chuyện vặt vãnh, chẳng hạn, không biết nên đặt tên con là gì. Tôi và Hạnh đã nhiều lần bàn tính chuyện này. Không lần nào chúng tôi tìm ra mẫu số chung. Hạnh thích có con gái đầu lòng. Tôi muốn một đứa con trai, để cha con đi xem đá banh, đi xem triển lãm xe gắn máy, xe hơi và chơi những trò mà đàn bà con gái ít khi ưa chuộng. Giờ đây, ước muốn tôi đã thành sự thật. Tôi vui sướng, hãnh diện và lo lắng cùng lúc. Tôi sợ mình không kham nổi bổn phận dạy dỗ.

Hạnh rầy rà lầy lệ khi nghe tôi bày tỏ nỗi lo. Nàng nhỏ nhẹ, phải dung hoà anh ạ! Dễ dãi quá, khó dạy con. Khó khăn quá, nó trách mình. Tôi chắt lưỡi so đo, có vậy mới thấy phúc ông bà cha mẹ mình lúc trước ở quê nhà. Chưa có phương tiện ngừa thai, ai cũng con cái đùm đong, vậy mà tảo tần nuôi nấng, rồi cũng xong. Hạnh góp ý, anh chỉ nói tới hoàn cảnh tương đối thuận lợi của gia đình anh trong xã hội. Có biết bao tầng lớp bần cùng, chịu nhiều thiệt thòi khác. Với họ, kể sinh nhai là một vấn đề nan giải, nói chi tới chuyện giáo dục. Tôi im lặng, ngấm ngầm cho Hạnh có lý. Và không khỏi tự hỏi, tại sao đời sống có những phân biệt này?

Hạnh thường lắc đầu than thở, rằng tôi ưa nghĩ ngợi xa xôi. Tôi gạt đầu an phận, ông trời ban cho anh tính nết vậy, chịu thôi. Khoảng thời gian có Luận sống chung, Hạnh càng nhận ra tâm tính dị biệt giữa hai chúng tôi. Hạnh nói thẳng:

- Tính anh với tính chú Luận khác nhau như trời vực.

Tôi lan man:

- Thuở nhỏ anh với nó hầu như cái gì cũng giống. Tóc gáo dừa hớt một kiểu, áo quần y hệt như anh em sinh đôi, chỉ có sở thích là hoàn toàn khác nhau. Anh thích chơi bắn đạn, tạt hình, đá banh, còn Luận ưa vít dây thun, búng hột me, thậm chí còn nhảy lò cò, đánh đũa với chị và đám con gái lối xóm.

- Anh với chú ấy có khi nào đánh nhau?

- Chưa bao giờ. Anh chị em nhà anh hiếm khi cãi vã, giận hờn, nói gì tới đánh nhau.

- Cha mẹ anh khéo dạy con.

- Ông bà san sẻ tình thương công bằng cho bầy con.

Hạnh lý luận:

- Người ta chỉ làm được chuyện đó khi đời sống vật chất ổn định, có thì giờ để ý tới con cái.

Không dưng tôi mỉm cười, man mác tưởng lại:

- Đã vài lần Luận nói với anh, nó có cảm tưởng ba thương anh nhiều hơn thương nó.

Hạnh thờ ra:

- Tâm lý trẻ con đó mà!

- Trẻ con gì, bây giờ Luận vẫn còn nghĩ như vậy.

Tôi không khỏi liên tưởng nét mặt Luận khi bày tỏ ý nghĩ trên. Không buồn, không trách cứ, mà phảng phất điều gì như ngưng ngạt. Tôi đoán chừng, Luận sợ nói ra sẽ làm sai lệch hình ảnh ruột thịt thiêng liêng. Cha mẹ chúng tôi qua đời đã nhiều năm. Theo tập quán gia đình, tôi không cúng giỗ, chỉ đóng khung ảnh cha mẹ đặt trên bàn thờ niệm. Và quan trọng hơn hết, là tươi tắn những hình bóng quá vắng luôn tươi sắc trong tâm khảm mình.

\*\*\*

Tháng năm, từ dạo đó, thân nhiên trôi qua. Hai con tôi giờ đã lớn. Mỗi năm đôi ba bận, nhân sinh nhật chúng, Luận tạt ngang, trao quà. Hồi hã như sợ lỡ chuyến xe cuối cùng trong ngày. Thoảng hoặc vợ chồng chúng tôi nhắc tới Luận, hoàn toàn ngẫu nhiên. Hạnh am tường đời tư Luận hơn tôi. Khó đoán nổi nàng nghĩ gì qua khoé cười tủm tỉm:

- Chú ấy làm việc siêng năng, giỏi giẩn, hội nhập trơn tru như thoa mỡ.

Tôi gặng hỏi:

- Nó kể gì với em?

Hạnh ậm ừ:

- Thì... lẩn quẩn mấy chuyện ở văn phòng, và... tình cảm lãng nhãng.

Hạnh khiến tôi tò mò:

- Có gì lạ không?

Hạnh ra vẻ quan trọng:

- Có chứ anh. Dịp nào, em sẽ kể anh nghe!

Rồi, vì những lo toan thường nhật, tôi quên đi như quên những giấc mộng vá vúi, không đoạn kết. Chúng nhem nhuốc cảm xúc, hụt hẫng, vô màu như thứ dục tính không nhằm đối tượng. Tôi chấp nhận và bằng lòng với đời sống mình, chưa một lần cất tiếng than van. Nhưng tôi biết, thâm tâm mình vẫn còn một gian trống trong lâu đài thanh thang, rực rỡ tia sáng những ước vọng không thành, chỗ tôi thỉnh thoảng vẫn rảo chân dạo chơi. Nhiều cánh cửa mở rộng cho tôi vào ra linh hoạt. Duy cánh cửa căn phòng cuối hành lang vẫn đóng kín. Chìa khoá ấy, tôi cất giữ trong tâm tưởng, như điều bí mật của riêng mình. Nổi khát vọng gì vậy?

Một hôm, Hạnh gọi vào chỗ tôi làm việc, nhờ tôi chiều nay ghé ngang siêu thị mua vài thứ gia vị nhà không còn. Cuối năm trời tối sớm. Mưa tuyết phát mỏng, không đủ khoác tấm áo mùa đông cho phố phường. Chật vật một hồi khá lâu, tôi mới tìm được chỗ đậu xe. Vừa tắt máy, toan bước ra thì tôi thấy loáng thoáng một dáng đi quen, tán dù đen che ngang đầu. Luận. Không phải một mình. Bụi tuyết bám mờ kính xe, tôi không nhìn rõ. Tôi xô cửa xe, toan lên tiếng gọi thì hai lưng áo sẫm màu đã lẩn vào đám đông xuôi ngược. Tôi dáo dác quanh quất. Những khuôn mặt trở lạnh, những bước chân tất tả. Mùi rượu vang tẩm hồi và đinh hương chua nồng. Hương va-ni và đường cháy ngan ngát. Đã nhiều năm tha hương, tôi vẫn thấy mình như kẻ hoá trang trong dòng đời bản xứ.

Có lần sau đó, Hạnh ngần ngừ kể tôi nghe vài khía cạnh đời tư của Luận. Tròi ạ, chẳng em tương thân của tôi giờ đây đổi thay như vừa trải qua một cuộc phẫu thuật hiện đại, về ngoại hình lẫn tâm lý. Tôi phải trực diện với nó một lần mới rõ trắng đen.

Luận rất mực ngạc nhiên khi tôi gọi điện tỏ ý muốn gặp. Chỗ hẹn là một quán cà-phê bánh ngọt trong ngõ hẹp phố chính. Nơi này, trước kia, tôi và Hạnh thường hò hẹn cùng nhau. Nàng thích món bánh táo rắc hạnh nhân bào mỏng và đường quế. Tôi hợp khẩu với loại bánh trái cây nhân kem có mùi chanh. Cà-phê không có vị đặc biệt. Tôi thích vì bầu không khí yên tĩnh, ấm cúng. Vào những dịp lễ lớn cuối năm, quán đông khách, nhưng không có vẻ tất bật của một kẻ không kham nổi thời khoá biểu. Có điều lạ, khách tới lui không phải chỉ những người cao tuổi với động tác mẩu mực, khuôn sáo. Tôi thường gặp nhiều cặp tình nhân son trẻ chuyện trò âu yếm nơi bàn hai chỗ ngồi, trong góc quán vàng mờ ngọn nến con. Nhiều cửa sổ rộng chực cây cảnh, giăng màn voan màu huyết dụ. Những khung kính trông ra ngõ hẹp dốc ngược lên ngôi nhà cổ ghi bảng xây vào đầu thế kỷ trước.

Mỗi bận tới đây, tôi đều có cảm tưởng mình vừa lẩn qua lẩn ranh thời gian, ngược dòng quá khứ. Còn hơn thế nữa, là kẻ đang trà trộn vào trò chơi úp mở của tạo hoá. Một lần mở ra là một kỷ nguyên khác. Cứ vậy luân phiên. Những thời đại, những chủng tộc, những bản sắc hiện ra rành rành trên mỗi khuôn mặt, qua từng ngôn ngữ, lưu dấu chưa phai trên từng viên gạch xây tường, từng phiến đá nhẵn ngụi bàn chân giẫm.

Luận tới trễ mười lăm phút, cao giọng phiên hà khó kiếm chỗ đậu xe. Tôi đã gọi cho mình một tách trà đen ăng-lê sữa đường. Tôi để ý ngắm Luận. Nó tháo khăn ni đồ quàng cổ, cởi áo da máng vào lưng ghế. Tôi thấy cổ tay nó đeo vòng chuỗi hạt trắng đục như sữa.

- Mà đeo những thứ này à?

Tôi nhăn mặt hỏi. Luận kéo ghế ngồi, chia tay tới trước mặt tôi, giải bày:

- Bạch ngọc đó anh! Tuổi em hợp với loại đá này. Đeo để tăng sinh lực.

- Mà mê tín từ khi nào vậy?

- Sao lại mê tín? Nếu nó không đem lại hiệu quả thì cũng không có ảnh hưởng xấu.

Tôi lặng thinh. Luận gọi một ấm cà-phê con và một phần bánh táo. Hạnh có lý. Luận không còn là một gã trẻ tuổi suy dinh dưỡng, kiệt quệ tâm lý đến từ một xứ đầy dẫy những trại tù cải tạo của nhiều năm trước, mà đã chóng vánh gột tẩy trở thành một nhân tố đồng dạng trong xã hội văn minh. Đầu tóc Luận cắt khéo, râu hàm cạo sạch, viền đậm màu da mặt nâu đỏ, khoẻ mạnh. Tôi không khỏi tự hỏi, bằng cách nào mà Luận biến dạng nhanh chóng như vậy?

Tôi buột miệng:

- Trông mày khác nhiều.

Luận cười khế:

- Hơn năm năm rồi anh.

- Không phải ai cũng như mày.

Luận nhúu màỵ:

- Anh nói như trách.

- Việc làm, sức khoẻ, đời sống màỵ hiện giờ ra sao? Lâu không nghe màỵ gọi điện thoại, cũng không thấy tới thăm, anh màỵ đâm lo.

- Không tin tức có nghĩa tin lành.

Tôi bực bội:

- Đừng lý luận với tao. Chị dâu màỵ kể lại...

Luận ngắt ngang:

- Việc làm tốt, sức khoẻ khả quan, chỗ ở ổn định. Chị Hạnh nói gì với anh?

Tự dưng tôi ngỡ ngàng ngập. Những định kiến gai góc lớn vờn trong trí. Luận giơ tay sửa lại cổ sơ-mi màu vàng rơm lật ngoài áo len trắng muốt có những ô hình thoi màu nâu hạt dẻ. Cử chỉ và cách phục sức của Luận, thật ra, không có gì diêm dúa, nhưng tôi vẫn thấy chúng phô trương, lộ liễu. Không như tôi, quanh năm dày tháng, lúc nào cũng cởi ra mặc vào những bộ áo quần với dăm ba màu sắc nhất định. Những trang phục do Hạnh chọn mua theo ý tôi. Khác, không bao giờ tôi đụng tới.

Tôi không trả lời câu Luận hỏi, xắn một mẩu bánh, lặng lẽ nhai. Luận rót thêm cà-phê vào tách, khuấy lạnh canh. Những móng tay Luận đều đặn, cắt dũa gọn gàng. Chúng bắt tôi có lúc rón rén lướt mắt lên mấy ngón tay mình. Làm biếng, chưa cắt. Tôi nhớ lại thuở nhỏ, không hiểu sao, mười đầu móng tay lúc nào cũng đen bẩn, tôi thường lấy tăm tre cạy đất. Giống như lúc tôi trật ngược túi áo, tần mẩn gỡ sạch bụi bặm và vụn bánh li ti. Cảm giác những lúc đó thích thú kỳ lạ. Không biết Luận có nhớ những chi tiết ngộ nghĩnh ấy?

Giọng Luận trầm trầm:

- Đã có lần em nói với anh, đời người ngắn ngủi, hưởng thụ cái đã, miễn sao đừng va chạm, tổn thương tới kẻ khác. Em đang thực hành điều đó bằng phương tiện vật chất do chính công sức em làm ra. Em không phải người tu hành. Em sống, trước tiên cho mình. Em giao tiếp, ăn ngủ với những người em thích. Ai nói gì, kệ họ. Em bất chấp luật lệ của số đông. Em đang sống tại một nơi mà quyền lợi cá nhân được tôn trọng, thì tại sao em phải giấu giếm bản sắc mình? Vài chục năm trước, đâu ai nghĩ rằng sẽ có một ngày những người cùng phái được phép ra sở hôn thú ký giấy sống chung với nhau?

Tôi bắt bẻ:

- Ở Trung đông và Hoa lục, bắt được, bị xử tử.

Luận bĩu môi:

- Tội nghiệp cho những đầu óc đụng toàn sỏi đá.

- Màỵ thay đổi từ khi nào vậy?

- Tại sao lại thay đổi? Nó là bản tính, là nhiễm sắc tố trong mỗi tế bào da thịt, trong từng sợi lông, chân tóc.

Tôi thấy vẫn còn điều gì không ổn, nhưng biết nói ra sẽ không giải toả được gì, đành lảng qua chuyện khác:

- Mấy ngày nghỉ lễ, mày có dự tính gì chưa?

- Chắc cũng như mọi năm, em tới chơi nhà bạn hoặc mời bạn về nhà, nấu nướng, đi dạo và nghỉ ngơi.

- Nếu thích thì tới nhà tao chơi. Hạnh và mấy đứa nhỏ nhắc tới mày luôn.

Luận ngập ngừng:

- Em không thể để bạn một mình.

- Thì dẫn nó tới!

Giọng Luận ngờ vực:

- Thằng bạn của em không ăn được nước mắm.

Lận làm tôi bật cười:

- Thì pha cho nó một tô nước tương, khó tính.

Luận buông giọng cười theo. Tôi thông thả hỏi thăm thêm nhiều chuyện khác, thỉnh thoảng chêm vào một vài lời khuyên cho đúng bổn phận. Rồi chúng tôi mềm giọng ôn lại vài chương dĩ vãng chung thời niên thiếu.

Lúc chúng tôi rời quán, phố phường đã rực đèn. Tôi siết lấy lưng Luận, từ già. Khứu giác tôi đầm đẫm hương đường cháy những hàng quà bánh đón lễ cuối năm. Luận đi khỏi, tôi thông thả bước ngược lên con dốc. Dầu chân tôi giẫm lên mặt lộ lốt đá xanh mấp nhô. Tôi ngược mắt ngắm nhìn ngôi nhà cổ đậm nét lên nền trời xanh thẫm, và thấy ra lý lẽ sau cùng của đời sống. Không còn lại.

## Đầu năm, hỏi chuyện người bạn cũ

### Hồ Đình Nghiêm



*Trước tiên, xin cảm ơn diễn đàn Da Màu đã tạo điều kiện cho chúng tôi thực hiện cuộc trao đổi này. Cũng nhờ Da Màu, chúng tôi mới bắt được, nối kết lại được "sợi giây" vốn mong manh, dễ đứt gãy giữa những người cầm bút – tạm gọi là tình văn nghệ, ngoài đất nước. Giờ này, một người ở châu Âu, kẻ ở Bắc Mỹ đang "nói mạng", chia sẻ những ý nghĩ vụn vặt, loanh quanh về cái món mà tiền nhân gọi: "Rẻ như bèo"...*

Hồ Đình Nghiêm



Hồ Đình Nghiêm (HĐN): *Tạp chí Văn Học số Tết Kỷ Ty 1989, trong tựa đề "Nhìn lại tình hình sách vở của năm 1988"; Bùi Bảo Trúc có đoạn viết: "... Ngô Nguyên Dũng rời Việt Nam năm 18 tuổi, sống ở ngoại quốc 18 năm. Một nửa đời ở trong nước, lớn lên với tiếng Việt. Một nửa đời đi học, sống và viết ở một nơi không có tiếng Việt. Một nửa đời sau của ông vẫn ngoài lại nhìn nửa trước. Vẫn luyến tiếc nửa đời trước, và vẫn không rời nửa trước...". Sau những thăng trầm, bây giờ nhìn lại, anh nghĩ gì về những nhận xét thuở ban đầu ấy. Anh có điều gì cần bổ sung?*

Ngô Nguyên Dũng (NND): Bây giờ, năm 2010, không còn là 18 mà đã gấp nghe 40 năm tôi xa xứ rồi anh ạ. Bảy nhiều năm dẫu bề trong đời sống, tôi vẫn kiên trì dong ruổi đoạn đường văn chương, vẫn vừa đi vừa ngoài lại, như anh Bùi Bảo Trúc đã nhận định trong... thế kỷ trước, nhưng không phải "nửa trước" mà là mấy chục lần cái "nửa trước". Ngoảnh đi ngoảnh lại, tóc đã thưa sợi và muối nhiều hơn tiêu. Để rồi, như một cách bào chữa cho "cái tội" may mắn được sống tại một đất nước thanh bình, phồn vinh thật sự chứ không giả tạo, tôi... chạnh nghĩ, khi những ai xông xáo viết về những kinh nghiệm, chính họ chưa từng trải qua, là một thách đố lớn. Cũng "lớn" như chuyện tôi đang dọ dẫm, tìm cách... cọ xát, tiếp cận với văn học bản xứ: tự chuyển dịch những trước tác và thỉnh thoảng tí toáy sáng tác bằng ngôn ngữ bản xứ là việc làm của tôi hiện nay.

HĐN: *Thời điểm đó anh đã có tập truyện "Dòng Chữ Tâm Tình" do nhà Văn Nghệ in và phát hành. Giai đoạn ấy, nhiều người đã lạc quan, tin vào sự khởi sắc của dòng văn học lưu vong. Lê Thị Huệ, Trần Diệu Hằng, Phan Thị Trọng Tuyền, Nguyễn Thị Hoàng Bắc... Những người viết mới hầu như ai cũng có sách trình làng. Thử nhớ lại, thời gian cũ, ngày ấy anh có mang một niềm kỳ vọng?*

NND: Câu hỏi của Anh chỉ đề cập tới các cây bút nữ giới, làm tôi... băn khoăn. Nam giới, trong thời cực thịnh của dòng văn học Việt Nam lưu vong, thời "trăm hoa đua nở, nhà nhà chong đèn thâu đêm để viết văn làm thơ", cũng có nhiều người viết đặc sắc lắm chứ. Tôi (còn) thích viết và cho đó là nghiệp dĩ, là "món nợ vay mượn từ kiếp nào, của ai ở đâu không biết, mà kiếp này, tự mình biết thân biết phận mà trả, dù chẳng ai đòi". Có nên gọi đó là hoài bão hay kỳ vọng? Chắc không phải. Mà đúng hơn, phải là "kỳ quan": một quan niệm kỳ cục. Hay lòng bông triết lý theo đông phương tính để luận bàn về nỗi thăng trầm của dòng văn học Việt nam lưu vong: không có gì trên đời này thịnh hoài mà không có lúc suy và ngược lại. Hoặc... cao cấp hơn vài bậc: mục tiêu chính là con đường chúng ta đang đi!!!

HĐN: *Tại sao dần dà chúng ta chẳng còn thấy tăm hơi của họ? Anh có ngạc nhiên không? Điều gì đã cướp mất lòng đam mê của họ đối với văn chương? (Sinh kế, lập gia đình, đời sống trên đất tạm dung, ý thức về sự vô bổ của cuộc chơi?) Mang họ mỗi lúc một xa chúng ta. Nhận chìm họ giữa thế giới rộng lớn này.*

NND: Theo "kỳ quan" của riêng tôi thì cũng không có gì đáng ngạc nhiên. Những người viết khác vì nợ nần ít, nên trả xong sớm hơn tôi. Xong sớm, nghĩ sớm. Còn như, nếu họ về hưu non vì lý do bí ẩn nào khác, phải chính họ trả lời, mới vỡ lẽ, anh ạ. Kiếp người, theo tôi, tự nó đã là một "cuộc chơi vô bổ", bởi vì "sống để làm gì, trong khi ai cũng phải chết"??? Câu triết lý này nghe hơi sáo, nhưng nhất định không bi quan yếm thế và... rẻ tiền. Bởi vì có nghĩ như vậy, người ta mới nhận ra những gì cần và phải thực hiện trong đời sống này, trước khi... giao thoa với cái chết. Tôi cũng không muốn lặp lại câu sáo ngữ của nhiều người ở tuổi cổ lai hy: Nếu cho tôi làm lại từ đầu, tôi sẽ làm y như vậy! Mà, lỡ như tôi có được cơ hội bắt đầu làm lại, nhất định tôi sẽ làm khác: không viết văn làm thơ gì cả, mà sống hết mình theo bản năng như một người bình thường và tầm thường. Không phải học hành chi cho nhiều, để khỏi rơi vào trường hợp như tôi hiện nay: thỉnh thoảng lại ngủ thấy ác mộng, ngày thi cận kề mà chưa sửa soạn gì ráo. Và cuối cùng là một lời khẩn cầu: trời ạ, xin cho con kiếp sau đầu thai tại một đất nước không có nhiều tai ương.

*HĐN: Cá nhân tôi, khi đọc truyện Ngô Nguyên Dũng, cái mà tôi nhìn thấy trước tiên, đó là một ngòi bút giàu cảm xúc, nhiều suy tưởng. Rất nhạy cảm, nhưng luôn tự kiềm chế bằng những biểu hiện chừng mực. Tựa như anh đang đối thoại với ai đó, tôn trọng họ, để chẳng nói ra những lời khiếm nhã. Điều ấy khiến khí hậu trong truyện anh có vẻ ôn hòa, gần như đầm ấm, chẳng nóng chẳng lạnh. Nói một cách hàm hồ, đó là thứ bút pháp kén người đọc. Anh nghĩ sao? (Tôi hơi chủ quan. Chủ quan thường vấp phải sự lệch lạc).*

NND: Chuyện "nóng lạnh", "thời tiết" cùng "mùa màng" của chữ nghĩa là những ý niệm rất chủ quan. Viết là một động tác chủ quan đa lý thừa, vì là một hiện tượng đan díu tâm lý cảm giữa người viết và khối độc giả thầm lặng, mang tính tương đối như bản ngã của mỗi người chúng ta. Thế nên, không có chuyện đúng đắn hay lệch lạc trong thơ văn. Cá nhân tôi thích đọc những trang sách không có nhiều hình ảnh và ý tưởng cực đoan, nếu được gói ghém thêm một vài tư tưởng triết học đông phương, càng tốt. Đọc như thế nào thì viết như vậy. Hay bóng bẩy mà nói, viết là dương bản của âm bản đọc. Thành thử, nếu bút pháp tôi kén độc giả, hay trắng trợn (không phải trợn trắng) mà phán: "Văn sĩ viết kiểu gì, đọc bắt nóng lạnh!", cũng không có gì khó hiểu.

*HĐN: Truy cập vào diễn đàn Da Màu, đọc những trích đoạn trong tiểu thuyết của Lê Thị Thắm Vân, tôi choáng váng. Chắc anh cũng có đọc? Thắm Vân là người sẵn lòng, chẳng ngại ngần đập đổ những chướng ngại. Tôi nghĩ vậy. Cô đi mạnh dạn, xông xáo đi. Vừa đi vừa tự khoả thân trước đám đông... Sở dĩ tôi nhắc tới nhà văn nữ ấy vì tôi nghĩ nó hoàn toàn khác biệt với bản tính hiền hòa, cẩn trọng của anh. Ngang đây, chắc anh sẽ bộc lộ ít nhiều về quan niệm sáng tác của anh.*

NND: Tôi chưa và nghĩ rằng, khó lòng đọc trọn một tác phẩm của nhà văn Lê Thị Thắm Vân. Cách dụng ngữ của chị trong những tác phẩm sau này không hợp với khiếu thường ngoạn văn chương của tôi. Cũng cần nói thêm, những gì tôi tinh cở đọc được của chị chỉ là những tiểu tiết của một tổng thể, một thứ tổng thể có khuynh hướng "đập đổ những chướng ngại" rất tích cực mà cũng rất dễ gây ngộ nhận và phản cảm nơi người đọc. Vì nếu không có gì để khoa trương, thì hành động "tự khoả thân trước đám đông", ngôn ngữ hiện đại gọi là "bày hàng", sẽ hoá thành tiêu cực. Và, không khéo, những thông điệp cao cả sẽ sa lầy vào ao tù dung tục của chữ nghĩa. Tôi cũng thích và có viết về những đề tài cấm kỵ đó chứ, nhưng vì kém tài nên không đạt tới mức độ cực "nóng" như chị. Theo tôi, không phải Lê Thị Thắm Vân tự khoả thân, mà chị chỉ muốn "lột trần chữ nghĩa": một cách viết khôn khéo theo khuynh hướng tân hiện thực, là thứ văn phong mà tôi không có.

*HĐN: Tôi nhớ lại, cách đây e có hơn mười lăm (15) năm, nhà văn Phan Thị Trọng Tuyền từ Pháp du ngoạn sang Montréal. Tôi có gặp chị ấy, chuyện trò chẳng nhiều nhưng câu nói của chị tôi còn nhớ: "... Chỉ có người Bắc với dân miền Trung mới viết văn làm thơ thôi. Người Nam hả...". Chị không trình bày hết ý. Chị ấy luôn dễ thương và tôi đã không phản bác: Thơ Tô Thùy Yên tuyệt hay. Lĩnh vực truyện dài truyện ngắn có Bình Nguyên Lộc, Kiệt Tấn, Ngô Nguyên Dũng... Anh là người Nam, anh nên nói đôi điều, biết đâu chị Phan Thị Trọng Tuyền cũng đang theo dõi câu chuyện của chúng ta.*

NND: Tôi không để ý nhiều tới xuất xứ của người viết. Văn chương ai hợp với "tạng đọc" của tôi thì tôi thích. Tuốt bên Tây, ông Proust chỉ cần mẩu bánh Madeleine mà cả quá khứ ngàn trang lũ lượt hiện về. Ở châu Mỹ La-tinh, ông Márquez kể một chuyện tình trải qua bao nhiêu thăng trầm thổ tả, tới tuổi gần sụm bà chè, chàng và nàng mới tái hồi duyên cũ. Ngoảnh về phương Đông, ông Kawabata cứ nâng niu tách trà chưa phai dấu son kỹ nữ từ đời cha tới đời con, còn đậm đà ký ức trên tà áo ngàn cánh hạc. Ở ta, khi ông Võ Phiến bắt được tiếng rao hàng trong xóm nghèo hay ngóng tai nghe được phương ngữ nào "ngộ quá chừng" là tuôn ra tuôn tuột bao nhiêu trang bút trác tuyệt. Tôi xin được phép sửa lại lời của chị Phan Thị Trọng Tuyền: "Đâu phải chỉ có ông Tây, bà Đàm, ông Mỹ, ông Nhật mới viết được vậy, còn người Việt mình hả...?" Cách nói của chị Trọng Tuyền nghe có vẻ như man mác cảm tự

ti... Hay chị chỉ có ý bông lơn khiêm tốn chẳng? Tại sao chúng ta không thử đánh giá tác giả và tác phẩm như là "tài sản chung của nhân loại", mà mỗi sản phẩm điểm xuyết một vài đặc điểm do bản sắc sinh quán. Có như vậy, công bằng hơn chẳng? Ngoài ra, cách phân biệt người viết miền này miền kia hình như chỉ thấy hiện hữu trong ý thức của người Việt mình, thì phải?

*HĐN: Có phải chúng ta – những người viết – vì bất tài, đã làm thất vọng số đông người đọc khiến họ lơ là, không mặn nồng với văn chương tiếng Việt? Hay (tự an ủi) những người trẻ đã quên dần tiếng mẹ đẻ. Đọc mấy chú mấy bác mấy cô mấy dì viết, chúng em chả hiểu... hết chơn hết chọi! Tới đây, tôi nhớ lại, thời sinh tiền, nhà văn Mai Thảo có lần nói với tôi: "Thế hệ các cậu quả có thiệt thòi. Ngày xưa, khi tới giảng đường, ngoài sách vở, sinh viên thời đó luôn ôm vào lòng họ những cuốn Để Tưởng Nhớ Mùi Hương, Mùi Đêm Ngà Ngọc...". Tôi muốn hỏi: Sự ghẻ lạnh ở phía người đọc, hôm nay, phát xuất từ đâu? Phiền chợ mỗi lúc một thưa bóng người!*

NND: Tài năng, theo tôi, một phần do bẩm sinh, phần khác nhờ môi trường phát triển. Các tác giả Việt nam chịu nhiều thiệt thòi, vì "bị" sinh nhằm quốc gia nhược tiểu, sử dụng một ngôn ngữ có tầm mức phổ biến rất hạn chế, nên tác phẩm của họ không được các cộng đồng văn hoá khác quan tâm đúng mức. Còn sự thờ ơ, ghẻ lạnh của người đọc ư? Tôi nghĩ, ở ngoài nước bắt nguồn từ vấn đề ngôn ngữ của người đọc và những xung đột nội tâm của người viết về mục đích của văn nghiệp, ở trong nước từ điều kiện sáng tác và nhu cầu mưu sinh. Để giải quyết một vài khó khăn này, không thuộc trách nhiệm của người viết. Thôi thì, ai còn đôi chút nợ nần, đam mê với chữ nghĩa, cứ tiếp tục; người nào không còn, gác bút về hưu. Không biết suy nghĩ của tôi có khác thường không, khi cho rằng, viết là một cách tự giải toả những ẩn tình cần tâm sự cùng những người không quen biết.

*HĐN: Anh nghĩ sao về trường hợp Trần Vũ? Theo chỗ tôi được biết, một số truyện nghiêng về lối viết táo bạo về tình dục của vài nhà văn nữ đều có bàn tay của cậu ấy nhúng vào khi còn ở dạng bản thảo.*

NND: Vì không nắm được dữ kiện chính xác, nên tôi xin dành câu hỏi này cho Trần Vũ trả lời, là người trực tiếp "nhúng tay", và vài nhà văn nữ có tác phẩm được anh ấy nhúng vào... biên tập, hẳn là đúng đắn hơn. Riêng "trường hợp Trần Vũ", quả là một tài năng hiếm có của văn đàn Việt nam. Hy vọng anh vẫn tiếp tục sáng tác, chứ mãi nhúng nheo vào lọ mực của các nhà nữ, e rằng, sẽ có lúc tài năng mai một mất. Ủng hộ!

*HĐN: Anh có theo dõi sinh hoạt những người viết lách ở trong nước không? Cảm nhận của anh về họ, về cái lối đi lắt léo mà người ta gọi là lè trái lè phải gì đó. Hình như họ cũng gặp "sự cố": Chả có ma nào thềm đọc! In 1000 cuốn để đáp ứng cho một đất nước luôn báo động nạn nhân mãn. Luôn kế hoạch hóa, ngăn ngừa chuyện sinh đẻ!*

NND: Tôi theo dõi sinh hoạt văn chương trong nước qua một vài diễn đàn ở ngoài nước, có nghĩa rất hạn chế. Nhưng tôi rất cảm phục những người viết ở trong nước, dẫu chịu áp lực từ nhiều phía, cứ ngang nhiên tự tại dần bước bên "lè trái". Điển hình là các tác giả thuộc nhà xuất bản Giấy Vụn, Mở Miệng ở Sài Gòn. Thật ra, ở đâu, dưới bất cứ chính thể nào, cũng có hai thành phần nói trên. Có điều, hành trình bên lè trái của những người cầm bút và không cầm bút trong hoàn cảnh hiện nay tại Việt nam, quả là hành động dần thân đáng khâm phục. Nhà văn Nguyễn Huy Thiệp can đảm lắm chứ, khi lên tiếng mắng Hội Nhà Văn ở xứ ta là tập hợp những kẻ vô học, sau đó tiếc quá, lại không thấy sáng tác gì thêm. Nhà văn "giặc cái" Dương Thu Hương, sau khi lưu vong tại Pháp, viết tiểu thuyết "Chốn vắng", dịch sang Pháp ngữ với nhan đề "Terre des Oublis" lọt vào Top Ten sách Bestseller năm 2002, tôi chưa có dịp đọc. Nhà văn Phạm Thị Hoài, một cây bút có tác phẩm được dịch sang Đức ngữ, cùng bạn hữu trầy vi tróc vẩy nhằn nại bảo vệ thành trì Talawas, một vi báo thời sự chính trị làm nhà nước và các thành viên lè phải nhức đầu không ít. Còn "sự cố: Chả có ma nào thềm đọc!" trong sinh hoạt văn chương ở trong nước, có lẽ cần nghiên cứu kỹ lưỡng hơn, để tìm ra nguyên nhân. Tạm thời,

chúng ta thử lên tiếng đề nghị nhà nước phát động phong trào tân kế hoạch hoá gia đình, bằng cách hô hào phụ nữ mua một quyển sách, của *Giấy Vụn* và *Mở Miệng* càng tốt, với giá thân hữu, đem về kẹp giữa hai đầu gối chẳng? Một công hai chuyện.

*HĐN: Nhà văn hầu như ai cũng cần kinh nghiệm sống, sự từng trải và trình độ học vấn. Ở một nơi bị ngăn chặn, bùng phát thông tin như Việt Nam tại sao lại lò ra một Nguyễn Ngọc Tư? (Một cô gái quê chẳng có lắm kiến thức). Sự hồn nhiên có quan trọng không, ở lãnh vực viết văn?*

NND: Theo tôi, viết văn làm thơ là một trò xảo thuật bằng chữ nghĩa. Vì vậy, trước tiên, cần phải biết... đọc và viết cái đã. Còn mấy chuyện "kinh nghiệm", "từng trải", "học vấn" chỉ là điều kiện phụ thuộc, có càng hay, không có cũng không sao. Bởi vì, biết bao nhiêu người trên trái đất này bao phen vào sinh ra tử, từng trải dày dặn hoặc học hành thành đạt, mà đâu phải ai cũng là văn sĩ thi sĩ. Ta có thể học hỏi "kinh nghiệm" và "kiến thức" từ người khác từ sách vở từ các phương tiện thông tin tân kỳ, nhưng "cảm xúc cá nhân", nhất định không. Nó, chính cái "cảm xúc cá nhân", vẫn tất hi vọng theo ngôn ngữ hiện đại là "xúc cá", làm nên bản sắc độc đáo của người viết. Thử trước, ở Sài Gòn, có nhà văn Lê Xuyên chuyên trị chuyện tình bằng phương ngữ miền Nam, viết tiểu thuyết đăng nhật trình, có đoạn đồng dài ròng rã mấy tuần, mà nhân vật nam vẫn chưa tháo xong gút lưng quần của nhân vật nữ. Có... bực không? Cứ sự này, nếu xét theo kinh nghiệm sống, tôi dám cá với anh, chính ông Lê Xuyên chỉ cần chưa tới ba mươi giây là đâu đó tênh hênh sẵn sàng hết rồi. Còn anh, nhà văn Hồ Đình Nghiêm "xúc cá" theo cách của anh. Nhà văn Nguyễn Ngọc Tư có cách "xúc cá" riêng của chị. Chúng ta hiện sống và viết trong thế kỷ hai mươi mốt. Những gì các văn thi sĩ viết ra thời nay không còn gì mới lạ. Có mới có lạ chẳng là "cảm nhận riêng tư" của mỗi người. Còn những khuynh hướng cách tân khác, như "hậu hiện đại", "tân hiện thực" hay "tân hình thức", chỉ là kỹ thuật sử dụng chữ viết, một tiểu xảo tân kỳ, xin dành cho giới thưởng ngoạn phán xét.

*HĐN: Chuyện "rậm rật" gần đây nhất là việc những ông Việt kiều yêu nước "phát biểu linh tinh" và cuốn sách mang về in trong nước. Diễn đàn Talawas đăng tải tất cả mọi ý kiến biến nó thành một cuộc cãi cọ nặng xị cả lên. Thú thật, khi theo dõi, nó khiến tôi rất mệt. Với vị thế một nhà văn, anh có lời bình phẩm cho vụ việc kia không?*

NND: Tôi có để ý theo dõi các bài viết và góp ý rậm rật trên diễn đàn Talawas. Vui có, mà chán và bực cũng có. Như một tuồng hát đầy đủ hỷ nộ ái ố. Để tự an ủi, tôi... bèn nghĩ, coi không mất tiền, mà còn học hỏi được nhiều cách định nghĩa khác cho "dân chủ", "biên tập", "kiểm duyệt", v.v... theo định hướng xã hội chủ nghĩa. "Dân chủ" kiểu gì không biết, mà Talawas hết bị nhà nước xây "tường lửa" ngăn chặn, tới bị "tin tặc" tìm cách phá hoại cho tan hoang mới thôi. Về chuyện cuốn sách, ý anh muốn nói tới quyển *"Thơ đến từ đâu"* của thi sĩ Nguyễn Đức Tùng chủ biên? Tôi nghĩ, có lẽ có nhiều ẩn khúc bên trong mà chúng ta, những người bàng quan, chưa và không biết. Vì vậy, cá nhân tôi long trọng tuyên bố: miễn bàn! Nhân đây, tôi mạn phép kể lại và nhấn mạnh lần nữa: Tôi vẫn giữ nguyên quan điểm về vấn đề "giao lưu" mà tôi đã tỏ bày cùng nhà văn Khánh Trường, khi anh có nhã ý mời tôi cộng tác cho nguyệt san *"Hợp Lưu"* khoảng đầu năm thập niên 1990: "Khi nào tác phẩm của anh được ấn hành rộng rãi ở trong nước, khi đó tôi sẽ viết bài cộng tác cho *Hợp Lưu*." Cho tới giờ này, đã có Đại hội Việt kiều được tổ chức rình rang trong nước, khách tham dự được xe có còi hộ đưa đón, oai quá. Biết đâu chừng, trong tương lai sẽ có thêm Đại hội Văn Thi sĩ Việt kiều, tha hồ cho các ông các bà về nước đọc tham luận cho nhau nghe. Thi sĩ, văn sĩ, các ông các bà là ai, mà lên tiếng hô hào mục tiêu cao cả: hoà hợp, hoà giải dân tộc? Hai chữ "dân tộc" dây dưa vào đây làm mục tiêu "hoà hợp và hoà giải" có vấn đề. Vì "dân tộc", ngoài dân chúng ra, còn bao gồm nhà nước trong đó. Chủ trương của nhà nước trong một chế độ độc tài toàn trị hẳn đã rõ ràng, là người kiểm soát tất cả những ai và những gì xuất nhập Việt nam. Vấn đề còn lại nằm ở "dân chúng", hay đúng hơn ở "một thiểu số dân chúng". Ở ngoài, là những người có "quan niệm cực đoan". Tôi chủ quan nghĩ rằng, có thể hiểu được thái độ "cực đoan" của họ, vì họ hoàn toàn không có một thế lực nào hậu thuẫn. Họ chỉ có thể đối kháng bằng phương tiện

truyền thông hoặc tham gia biểu tình, chứ không thể ngăn cấm, dùng bạo lực để bịt miệng, quản thúc tại gia, thậm chí bắt bớ, giam cầm những phần tử đối lập. Ở trong, là những người có cảm tình, là "cánh tay nối dài" của nhà nước. Và khó lường nhất là những cảm tình viên của nhà nước, những nhân vật nguy hiểm tử, ẩn hiện khắp nơi trong cộng đồng Việt nam lưu vong. Cho tới khi nào, ở trong nước vẫn còn những kẻ lớn tiếng khẳng định: "Ở Việt nam không có chế độ kiểm duyệt sách báo", thì tôi e rằng, mục tiêu cao cả kia chỉ là những lời "phát biểu linh tinh" vô nghĩa và vô vọng. Chính quý vị, những nhà văn nhà thơ, nhà báo, biên khảo và phê bình gia ở Việt nam, là những người cần hoà giải, hoà hợp với nhau trước tiên, sau đó với "dân tộc". Một khi nan đề nêu trên được san bằng, tự khắc sẽ giải quyết các nan đề liên hệ khác.

*HĐN: Tôi yêu và nể nang những gì liên quan tới "Made in Germany". Kỹ nghệ xe hơi của họ. Đội tuyển túc cầu của họ. Mê tôi những tác phẩm của Erich Maria Remarque. Ngưỡng mộ bà Thủ tướng Angela Merkel... Những thứ siêu việt trên có ảnh hưởng đến đời sống anh không? Nghe đâu anh có đi dạy Việt ngữ cho người bản xứ?*

NND: Ngoài các sản phẩm và danh nhân tiêu biểu cho Đức quốc được anh nêu ra, mới đây, còn có thêm một hiện tượng ngoạn mục khác trong tân nội các cho nhiệm kỳ bốn năm sắp tới: tiến sĩ y khoa Philipp Roesler, 36 tuổi, sinh quán Việt nam, được bà Thủ tướng Liên bang Merkel bổ nhiệm làm Bộ trưởng Y tế. Giới truyền thông trong nước cũng có thông tin về dữ kiện này, nhưng hơi... bị nhiều biên tập. Ông sinh năm 1973 tại Khánh Hưng, không phải Khánh Hoà như nhiều bản tin đã ghi, thuộc tỉnh Ba Xuyên, nay là Sóc Trăng (\*), được cha mẹ nuôi đem sang Tây Đức lúc ông chỉ mới sáu tháng. Điều này có nghĩa, ông chỉ có bộ dáng một người Á châu, là lý do mà các chính trị gia khác thường gọi xách mé ông là "thằng Trung hoa", chứ cá tính ông là một người Đức thuần tuý, chính ông cũng công nhận như vậy. Dù là gì chẳng nữa, ông cũng là mẫu người thành công tiêu biểu cho "thế hệ chuỗi" của cộng đồng Việt nam tại Đức quốc nói riêng và cả thế giới nói chung. Phần số tôi không được suôn sẻ như vậy, mà lận đận hơn nhiều. Để giờ này tôi trở thành giáo viên Việt ngữ cho người bản xứ. Khoá nào may mắn thì đủ túc số học viên. Bằng không, chính ông khoa trưởng bày tôi cách tìm thêm học viên ma trong vòng quen biết, ghi danh đóng tiền mà không đi học. "Tài năng" tôi đâu chỉ dừng lại ở đó. Tôi còn xông pha mở thêm lớp dạy nấu ăn món Việt, mỗi lục cá nguyệt hai khoá: một mặn một chay. Thực đơn cho khoá mặn có gỏi gà rau răm bánh phồng tôm, bánh tráng cuốn rau sống tôm thịt nướng chấm nước mắm pha, hoặc sốt me, sốt tương đen tương đỏ, và bánh kem trứng nước dừa ăn kèm trái cây, ba món đàng hoàng như trong nhà hàng siêu sao, không phải giỡn đâu anh! Có thể nói, mối liên hệ giữa tôi và đất Việt hiện nay chỉ hạn chế trong số bạn bè người Việt ít ỏi tại đây, qua các diễn đàn trong tin mạng, trong lãnh vực văn chương, âm nhạc và ẩm thực. Theo thời gian, liên hệ càng lúc càng lỏng lẻo. Nhất là về sau này, khi tôi mày mò chuyển dịch một số tác phẩm của mình ra tiếng bản xứ, nhân tiện chen chân vào giới viết lách tại đây, bắt đầu bằng cách gia nhập "Hội Văn bút những Người viết Lưu vong tại các Quốc gia nói tiếng Đức", là một chi nhánh của Văn bút Quốc tế. Để thỉnh thoảng, có dịp, tôi lại góp mặt cùng họ trong các buổi đọc truyện ở quán cà-phê hay trong các buổi sinh hoạt văn chương. Kết quả sơ khởi rất khiêm nhường, nhưng đáng khích lệ: có vài bài thơ, vài truyện dịch được dăm ba nhà xuất bản thuộc hạng "cá kèo" cho in trong vài tuyển tập. Bàn qua ngấn gợn cá tính của dân Đức, có lẽ bản tính "thành thật", "đúng giờ", "kỷ luật", "suy nghĩ có hệ thống", v.v... của họ đã tiêm nhiễm tôi ít nhiều.

*HĐN: Tuổi trẻ đã bỏ chúng ta từ lâu. Anh sẽ làm gì khi thực sự rỗi rảnh? Yoga. Tọa Thiền. Đi một bài quyền kiểu Tai-chi? Và tôi đoán, chắc anh chưa đi Việt Nam lần nào kể từ ngày rời "cây khế ngọt" khấn gởi du học? (Mai Thảo: Đi làm cái đích gì?)*

NND: Một ngày của tôi bắt đầu bằng mười lăm, hai mươi phút tập thể dục. Và thỉnh thoảng thiền tọa theo cách tôi đọc được trong sách của ngài Dalai Lama. Trong khi ngài thiền tập để nhập tử và diệt ngã, thì tôi ngồi trên giường, hít vào thở ra, khép mắt... tính toán những chuyện phải làm trong ngày. Tóm lại, kiểu thiền tọa của tôi rất... nghiệp dư và đa sự

lắm. Ngài Dalai Lama biết được, chắc ngài sẽ "biên tập" tôi, mệt nghỉ. Chữ "đi" trong phần hai câu hỏi, anh khéo dùng, khiến tôi tư lự khá lâu. Tại sao là "đi" mà không "về"? Nghĩ xa hơn, có lẽ chúng ta cần "hiệu đính" lại ý niệm hai chữ quê hương. Chúng ta chỉ "về" lại chỗ có những người thân yêu chờ ngóng. Ở Việt nam, hiện giờ, đâu còn ai mong đợi tôi? Tôi du học vào cuối năm 1969, có "về" thăm nhà vào mùa hè 1973, sau ngày ký hiệp định Paris. Người Mỹ rút quân về nước. Ông Kissinger và ông Lê Đức Thọ được trao giải Nobel Hoà bình. Lê Đức Thọ từ chối. Hai năm sau, hiệp định Paris bị bội ước. Kể từ đó tôi mắc phải hội chứng... lãnh cảm với "chùm khế ngọt", không còn tha thiết gì tới chuyện "đi" với "về" Việt nam. Để thỉnh thoảng, bắt chước thi sĩ Du Tử Lê, tôi ngâm nga: *Đi với về cùng một nghĩa như nhau...* Nhưng tôi không đến nỗi "cực đoan một chiều" như cố nhà văn Mai Thảo, vì không ai tiên liệu được chuyện tương lai. Biết đâu đó, sẽ có một ngày đẹp trời tôi nhận được thư mời đi Việt Nam tham dự "Đại hội Việt kiều Du sinh Cao niên" thì sao? Một điều chắc chắn, dù đi đâu muôn hướng, tôi sẽ về lại nơi đây, là nơi chốn dung thân rộng lượng và an lành của tôi trong nhiều thập niên qua.

*HĐN: Cám ơn nhà văn Ngô Nguyên Dũng. Với tôi, đây là một (cuốn) "Dòng Chữ Tâm Tình" được tái bản sau hơn hai mươi hai (22) năm "ngủ quên". Những người bạn vẫn ở Montréal gửi tới anh lời chào thân ái. Riêng tôi, hẹn gặp lại anh khi tuổi đã ngoài sáu mươi. Bảo trọng.*

*NND: Tôi cũng cám ơn anh đã cho tôi cơ hội "tâm sự linh tinh" cùng độc giả Da Màu về đôi điều riêng tư ít nhiều nhạy cảm.*

*Hồ Đình Nghiêm thực hiện qua điện thư. Đầu năm 2010.*

## Dấu giày đón bình minh



Thảo nói với tôi, đáng lẽ chồng em ra đón anh, nhưng hôm nay anh ấy trở mệt, không đi được, rồi chất chiếc va-ly nhỏ lên băng sau, sập cửa lại. Tôi cười:

- Lâu lắm mới thấy lại loại xe này.

Thảo vỗ nhẹ lên mui xe, giọng ve vuốt:

- Nó cũ nhưng ngoan, không nằm vạ dọc đường.

Tôi vào xe, cài dây an toàn. Tôi chỉ dấu hiệu "máy báo động" vẽ hình bàn tay xoè dán trên kính chắn, trên:

- Ai thèm? Cho chưa chắc có người lấy.

- Giỡn hoài anh, đồ cổ mà, cái gì hiếm thì quý.

Chiếc xe chồm lên ở những đoạn mấp mô. Thảo vừa lái vừa huýt sáo. Nhìn sang, tôi thấy nét mặt cô em dâu ngổ ngáo như của một đứa con trai. Thảo không già như tôi tưởng. Gương mặt không trang điểm, hơi xanh. Tóc ngắn, không giống như trong tấm ảnh Vĩnh đã gửi cho tôi.

- Xe “*deux chevaux*” anh ạ, chậm mà chắc.

Thảo nói. Tôi nghe giọng mình là lạ:

- Bên mình người ta gọi là “xe con cóc”. Anh đặt cho nó cái tên mới: “song mã”.

- Để em đánh song mã đưa anh dạo một đoạn quanh biển.

Nói xong, Thảo bẻ tay lái, rẽ ra đường nhựa. Nắng không tươi, rắc thấp thỏm lên vách núi. Cây mọc lưa thưa. Vài cành đơm hoa trắng nhòai ra, trông như những bàn tay nở đoá. Đã thấy biển. Gió yếu. Mặt nước lờ mờ gương nắng. Mây đùn lên ở nơi xa, nối biển với trời thành một dải hình vòng cung. Những mảng mây đậm nhạt chấp chồng lên nhau, gợn trong thị giác tôi sắc xanh nảo nùng kỳ lạ. Tự dưng tôi lờ mờ cảm nhận chuyến du hành này sẽ là mốc điểm ghi dấu một chặng đời đáng nhớ.

Chiếc “song mã” trườn lên dốc. Một bên là vách dựng sừng sững, bên kia là vực cạn trông xuống bãi đá lổn nhổn. Thảo đưa tay trở ra xa:

- Tít bên kia là Phi châu.

- Em qua đó lần nào chưa?

- Chưa. Từ khi sang đây tới giờ, chúng em không đi đâu xa. Lúc đầu vì không đủ điều kiện, sau vì không thể.

Tôi hiểu ý Thảo, lảng sang chuyện khác:

- Anh và Vĩnh không giống tính nhau.

Tia mắt Thảo len lén nhìn sang tôi, hai má ửng hồng:

- Nhưng có cùng một khuôn mặt.

Tôi muốn nói thêm, phần số tôi may mắn hơn Vĩnh, nhưng ngập ngừng không ra lời, có cảm giác bất nhẫn. Tôi nhớ mình cũng đã ngập ngừng như thế trong lần điện đàm vừa qua với Vĩnh. Tôi hỏi thăm sức khoẻ cậu em. Giọng cười khinh bạc hắt vào ống nghe, vẫn vậy anh ạ, rồi anh coi, em sẽ sống lâu ngang ngửa ông Bành tổ; đối với chúng em hiện nay, quan trọng không phải là chuyện sống chết, mà là vấn đề khác. Tôi hỏi, chuyện gì nữa đây? Vĩnh ra điều bí ẩn, bảo khi nào gặp nhau mới tiết lộ. Thật ra tôi không muốn đi, nhưng Vĩnh cho hay, có thể đây là mùa hè cuối. Tôi nghe giọng Vĩnh không chút dao động, như đang kể chuyện vừa bán một chiếc xe cũ hay vừa đọc xong một cuốn sách dở tệ. Vĩnh bảo, vợ chồng chúng em mượn một nhà nghỉ mát ven Địa Trung Hải, mời anh sang chơi. Nghe Vĩnh nói, tâm tư tôi thoát bưng lên phong cảnh sống động rực rỡ nơi vùng đất ấm mà tôi đã xem biết bao lần qua phim ảnh. Những dải đường đèo uốn quanh sườn núi ven biển, những đồng hoa oải hương tím ngắt, những phố biển phết vôi trắng, những cánh cửa lá sách sơn màu sặc sỡ, những ngõ ngách lát đá lộng gió phàn phật hàng dây kẽm phơi áo trắng. Và khu chợ mỹ nghệ phẩm lộ thiên. Tôi yêu

tranh và những sản phẩm thủ công. Vĩnh nói làm tôi nôn nóng, qua đây anh tha hồ ngắm tranh và tượng điêu khắc của đám nghệ sĩ du mục, những người Bohème cuối cùng của thời đại chúng ta. Tôi tự hỏi, Vĩnh để tâm tới nghệ thuật từ khi nào vậy? Sở thích của anh em chúng tôi không có nhiều giao điểm. Vĩnh thực tế, so đo giá trị đời sống bằng thước cân vật chất, tước vị xã hội và bề ngoài hào nhoáng. Lúc trước tôi và Vĩnh thường tranh luận về đề tài này, và chưa lần nào tìm ra mẫu số chung. Nhưng càng về sau, khi hay tin Vĩnh lâm bệnh, tự dừng cả hai không còn hăng hái bàn cãi nữa. Tôi có cảm tưởng, góc độ nhân sinh quan cực đoan của chúng tôi không còn chông chênh sỏi sạn, mà từ từ trở nên phẳng phiu rộng rãi như đồng cỏ tách ra vô số những lối mòn cho mọi người tự do vào ra tùy ý. Tôi phấn khởi với ý nghĩ này, nên suốt chuyến đi dài, phải chuyển xe hoả nhiều lần, mà tôi không cảm thấy mệt.

Từ cái nóng oi vọt vát cuối hè vùng trung Âu, tôi xuôi về hướng biển phía nam. Nắng dường như trong hơn. Gió như những nhát lược mềm mại chải lên tóc. Cỏ cây sồn sột, độ lượng san sẻ đời sống cùng loài người, toả rộng những tàn lá xanh um, ngan ngát những tán hoa tươi mơn, ban phát hương lạnh vào không gian mênh mông. Đậm nét nhất có lẽ là cách thay đổi của màu xanh. Sắc xanh chỉ có thể cảm nhận hoặc giải thích bằng mật ngữ của hội hoạ, âm nhạc hay thi ca.

Trạm cuối là ga nhỏ phổ biến. Cuối mùa du lịch, thưa người. Thảo đón tôi bằng nụ cười tươi, bàn tay đẩy gọng kính mát ngược lên tóc.

Thảo rẽ xe vào lộ đất vạch ngang chéo rùng non. Nắng rắc đốm nhảy múa trên kính xe. Rừng cây toả thành bãi đất rộng hai bên, thấp thoáng những mái ngói đỏ. Xe vừa đậu bên rào gỗ xiêu, từ bên trong Vĩnh đã thoăn thoắt bước ra, vồn vã ôm chầm lấy tôi. Tay tôi khép quanh lưng Vĩnh, cộm lên nhánh xương nhô. Vĩnh ôm thật. Hai lõm má hóp. Hàm râu lười cạo làm tăng nét vêu vao. Trộm mắt sâu rục lên long lanh. Vĩnh chỉ kêu được vài tiếng: “Anh, anh...” rồi tắt nghẹn, mi mắt chom chớp, kéo tay tôi vào nhà.

Tôi thì thầm:

- Em khoẻ chứ?

Vĩnh tươi cười:

- Không khí biển thích hợp với em.

Rồi Vĩnh linh hoạt dẫn tôi đi xem nhà. Một phòng khách ngăn góc làm nơi nấu nướng, và hai phòng ngủ. Phòng dành cho tôi có cửa sổ và cửa sau trở ra một khung xanh của cỏ cây, cửa trời, cửa trí tưởng không vướng bụi phiền muộn.

Vĩnh nói:

- Cửa mở ra hướng đông cho anh tha hồ hưởng nắng sáng. Biết tính anh, sáng này Thảo hái hoa cỏ đồng nội, cắm cho anh một bình.

Tôi đưa mắt nhìn bình hoa trên mặt bàn kê bên cửa sổ. Huệ đất vàng tươi chen với cúc dại và cỏ bông lau. Rèm cửa màu xanh cốm trải bóng nắng vắt ngang phiến gỗ thô. Hương nhựa diu diu xông vào mũi tôi, không biết của cỏ hoa hay của thớ gỗ còn tha thiết với đất lạnh? Lòng tôi gờn gợn cảm xúc lẫn nổi hoang mang không thể giải thích khi tôi va chạm không gian mới. Tôi có ý thức của một con rùa, không bắt kịp tốc độ thời gian. Hôm qua tôi còn loanh quanh giữa lòng phố chật chội quen thuộc, hôm nay đã có mặt tại một nơi ven đại dương nối liền hai đại



lục. Tôi nghe hồn mình âm thầm vỡ ra, mở rộng những cánh cửa khép kín bấy lâu, đón lấy màu không gian biêng biếc phủ lên hiên đất sau nhà.

Vĩnh lảng xảng trải khăn lên mặt bàn nhựa trắng, dọn bữa cơm chiều. Hương bếp ngào ngạt. Gia vị quê nhà cào bứt rứt lên khứu giác, lan khắp ngũ quan, bắt tôi quay sang nhìn Vĩnh, thật kỹ. Tôi như người đang soi gương, thấy ra khuôn mặt chính mình đối bóng một vành trăng hạ tuần cong xuống mặt biển không một vẩy sóng.

Tôi đặt tay lên vai Vĩnh, nói như thờ dài:

- Trông em ốm quá.

Vĩnh bối rối tránh tia mắt tôi, chậm chạp nghiêng chai rót bia vào ly. Thảo mang đĩa thức ăn ra. Tôi xào sả thơm lừng. Vĩnh ân cần gắp thức ăn vào chén cho tôi, đùa:

- Anh ăn tiếp sức hộ em. Thảo là người nội trợ khéo, tội cái lấy nhằm phải em.

Rồi Vĩnh bật cười lớn:

- Hạnh phúc vợ chồng chúng em như bàn chân và chiếc giày vừa khít, chẳng may giữa đường có viên sỏi lọt vào.

Tôi kêu lên:

- Thì vát nó đi!

Thảo xen vào:

- Ý anh Vĩnh muốn nói viên sỏi của định mệnh.

Vĩnh đề nghị chúng tôi cùng ly, rồi ực một hơi gần cạn. Ngọn gió chiều thốc qua, thổi xốc xéch vòng khăn quấn quanh cổ Vĩnh, để lộ lốm yết hầu trơ xương và mảnh băng dán vết thương động mạch cổ. Tôi bỡ ngỡ nhìn Vĩnh. Không phải vì ngấn cổ xương xẩu, không phải vì dấu băng bó động mạch, mà vì cách đối thoại của Vĩnh, thay đổi gần như trọn vẹn, như trở bàn tay, như góc nhọn mở ra một vạch thẳng lì.

Thảo đổi đề tài:

- Chúng em dự định sáng mai ra biển, anh theo chứ?

- Vâng.

- Chúng em đi sớm để ngắm cảnh mặt trời mọc.

Rồi chúng tôi hâm nóng lại những kỷ niệm thuở còn ở quê nhà. Bóng tối phủ đầy lúc nào không hay. Thảo thấp ngọn nến gió đặt giữa bàn. Tôi không tin ở mắt mình khi thấy những đốm lân tinh chập chờn trên chòm cây gần, buông tiếng ngân ngơ:

- Ở, đom đóm.

Thảo và Vĩnh buông tiếng cười giòn. Vĩnh trầm giọng như sợ xoá tan cảnh tượng trước mắt:

- Anh chờ nghe tiếng dế. Những con dế ở đây hiền lành, không thích đá, chỉ biết òn ỹ gọi tình.

Khi đêm vừa đủ sâu, từ những hốc đất kín vang lên âm điệu quen thuộc, giục giã, nô nức tuổi ấu thơ. Và suốt đêm đầu tiên miệt biển, tôi chập chờn khó ngủ. Tôi không kéo rèm, còn hé cửa cho cung bậc thiên nhiên tràn vào. Có khoảnh khắc tôi tưởng mình hoá thân thành bàn tay huyền diệu, bôi sạch mọi ranh giới. Những vách ngăn và vực sâu cũng được san lấp. Tâm thức tôi phẳng phiu, sáng loá như cửa trẻ sơ sinh. Như thể đời sống tôi thật sự khởi đầu từ hôm nay, nơi này, khi tiếng hải yến léo réo xéo ngang trời. Âm động từ phòng khách đánh thức tôi từ giấc ngủ rục rờ hoang tưởng. Bên ngoài vẫn còn nhem nhuốc tối. Ngọn đèn vàng trong góc bếp soi ấm điệu bộ Thảo đang loay hoay chuẩn bị cho chuyến dạo biển hừng đông. Tôi hỏi Thảo có cần tôi phụ giúp chi không? Thảo nói không cần, và nhắc Vĩnh nhớ mặc đủ ấm, ngăn gió lạnh sớm mai.

Thảo cho xe lăn chậm quanh đoạn đường đèo co ro chưa thức. Vĩnh quay cửa kính xuống, hứng gió lạnh. Gió mát lườn lách, thốc khấn quán cổ Vĩnh chạm từng chập vào mặt tôi, khi tôi nhoài tới trước, định chỉ cho Vĩnh xem viền ánh sáng vừa rặng ngoài khơi xa. Tôi nắm chéo khăn, quàng tay quán quanh cổ Vĩnh. Vĩnh đưa tay đón lấy theo phản xạ. Những ngón thâm tình chạm nhau hờ hững, rồi đột ngột Vĩnh siết lại. Tôi cảm nhận rõ ràng hơi mát lạnh từ lòng tay hao hụt hồng huyết cầu của Vĩnh truyền sang. Gió run lên bần bật. Thảo hồn nhiên chum môi huyết sáo một khúc nhạc vui. Vĩnh cất tiếng hoà theo. Tôi cũng ầm ừ nổi giọng.

Chúng tôi thong thả xách giỏ mây và khăn chiếu băng qua đồi cát thấp, ra bãi. Trên cao, chim nhạn thức giấc từ khi nào, rộn rã lượn vòng, chuyện vãn inh ỏi. Thảo trải chiếu lên cát. Vĩnh xoắn xuýt mở giỏ mây, lấy bình đựng cà-phê, rót ra tách. Thảo ngồi giữa tôi và Vĩnh. Cả ba cùng khum tay quanh tách cà-phê ấm, vừa nhâm nhi vừa dõi mắt trông ra biển. Lâu rồi, đám chùng hơn mười năm nay, tôi mới có dịp tái ngộ biển. Không hiểu tại sao, giữa tôi với biển có một liên hệ khó giải bày, thứ tâm lý khơi động những nghiệm trải quá khứ và khát vọng tương lai. Biển nhắc tôi nhớ lại những chủ nhật xa xưa cùng gia đình ra chơi Vũng tàu. Tôi ấu thơ trần truồng đứng trơ mắt khiếp sợ những lượn sóng hung hãn xô bờ. Cái sợ mạnh mẽ toát ra hấp lực kỳ lạ, làm thịt da nổi gai, giống như cảm giác bủn rùn khi tôi đứng nơi miệng vực nhìn xuống; sợ, nhưng nếu nhìn lâu tôi sẽ bị đá sâu thoi miên, bắt tôi xuôi tay buông xuống. Không rõ từ khi nào, tôi chợt nhận ra chuyện tự huỷ có nỗi mê đắm kỳ quặc, thứ mê đắm có lẽ tương tự cái chết của lũ thiêu thân lao vào chụp đèn đêm chói loà. Hoang phí như thứ loé sáng của những ngọn pháo bông. Chút ngẩn ngui của cái đẹp. Nổi chóng vánh của kiếp người. Nhưng cũng chính vì vậy mà tôi yêu biển, yêu vực sâu, yêu ánh sắc ngọn pháo bông, yêu giây phút khai sinh của ngày, yêu cuộc sống. Và yêu cả những câu chuyện tự sát.

Sợ khói cà-phê mỏng vương trước mắt tôi làm quang cảnh rặng đông thêm diễm ảo. Viền trắng khi nãy toả rộng, như rãnh một cửa động từ từ hé mở theo câu thần chú huyền thoại. Ánh đỏ bắt chợt hực lên, nhuộm lửa tằm mây vô tình vương ngang phương đông, gây cảm tưởng nơi đó đang xảy ra một trận cháy lớn. Lửa đốt mây làm một chéo đại dương sôi sục, bốc khói. Tay tôi cũng run rẩy hứng lấy hơi thời gian ầm áp. Khói tách cà-phê nhoà vào khói sóng bình minh. Cái âm nhân sinh tan vào cái nóng biển thiên. Tôi bối rối thấy mình là đứa trẻ khởi sự thân thiện với tính nhạy cảm của biển, cuống chân đuổi theo bầy dã tràng xoen xoét trên bãi. Chuối cười khanh khách dội vang từ hang động quá khứ, trong vắt không gợn bụi.

Nắng ngày đỏ hừng chuyển sang cam, đổi vàng, rồi nhạt dần. Vai tôi chạm vào vai Thảo. Không biết Thảo và Vĩnh nghĩ sao chứ tôi đang xúc động như chưa từng. Tôi vừa chiêm nghiệm cuộc chuyển đổi từ đêm sang ngày, từ chết sang sống, chỉ đọc thấy trong kinh sách. Chợt, Vĩnh đứng lên, không một lời, lững thững bước ra bãi, chổ cát ngâm nước xô vào rồi rút

ra, xoa sạch mọi dấu vết. Tôi bật người nổi theo chân Vĩnh. Cảm giác ruột thịt uỷ mị dâng nước hai mắt khi tôi nhìn thấy dấu giày Vĩnh lún dấu giày lát, rồi cát ẩm lạnh lùng lấp lại, nhấn tâm. Tôi nhanh chân tiến bước sánh đôi Vĩnh. Vĩnh quay sang, đôi mắt lóng lánh ánh ngày, môi nhếch cười, hỏi:

- Đẹp quá, phải không anh?
- Đẹp thê thảm.

Vừa nói tôi vừa khoa tay chỉ quanh. Quay đầu nhìn, tôi lại thấy những dấu giày khắc khoải in trên cát. Một thoáng rồi mất, không chút nấn nịu.

Vĩnh cất giọng trầm trầm:

- Chúng em mời anh sang đây, trước để gặp nhau, sau để bàn cùng anh chuyện này.

Tôi choàng tay vỗ lên vai Vĩnh:

- Cứ nói!

Vĩnh ngần ngừ:

- Hơi khó... không hiểu anh nghĩ sao. Anh hẳn biết, em sống... sống không còn bao lâu, mà Thảo lại đang mang thai đứa con đầu lòng...

Vĩnh nghẹn lời, dừng chân, gập đầu, bờ vai nhấp nhô. Sóng thần nhiên lùa nước vào, quán dưới chân giày, bọt vỡ lách chách. Tôi ngoái nhìn về chỗ Thảo ngồi, thấy chiếc nón rơm Thảo đội rực sáng kỳ lạ. Mối hay nắng đang lên, tưới số sàng xuống bãi cát bắt đầu loáng thoáng bóng người. Sóng rút nước. Chân giày lún xuống lao chao như san sẻ cùng Vĩnh niềm xúc động. Tôi kéo tay Vĩnh đi tiếp, nhỏ giọng:

- Anh giúp em và Thảo được chuyện gì?

Phất cái, Vĩnh dừng lại, nắm chặt hai cổ tay tôi, tia mắt nhoè nhoẹt thiết tha mà giọng chắc nịch bén ngọt:

- Nếu em có bề gì, anh thay em cùng Thảo đi tiếp đoạn đời còn lại.

Tôi sửng sò. Thoạt đầu vì cách nói văn hoa của Vĩnh, sau mới nhận ra có điều gì vướng mắc trong lời đề nghị của Vĩnh. Để ý chăm sóc Thảo thường hơn trước thì được, chứ “cùng Thảo đi tiếp đoạn đời còn lại” là sao? Nhưng tôi không hỏi, vì sợ. Tôi là kẻ hèn nhát, luôn luôn khiếp hãi khi đối diện với sự thật. Cái diện mạo của đời sống nhiều khi không phải chỉ là những điều giả dối. Chúng tôi bước đi đổi lâu trong câm lặng. Trước mặt, biển cong vòng tay ẩm ướt ôm lấy lưng cát vàng mịn. Sóng thì thầm lời tỏ tình, rì rào, bền bỉ. Khói toả mỏng, lọc bớt cái nắng sung mãn, như chưa hề biết tới thời mưa bão. Tôi vẫn vợ so sánh dấu chân cát xoa với kiếp người. Sao mà ngẩn ngủi, chênh vênh. Nhưng ngày vẫn lên, nắng vẫn chiếu, biển vẫn chăm chỉ gửi lời tình tự. Tôi kêu thầm, trời ơi, đó chính là cái thông điệp đang nhú mầm trong bụng Thảo, là hy vọng cho đời sống, cho nhân loại trong giây lát hiện mất của triệu triệu dấu giày trên cát ẩm.

Tôi nghe giọng mình bình thản như thể chấp nhận:

- Thảo biết chuyện này chưa?

Vĩnh tươi tắn:

- Em chỉ mới ngỏ lời bóng gió.
- Thảo phản ứng ra sao?
- Không nói gì cả, cũng không rõ nét mặt Thảo thế nào, vì lúc đó là giữa đêm. Em chỉ cảm thấy vòng tay Thảo dường như chặt hơn, và hơi thở Thảo ẩm như nắng phà lên cổ.

Người tôi mọc gai ròn rợn, bắt phân giữa nhiều xúc cảm lạ lùng.

Mẫu đối thoại ngắn nhưng ấn dấu đậm nét trong tâm trí tôi. Tự dưng tôi cảm thấy cử chỉ mình vướng vấp thừa thãi khi trực diện Thảo, thêm cảm tưởng dường như Vĩnh cứ dõi nhìn chúng tôi với ánh mắt nửa dò xét nửa cười cợt khuyến khích.

Điềm tâm xong, nắng trở gắt, bãi bắt đầu đông người, chúng tôi xếp dọn trở về. Tới nhà, Thảo bảo phải ra phố mua thức ăn, hỏi tôi và Vĩnh có muốn đi cùng. Vĩnh than mệt. Tôi viện cớ khuya qua mắt ngủ vì lạ chỗ, thềm ngả lưng thêm một đổi. Thật ra, không phải vậy. Từ lúc nghe lời đề nghị của Vĩnh, tôi cảm thấy không còn tự nhiên khi phải tiếp xúc riêng với Thảo. Nổi nân nao đón đợi một kỳ nghỉ hè ấm tình bên cạnh hai người thân duy nhất của tôi nơi xứ người chợt nhuộm màu bất an. Vĩnh bắt tôi đắn đo suy nghĩ. Tôi là người miễn cảm. Những biến động thời cuộc nghiệt ngã buộc tôi sống đời tha hương tự lập, đành đoạn bứt lìa tôi khỏi cội rễ quê nhà. Thời gian đầu tôi dần vật khổ sở vì không có hạnh phúc, dẫu chỉ là thứ hạnh phúc giản dị của một kẻ đàn độn, không bao giờ bận tâm tới những xáo trộn bên ngoài. Đơn giản như một bệnh nhân vướng hội chứng mất trí nhớ, nhưng vẫn biết ngóng đợi định kỳ thân nhân vào thăm mỗi sáng chủ nhật, để tề chỉnh thay đổi y phục, thanh thoi ngồi uống cà-phê cạnh khung kính hướng về cửa ra vào. Chờ. Lúc này tôi ước mình là một người ngu si, là kẻ mất trí nhớ, sống không cần ưu tư về sự hiện hữu của chính mình. Nhưng ngay khi ao ước được như vậy, tôi tự biết mình thiếu hạnh phúc. Khoảng thời gian xa nhà xa quê càng lúc càng tăng, tỷ lệ nghịch với nỗi nhớ nhà nhớ quê. Đôi lúc tôi tưởng mình đã có thể đoạn tuyệt với những suy tư nặng tính duy tâm, như vệ tinh đơn độc tách khỏi hấp lực trái đất, lao vào vũ trụ mệnh mông, để quần quanh cạnh những tinh cầu thật sự ngu đần, tuyệt đối không có trí nhớ. Nhưng không, tôi vẫn còn bải hoải xúc động chỉ vì một dấu giày vướng víu trên cát. Cả chút nắng bình minh rơi lan vào tách cà-phê sớm mai cũng khiến tôi rùng mình suy tưởng. Dấu giày, sợi nắng và những chuyến du hành hồi hải ngăn ngủi của bầy dã tràng thơ ấu, chao ơi, chúng dính lúu gì tới đời sống tôi?

Vĩnh gõ cửa, bước vào với nụ cười trên môi. Tôi bật ngồi dậy. Trong tay Vĩnh, một gói nhỏ bọc vải nâu. Thoáng nhìn, tôi biết ngay đó là thứ vải thô nhuộm màu nhựa cây thông rụng ở miền quê bên nhà. Sắc nâu kỳ lạ, như nhuộm đất, như ngấm máu, thứ huyết thống đồng chủng. Vĩnh không nói, tới ngồi cạnh tôi. Thời gian đọng lại. Căn phòng ngừng thờ, mở to vòm mắt chói loà ánh sáng, soi ngấm.

Vĩnh chậm chạp cất lời:

- Đây là kỷ vật của cha trao cho em trước ngày em rời nước.

Rồi Vĩnh nâng niu mở bọc. Ngoài quần vải nâu, trong là lớp giấy bồi mềm mại ó vàng, nhìn kỹ thấy rõ những sớ gỗ lên nước sáng ngời màu tơ tằm. Vĩnh giơ lên cái hộp con lắp ráp sơ sài bằng gỗ thô, thứ hộp mà thuở trước đã có lần cha tôi mua về từ hiệu thuốc bắc, lúc bà nội tôi lâm bệnh nặng; bên trong hộp lót mảnh vải điều óng ả gói hai viên thuốc tể bọc sáp trắng. Cặp mắt ấu thơ tôi đã tròn xoe tò mò theo dõi từng cử động của cha khi ông nhẹ tay bóp vỡ trứng sáp, lãn ra tể thuốc đen xìn. Bà nội không nhai được. Cha tôi dầm tể thuốc với chút nước sâm, mớm từng muỗng nhỏ vào rãnh môi nội. Tôi xin cha mấy mảnh sáp vụn, hơ nóng, nặn hình con nọ, hay xe đầu tăm cắm vài sợi tóc làm que ráy đế. Giờ đây, bất ngờ cái hộp đựng thuốc bắc hiện diện sờ sờ trước mặt tôi. Hồi tưởng tôi nhói kim đâm. Buông buốt những lần từ biệt người thân. Những tể thuốc gói ghém cầu kỳ không cứu sống được nội tôi. Rồi, tới lượt cha tôi. Và mẹ tôi. Cái chết, những viên thuốc, nỗi đau buộc ràng ruột thịt; tất cả đã thuộc về quá khứ, tiêu tán, cạn mòn, phai nhạt dần. Chỉ còn lại chiếc hộp gỗ hữu cơ đang nằm trong lòng tay Vĩnh. Tôi thấy lại ánh mắt tròn xoe hau háu năm nào đang cùng tôi dán chặt vào mỗi

cử động Vĩnh. Cũng mảnh vải điều óng ả, tươi rói như chưa hề biết tính vô tâm hung bạo của thời gian. Nhưng trong đó không đựng liều thuốc kéo dài sự sống, mà vòn vẹn một hạt mầm nâu sáng, vùn vi những vạch trắng trắng. Tôi thốt kêu:

- Cái gì vậy?

Vĩnh từ tốn:

- Hạt mầm anh ạ, của một loại cây thường mọc ở quê mình, cha có nói, nhưng em quên mất tên. Nhưng điều đó không quan trọng. Đáng nói chẳng, theo lời cha thuật lại, nó là kỷ vật lưu truyền của dòng họ mình. Ông bà nội trao lại cho cha, cha cho em. Trong cái hạt mầm này là sự sống ẩn náu, từ đời này sang đời khác, từ thế kỷ này qua thế kỷ kia. Cha bảo, chỉ cần một nhúm đất lành và một cơn mưa ầm... Bây giờ... bây giờ...

Giọng Vĩnh run rẩy, đứt nghẹn:

- Giờ đây... em trao lại cho anh.

Tôi cảm thấy có điều gì sai nhịp trong cái vòng luân lưu huyết thống này. Nó không thích hợp với nhân sinh quan tôi. Nó tô đậm những nghịch lý, những quan niệm địa phương, gia đình truyền thống mà tôi hằng cố công bôi sạch trong ý thức mình. Nó là rào chắn ngăn tôi nhập vào con nước đại dương rầm rì cuốn mất những dấu vết nhân sinh, cản tôi tan vào cái nắng bình minh hoà cùng ao tù hẹp hòi cạn cợt của tách cà-phê bản ngã.

Vậy mà, trong giây lát soi ngắm hạt mầm gia truyền, tôi vẫn không tránh khỏi xúc động. Tôi thần thờ tưởng ra, rồi sẽ có lúc tôi trao nó lại cho đứa con của Vĩnh. Tôi cầm hạt mầm, đặt vào lòng tay, khép lại.

\*\*\*

**Phụ đính:**



## Hồi ký của Nguyễn thị

Phán già đi nhiều. Dám gần mười năm, tôi và Phán không gặp nhau. Chúng tôi là bạn học thuở còn ở quê nhà. Xa nước vì thời thế, đưa trước đưa sau, mỗi đưa một châu, hiếm có dịp thăm viếng. Lần này vì lý do gia cảnh, Phán sang đây, tiện thể ghé ngang.

Tôi biết Phán viết văn, làm thơ cho vài tờ báo văn chương. Tôi có đọc qua, rồi quên. Những bận tâm của Phán và của tôi không giống nhau. Với tôi là chuyện cơm ăn áo mặc cho một gia đình bốn nhân tố. Với Phán là điều gì đó viển vông, mơ hồ, không thực tế. Vì vậy, tôi không mấy ngạc nhiên khi biết Phán vẫn sống độc thân. Tôi đùa, ngàn ấy tuổi mà chưa lập gia đình,

nếu không bắt lực thì cũng là đồng tính luyện ái. Phán không cải chính, chỉ cười. Không phải kiểu cười chấp nhận, chịu đựng mà như ngụ ý, thì đã sao.

Sau bữa cơm chiều, trong khi vợ tôi dọn dẹp bàn ăn, tôi mời Phán ra hiên nhà, uống trà ăn bánh. Chiều xuống chậm. Hè năm nay nóng khác thường. May, những khi hoàng hôn thường có vài ngọn gió phe phẩy. Chuyện trao đổi giữa tôi và Phán coi như cạn. Lâu không gặp, tái ngộ chỉ ôn lại dăm ba chương kỷ niệm còn đọng trong trí nhớ. Những vui chơi nông nổi thời tuổi trẻ. Vài biến động gia cảnh. Dăm ba cái chết. Có người không biết bây giờ ở đâu. Những ly tán buộc phải chấp nhận.

Chuyện vẫn gần xa một đổi, tôi chuyển đề tài:

“Tôi có đọc bài ông viết trên mấy tờ báo.”

Nói xong, tôi nhận ra mình vẫn chưa thật sự thuần khẩu với cách xưng hô “tôi, ông”. Nhưng vào tuổi này, gọi “mày” xưng “tao”, nghe bất xứng.

Phán nhỏ nhẹ:

“Mình viết cho vui ấy mà, như trò giải trí.”

Tôi bắt bẻ:

“Thế thì không thể ‘lớn’ được.”

Phán cười hất:

“Với bạn, thế nào mới gọi là ‘lớn’?”

Ngần ngừ vài giây, tôi thành thật:

“Tôi chưa đọc bài nào của ông viết về những thảm trạng chiến tranh, những xung đột ý thức hệ, những phân hoá vì chủ nghĩa của một dân tộc cùng huyết thống.”

Nét mặt Phán phân vân thấy rõ. Anh nâng tách trà, hớp một ngụm. Cử chỉ anh từ tốn, thận trọng, như sợ khuấy động những tĩnh vật.

“Mấy điều ông vừa nêu, phải công nhận lớn thật. Nhưng nổi băn khoăn của tôi, nó khác. Cái lớn của tôi là đôi lẽ sống chết, là cái siêu phàm bao trùm sinh vật. Còn chiến tranh và gì gì đó, với tôi chỉ là những va chạm giữa hai nhóm người, hai phần đất, hai chính kiến. Tẩn mẩn so đo, chuyện lớn nhỏ quả có khác. Nhưng không vì vậy mà tôi cho rằng, chuyện này quan trọng hơn chuyện kia. Chung quy ở bản tính. Ông thử nghĩ, nổi băn khoăn trong thế giới tâm linh của loài bò sát cũng lớn lao lắm chứ, tầm thường như bọn mình làm sao hiểu nổi.”

Tôi rót thêm trà vào tách cho Phán. Hương trà sen Thái nguyên của người quen từ Việt nam mới qua đem biểu toả thơm thoảng. Tôi biết, uống trà cũ này, khuya nay thế nào tôi cũng trăn trở.

Tôi gật gù lấy có. Trờì, tôi vừa rặn mọ thốt ra vài ngôn từ dao búa, có ý hù dọa Phán cho vui, ngờ đâu chạm nọc. Anh phun ra một hơi về những băn khoăn của anh và của loài bò sát, làm tôi bỡ ngỡ không ít. Lẽ đương nhiên nó khác. Nhưng lấy gì làm chắc, rằng rắn rết biết bần

khoản? Đôi khi tôi ngầm so sánh cuộc sống gia đình tôi với đồng hương. Có người, tôi hơn; kẻ khác, tôi không bằng. Nhưng đó toàn là những thứ có thể so giá như cái nhà, chiếc xe hay những chuyến đi nghỉ hè. Còn chuyện hơn kém về tinh thần, hay nói cách khác, về thế giới tâm linh, có khi nào tôi nghĩ tới. Nó không hiện hữu trong đời sống tôi. Hay có, mà tôi vì những nhu cầu vật chất, nên hoàn toàn không để tâm tới. Dù sao, mấy điều Phán vừa bộc bạch, bắt tôi suy nghĩ.

Phán thêm lời:

“Xét cho cùng, tầm phán đoán của con người hạn hẹp lắm. Không ai thấy ra cái tận cùng của ý nghĩ. Vì vậy, trái đất càng già nua, thì mọi quan niệm, mọi suy tư chỉ là sự lặp lại. Khác chăng là cách biểu lộ. Chính cái khác này, theo tôi, gây ra những xung đột mà ông vừa nói.”

Xong, Phán bật cười khan. Tiếng cười nghe lạ. Như để tô đậm lời nói, như nét điểm nhấn sau cùng lên bức họa truyền thần. Tôi chợt liên tưởng câu chuyện về một họa nhân vẽ chân dung có tiếng thời xưa. Nét cọ sau cùng dành cho đôi mắt. Điểm nhấn như một cách truyền sự sống, hà linh hồn vào cái mặt nạ tro tro bất động trên khung vải. Khéo, bức tranh được giữ lại. Vụng, sẽ bị rạch nát, vứt đi. Một nghệ sĩ, tài hoa hay không, ở chỗ biết nhận ra điểm kém cỏi của mình. Tư lự lan man vậy thôi, chứ tôi không thổ lộ cùng Phán, vì biết thế nào cuộc đối thoại cũng sẽ lâm vào ngõ cụt.

Có lẽ nhận thấy buổi chuyện trò bắt đầu nặng nề, sau khi hớp một ngụm trà, Phán đặt tách nghe “cạch” xuống đĩa con, rồi cất giọng:

“Có thời gian dài, tôi thất nghiệp.”

Tôi nghiêng mặt nhìn thẳng vào mắt Phán, có cảm tưởng như mình vừa nâng cọ chấm vào hai trũng thị giác Phán cái phần vi tế sống động, vô cùng tinh xảo, đặng bản năng định đoạt cả phận người.

Phán tiếp:

“Một hôm tôi nhận được điện thoại của sở lao động giới thiệu cho tôi một việc làm tạm. Gác đan thư viện ông ạ. Có sao đâu? Cái số mình, tạm trú xứ người thì làm việc gì chẳng được. Ngặt nổi, họ bảo cần người gác ca đêm. Tôi tần ngần tự hỏi, đời thuở nào lại có chuyện gác ca đêm thư viện? Ai thềm đưng tới cái mở sách báo loạn phát bẻ bộn kia? Họ giải thích, chỉ phải gác suốt bốn tuần lễ triển lãm danh họa mượn từ các bảo tàng viện khắp nơi trên thế giới mà thôi. Tôi nhận lời, nhưng lòng không mấy phấn khởi. Tôi có tật đi ngủ sớm.”

Nghe Phán nói tới đó, tôi liếc mắt nhìn đồng hồ tay. Sắp tám giờ tối. Nắng vẫn bịn rịn chưa tắt. Phán rót những giọt trà cuối cùng vào tách. Tôi vừa nhồm người, Phán đã hiểu ý, khoát tay bảo, không cần pha thêm trà, một ly nước sôi đủ rồi. Tôi vào trong lấy nước cho Phán. Khoảng cách vào ra đâu bao xa, vậy mà tôi đã hình dung ra điểm thú vị trong câu chuyện Phán vừa khởi đề. Bản tính Phán kín đáo, hiếm khi tôi nghe anh lảng nhảng chuyện người hay mềm giọng tâm tình những ưu tư. Khoảnh khắc ngăn ngủ vào ra chợt loé trong tôi vài ý tưởng lạ lùng, tựa như cảm xúc đầu tiên tiếp nhận da thịt tình nhân. Hay cũng có thể đó là thứ giác quan kỳ diệu của tâm linh cho mình cảm tưởng vừa sờ được những chiếc bóng ẩn náu trong tiềm thức. Nhưng chưa bao giờ chúng bắt tôi phải bận tâm. Với tôi, tất cả biến động trong hay ngoài ý thức là lẽ tự nhiên. Tôi không thể hiểu sao lại có người xúc động bản khoăn chỉ vì một dấu môi nơi miệng tách trà, những tiếng chân rụt rè trên sàn gỗ long, hay cảnh người đàn bà trật áo, vắt sữa vào tách trà ly biệt chồng trước ngày nhập ngũ. Giờ đây, trong khoảnh-khắc-ngắn-ngủ-vào-ra này, tôi sửng sờ cảm nhận cái lý tính phi thường của những điều xoàng xĩnh, gần

như dung tục ấy. Cùng lúc là những nghi hoặc ở ngũ quan mình. Có thật là mình đã thấy đã nghe đã nếm đã ngửi đã tiếp xúc được chúng? Hay mọi sự chỉ là thứ ảo tưởng sống động, lặp đi lặp lại cho tới lúc thành như thật? Tôi cũng có những ảo tưởng, đâu riêng gì Phán hay những kẻ mẫn cảm khác. Đúng hơn, ảo tưởng của tôi là những chiếc bóng của dăm ba người thân đã qua đời. Họ hiện về kín đáo, tế nhị trong một góc chiêm bao nhỏ như chéo khăn tay, vậy mà đủ sức làm loé lên sắc trắng tươi rói, chói loà cả giác mộng. Những hiện mất bật tắt, bật tắt cho tới lúc không còn biên giới của thực mộng, của sống chết, làm tái sinh những thứ mà mình tưởng đã tiêu tán. Với Phán là những trang sách kín chữ nổi trăm năm này vào trăm năm khác. Có lẽ vậy.

Trở ra ngồi cạnh Phán, đưa cho anh ly nước, lúc ấy tôi mới nhận thấy ngày đang lặng lẽ chia tay. Bóng ngôi nhà phủ kín vườn cỏ vàng ngọn. Vài đóm nắng sót lại, lẻ loi điểm lên bụi nguyệt quế. Dưới gốc, hạt chín rụng đầy. Màu đỏ chói loà, rộn ràng khéo giấu nỗi man mác ly biệt giữa ngày đêm. Tôi sực nghĩ tới đoạn kết của một câu chuyện liên quan tới sắc đỏ chòm nguyệt quế một đêm già từ. Và thần thờ nhận ra, dường như vừa có vài thay đổi trong tôi. Bất ngờ và âm thầm. Như thể buổi viếng thăm của Phán là khởi điểm làm xáo trộn những quan niệm sống trong tôi. Gần như trọn vẹn.

Tôi nghe giọng mình ngờ vực cất lên:

“Rồi sao nữa?”

Khoé môi Phán động đậy. Hai rãnh mắt nhíp lại. Giọng từ tốn. Tôi lắng tai, mắt ngoảnh nhìn một thoáng bụi nguyệt quế ngoài vườn chiều. Nắng đã khuất. Màu đỏ những hạt rơi, của những khe trống văn chương lấm loét nhoè vào bóng xám cuối ngày, loang ra thứ giao cảm riêng rẽ, không thể giải thích, khó biện luận, nối liền giữa tâm linh tôi và Phán. Thoắt cái, câu chuyện của Phán thấm nhập vào mọi ngõ ngách ngũ quan tôi. Nghiệm tưởng tôi run rẩy thấy ra trứng đèn vàng tù mù trong một góc thư viện thành phố. Sách và sách. Mực và giấy. Hoá liệu và gỗ. Rừng cây chi chít lá chữ bầu quanh, từng hàng ngăn nắp. Hương liệu trừ một xông dằm dằm, như mùi thuốc khử trùng trong một nhà chứa xác. Những thân chữ dựng trên kệ sắt, gáy nổi gáy, được sắp theo thể loại, mẫu tự. Mỗi thân, một mã số. Nằm đấy, chờ.

\*\*\*

Người đàn bà ký vội lên trang giấy, gấp tập hồ sơ, ngẩng mặt cười thân thiện:

“Ông cho phép tôi vắn tắt vài lời. Việc làm của ông bắt đầu từ 10 giờ đêm tới 6 giờ sáng. Mỗi ba tiếng ông chịu khó rảo quanh xem xét tầng trệt và lầu một. Người quản thủ thư viện sẽ chỉ dẫn ông tường tận hơn về chuyện này. Tiền lương là 10 đồng một giờ, cộng phụ phí đêm 25 phần trăm. Điều quan trọng, ông nhớ để ý tới mấy điểm phải làm lỡ như chuyện gì xảy ra.”

Nói tới đó, người đàn bà bật cười:

“Chẳng có chuyện gì đâu, nhưng đề phòng vẫn hơn. Chúng tôi muốn nói tới những trường hợp rủi ro như hoả hoạn vì... vì... chạm điện, hay như có kẻ gian đột nhập... Ông không đoán được trị giá của ngân ấy danh hoạ đâu, tỷ chữ không phải triệu.”

Tôi hoang mang hỏi:

“Thư viện không có hệ thống báo động sao?”



“Có chứ, nhưng chỉ vài người biết nó hoạt động như thế nào. Chính tôi cũng không rõ. Ông vui lòng ký tên vào tờ giấy này, mang qua phòng ông quản thủ thư viện. Chúc ông nhiều may mắn.”

Tôi cười cảm ơn, đứng lên bắt tay từ già bà chủ phòng nhân viên, nhủ lòng, lời chúc đượm vẻ gì như mĩa mai. Tôi hẳn cảm quá chằng? Nhiều lúc, tính miễn cảm bất thường này bắt tôi theo dõi những sự kiện không hề xảy ra. Áo giắc tôi đầy dẫy biến động. Tại một góc phố vắng. Nơi băng ghế công viên ngập xác lá. Dưới đồng gạch vụn một ngôi nhà bị phá đổ. Ở chỗ ngồi bỏ trống góc thư viện rộng thênh. Và trên những mặt người.

Ông quản thủ thư viện có gương mặt hình quả lê còi. Cặp mắt mèo hấp háy sau tròng kính cận. Sống mũi đẹp, nhọn, thẳng như được gạch bằng thước. Đôi môi mỏng, tái ngoét. Lúc nói, miệng ông chỉ cử động nhấp chùng. Giọng ông mệt nhọc len qua kẽ răng, rồi rãnh môi, sau đó thờ phào nhẹ nhõm lọt vào tai tôi.

Nhưng không phải ông không niềm nở.

“Ồi dào, không thể gọi đây là việc làm, vì ông chỉ phải ngồi cho có mặt, lâu lâu lại rảo bước kiểm soát một lần. Nói thật, đây là cơ hội tốt để ông tập thiền. Ngồi đây nhưng phải để ý mọi việc chung quanh. Tai ngóng chừng động tĩnh. Mắt phải tinh nhạy dò xét. Mũi phải bắt được những mùi lạ, tỷ dụ như mùi khét của dây điện cháy hay mùi giấy, mùi sơn bện lửa.”

Ông vừa diễn giải vừa dẫn tôi chậm chậm len qua những lối thư viện. Lối chính tính ra dăm tời trăm thước. Hai bên chia hàng, dựng kệ sách. Cạnh những khung kính rộng màu lam nhạt, một chiều từ trong nhìn ra, là dãy bàn ghế sơn xám. Cái màu buồn bã như nội cảnh thư viện vào giờ này, vắng tênh. Những chụp đèn soi quanh quẽ lên mặt bàn lè loi vài quyển sách ai đó lười sắp lại kệ. Tiếng nói người đàn ông thoát hiện thoát mất trong thính giác tôi. Vườn cây lục sẫm và một mảng trời đùn mây lớp lớp hình vòng cung tô lên những ô kính lấp, trông như bức hoạ ấn tượng.

Giọng người đàn ông nô nức như reo vui:

“Chỗ ngồi của ông.”

Tôi nhướng mắt. Bên trái cuối lối đi, một quày gỗ nâu hình bán nguyệt. Vài chiếc ghế trống. Giàn màn ảnh kiểm soát nhấp nháy. Sau giờ mở cửa, chỉ thấy những hành lang trống. Từ chỗ ngồi này, bằng những bộ mắt điện tử, tôi có thể theo dõi mọi chỗ vào ra trong thư viện.

“Ông có hút thuốc không nhỉ?”

Người quản thủ thư viện nheo mắt hỏi. Tôi lắc đầu. Ông gật gù:

“Tốt. Ở đây hút thuốc là điều cấm kỵ. Những chuyện còn lại, tha hồ.”

Tôi không hiểu “những chuyện còn lại” là chuyện gì, nhưng không hỏi mà đoán theo ý riêng, là tính phóng khoáng và phóng túng trong lãnh vực sáng tạo. Tôi muốn nói cho ông biết, tôi cũng là một kẻ sáng tạo tài tử. Mà nói để làm gì, khi tất cả chỉ là một cách nguy trang, tự phỉnh lừa bằng cường độ bi quan lẫn lạc quan quá đáng.

Tôi vừa hài lòng vừa e ngại với chỗ ngồi của tôi giữa rùng sách tồn trữ qua biết bao thập niên. Hài lòng vì tôi sẽ rộng thì giờ suy tư, ghi ra một bài viết mới. E ngại vì không gian trống trải. Và

khuya khoắt.

Đêm đầu tiên tôi chống chọi cơn đòi ngủ bằng vài tách cà-phê đậm. Lúc tứ chi chớm uể oải, tôi đứng lên bắt đầu rảo bước xem xét thư viện. Hai tầng rộng. Tranh được trưng bày ở tầng trên. Toàn danh họa trường phái ấn tượng đầu thế kỷ 20. Thoạt đầu tôi thích thú đứng chân trước mỗi bức, ghé mặt ngắm nghía. Nét cọ này, bố cục này, sao mà tinh xảo. Nhìn gần, khác. Đứng xa, khác. Chia nhãn quan ra từng ô như mắt ruồi, lại thấy khác. Ngàn cái khác gom thành cái hợp nhất hài hoà kỳ diệu. Giác quan thứ sáu của người tinh nhạy bắt được ngay sinh lực. Tôi có thứ giác quan ấy. Vì vậy, sau đó, cảm xúc bất an từ từ thẩm nhập. Như thể tôi bị theo dõi, rình rập bằng nghìn tia mắt. Không phải của nghệ sĩ sáng tạo, mà của những nhân vật giả tưởng. Họ thoát ra từ những khung tranh. Và kinh khủng hơn nữa, từ vô số lòng sách khép kín dựng trên kệ sắt. Thư viện giữa khuya bỗng rộn lên sống động. Sự sống và tính động âm thầm mà cực kỳ linh hoạt. Họ khiến tôi dè dặt lúc đầu, nhưng dần dà quen đi. Hơi thở của những hồn ma sáng tạo phả vào ngòi bút tôi thành những ý nghĩ kỳ quặc run rẩy trên giấy.

\*\*\*

Tôi để ý tới người thiếu nữ vì mái tóc dài đen mượt. Cô ngồi bên bàn viết cạnh kệ sách của những tác giả tân tiểu thuyết khu vực Đông Nam Á. Một hôm tôi tới sớm, gặp cô đang thông thả gấp sách dựng lên kệ. Thấy tôi, một người Á châu, nét mặt cô rạn lên giây lát. Tôi khựng bước, gật đầu chào. Tia mắt tôi lướt ngang gương mặt thanh tú. Màu mắt xanh lạ lùng của thiếu nữ đọng lại thị giác tôi. Thứ màu xanh tuyệt vời, không do hoá chất kết hợp, mà chỉ thấy trong thiên nhiên. Phải rồi, đó là sắc xanh của một loại bươm trong khu rừng mưa. Và hương nước hoa vương vướng khứu giác. Tôi không rành về hương liệu, nhưng đã đọc đâu đó, rằng nữ phái có kích thích tố tiếp ứng hài hoà với một vài loại nước hoa. Vì vậy, tuy dùng cùng một nhãn hiệu mà mỗi người vẫn toả ra một thứ hương riêng. Rồi tôi suy diễn sa đà hơn, kích thích tố nữ tăng giảm theo mùa trứng rụng, hẳn ít nhiều ảnh hưởng tới hương thơm.

Cho tới bây giờ, kinh nghiệm về đàn bà của tôi chỉ được góp nhặt từ các văn bản và mấy lời khẩu khí bộc bạch trong cuộc rượu. Đàn bà họ có cái mùi lạ lắm; bảo thơm, không hẳn; bảo không thơm, cũng chẳng đúng, mà kích thích quá chùng. Này, mỗi loài thú có một chất kích dục riêng, nhờ vậy mà đực cái tìm tới nhau. Với chúng, đó là mùi thơm. Với khứu giác hạ đẳng của loài người, là thứ mùi hôi rình, chịu không thấu. Thì ra ngũ quan của động vật người như bọn mình, so đo, chẳng bằng ai cả. Chỉ được tạo hoá ưu đãi ban cho bộ óc tinh xảo mà tạo dựng biết bao kỳ công. Và phá hoại, người khác xen vào. Ấy, câu chuyện đi có hơi xa, mình đang nói về thứ mùi gầy dục của đàn bà mà, rồi lan man qua ngũ quan. Ý mình muốn nói, người khác thú nhờ sở hữu cái linh cảm. Ủ, vì vậy mình khai mở vô biên ngũ quan. Mắt thấy ra cõi vũ trụ tốt cùng. Mũi bắt được hương cảm của loài vô tri giác. Tai nghe thấu tiếng gieo động của sương đêm. Lưỡi nếm được mùi vị của thời gian ký ức. Da tiếp nhận tinh lực ấm áp của những giấc mơ. Trời, cái linh cảm kỳ diệu quá sức!

Làm sao tôi quên được hương da thịt của những người đàn bà đã một thời kề cận tôi. Thuở tấm bé, của dì tôi. Chẳng hiểu sao, khi tôi bắt đầu biết ghi nhớ, hằng đêm tôi phải ngủ chung với dì ở nhà sau. Phòng ngủ cạnh căn bếp, cách nhà trên một dải sân trắng xi-măng, chứa một vuông đất trồng cây mận chua. Mùa nắng, trái đơm chùm chi chít. Màu trái hồng nhạt, gợn vân đỏ bầm, mọng nước bóng lưỡng. Trái nhiều quá, ăn không hết, đem biếu thì vô lễ vì không phải loại trái quý, má tôi bày vẽ làm mứt mận. Dì tôi ngồi xên mứt bên hoả lò lửa than, trong mảnh sân nhấp nháy hoa nắng. Mồ hôi tươm hạt trên gương mặt dì ửng hồng. Dì thiếu nhan sắc. Quai hàm bạnh. Hai gò má nhô, điểm vết nám, mà dì bảo bị nắng ăn. Đôi môi mỏng, khi mím lại, cong đôn gánh. Tính dì đôi lúc cộc cằn, trả treo bậm trợn với má tôi khi dì không vừa ý chuyện gì. Nhưng dì thương tôi. Đêm mùa nóng, dì quạt cho tôi ngủ. Lúc tiết trời trở mát, dì úm

tôi vào lòng. Phòng ngủ hẹp, hắt ánh điện đỏ quạch từ trang thờ Phật. Khung cửa lá sách thường mở hoác. Tắm mừng trắng phập phồng những khuya gió. Có đêm, tắm mừng không kỹ, tôi ngủ lăn ra mép mừng, để muối vô đầy, vo ve. Dì tôi thức dậy, bật đèn đập muối, lòng tay lồm đóm máu.

Tới tuổi yêu đương, thỉnh thoảng dì xin phép má tôi đi xem hát đêm, cũng là dịp hẹn hò với bạn trai. Dì quắp tôi theo. Phim sặc-lô cầm, trắng đen, cả rạp cười nghiêng ngửa. Hay cải lương hương xa, có đoạn kép chính bị xử trảm, ở trần, hai nách cạo sạch, trước lúc hành quyết còn xuống sáu câu mùi rệu; đèn bật đỏ, khán giả vỗ tay rần rần. Vậy mà lần nào, giữa chừng tôi cũng ngủ gục. Bận về, dì đeo tôi trên lưng. Đầu tôi ngoặt ngoẹo trên vai dì, dập dềnh theo mỗi bước chân. Khuya phố thị cuối thập niên năm mươi, tiết trời mát rượi, dịu dàng như lòng tay mênh mông. Tôi chập chờn ngủ trộm, thần trí phiêu diêu trong thực ảo của giác quan. Hương tay đêm, hương da thịt dì tôi thuở xuân thì ướp tẩm bờ ngực tắm vải mừng gió lay phập phồng, trắng toát.

Mùi hương thiếu nữ có suối tóc óng ả ám đầy tâm thức tôi, ứa ra những dòng mực lem nhem xuống lòng giầy những khuya thức. Vài đêm đầu, tôi sờ sợ vì không gian tịch mịch. Những đêm sau, tôi quen dần. Cho tới lúc tôi cảm nhận từ khối tịch mịch đê mê ấy vài loại âm thanh. Tiếng sột soạt của giàn nhu liệu điện tử. Tiếng rầm rì mờ tắt của hệ thống điều hoà không khí. Tiếng gió chướng cào rạt lưng cửa kính. Tiếng bút thép cửa lên ngực giầy, tuôn mực. Và rồi, ngũ quan tôi vượt qua ranh giới thực ảo, cho tôi nghe thấy người nếm cảm được những hiện tượng siêu hình. Điều lạ, chúng không bắt tôi sợ hãi, mà cho tôi cảm tưởng như vừa tìm ra, tái ngộ những thứ những người đã từ lâu bật tin. Cho nên, một khuya nọ, khi khúu giác tôi tiếp được hương nước hoa rụt rè thoang thoang, tôi hoàn toàn an tâm. Trực tính trong tôi trở dậy, lần bước theo hương thơm, tìm tới chỗ ngồi của thiếu nữ tóc đen. Sự có mặt của cô gái vào giờ giấc cảm đoán này không làm tôi nghi hoặc điều chi. Ngược lại, tôi cảm thấy rạo rức trước vùng ám áp bao quanh chỗ cô ngồi. Dòng tóc mượt mà ôm lấy lưng ghế. Vạt áo mềm mại vắt ngang đùi. Quần dài phủ kín gót chân. Màu quần áo nhuộm nhuộm ngân nhũ, trắng loá như chiếu sáng. Tôi dừng chân cách đoạn sau lưng cô, trộm ngắm đố lâu. Đơn vị thời gian trong khoảnh khắc ấy xáo trộn như những trang chữ bị gió thốc tán loạn. Tôi biết mình đang thấy lại một trong những nhân vật mà tôi đã hạnh ngộ đầu đó trong quá khứ.

Tôi bước tới đứng cạnh thiếu nữ. Bàn tay cô chần ngang lòng sách mở, gương mặt nhếch lên. Màu mắt xanh, òi màu mắt xanh hoang tưởng. Môi cô nhoẻn cười thay lời chào. Tôi bất động giầy lát vì thần sắc linh diệu toát ra từ gương mặt thánh hoá. Thiếu nữ nhỏ nhẹ giải thích bằng ngôn ngữ bản xứ:

“Em xin lỗi đã quấy rầy ông vào giờ giấc khuya khoắt này.”

Tôi lấp bắp:

“Cô... cô... vào đây bằng cách nào?”

Thiếu nữ nheo mắt ra chiều bí mật:

“Bằng cách riêng của em. Ông không biết sao? Thư viện có nhiều khung cửa không bao giờ khoá.”

Rồi thiếu nữ giơ tay che miệng cười khúc khích:

“Em nói đùa, chắc ông không hiểu. Thật ra em là người thân của ông quản thủ thư viện, có chìa khoá riêng, muốn vào ra lúc nào tùy ý.”

Tôi khẽ nhú mày. Tôi chưa hề nghe người quản thủ thư viện nói về biệt lệ này. Nhưng nhìn khuôn mặt quyến rũ của thiếu nữ, tôi không hoài nghi lâu. Linh cảm tôi phát ra chuỗi tín hiệu màu xanh an toàn. Có điều tôi muốn biết, cô gái vào đây tìm đọc những gì? Đoán ra thắc mắc của tôi, thiếu nữ nhỏ nhẹ:

“Em cần một vài chi tiết cho tư liệu, tìm hoài chưa thấy. Ban ngày em không chú tâm được vì nhiều tiếng động. Ông ngồi xuống đi!”

Thiếu nữ nói như ra lệnh, rồi gấp sách lại. Tôi kéo ghế ngồi cạnh, lướt mắt lên bìa sách. “Hồi ký của Nguyễn thị” và tên một tác giả tôi chưa hề nghe. Tự dưng lòng tôi trĩu xuống. Chút thương cảm vô cớ nhẹ dâng lên. Ôi, những kẻ sáng tạo vô danh, những dòng chữ âm thầm theo mỗi mọt thời gian, những khát vọng không bao giờ thành tựu...

“Em kể ông nghe nhé!”

Ánh mắt thiếu nữ rực lên sắc lửa. Tôi nghiêng mặt lắng tai.

“Có thể nói, mọi ngõ ngách trong thư viện này nằm gọn lỏn trong lòng tay em. Ông quản thủ thư viện không kể cho ông nghe chuyện một đứa con gái bị ma thuật của sách vở mê hoặc sao? Ông ấy quên đấy. Em thích đọc sách từ tám bé. Em đọc đủ cả, từ chuyện cổ tích tới phiêu lưu, từ những hồi ký ấu thơ tới chuyện tình tuổi mới lớn. Vì lẽ đó mà em không có bạn. Chẳng hề gì, vì bạn của em chính là các nhân vật ẩn khuất trong những trang sách vô tri giác. Họ là những chiếc bóng leo đẹo đồng hành, san sát cùng em những buồn vui. Thuở đó thư viện chỉ là một ngôi nhà gỗ, nhỏ thôi, nhưng vô cùng ấm cúng, nằm giữa vườn cây thưa. Một lối đi lát đá xanh từ đường lớn dẫn vào. Những khung cửa lấp lánh rộng thoáng. Mái lợp ngói đỏ, dựng ống khói lò sưởi chơi vơi một ổ cò bện cành khô. Chớm xuân, vợ chồng cò trở lại, vùng trời thư viện ấm lên những giao cảm gần bó giữa người với thú, giữa động vật với thiên nhiên. Những thông điệp văn chương cũng rộn lên đón nhận hơi thở nồng nàn của bàn tay thời tiết. Em yêu chúng, yêu những thông điệp của những ngòi bút vô danh từ các tiểu quốc xa xôi. Những kẻ được sinh ra rồi chết, như thể họ sống chỉ để viết, thể thôi. Những chương sách có mặt như lũ trẻ ốm còi, đen đúa, bần thiếu, suy dinh dưỡng, nhưng ánh mắt chúng rực lửa tinh anh, bốc hơi hồi sức sống và lòng cương quyết vượt qua mọi chương ngại. Sinh vật có thể bị chiến tranh, thiên tai, bệnh dịch huỷ diệt, nhưng những trang chữ vẫn rành rành đó, kiêu hãnh. Em thấy ra tính bất biến kiên trì của những trạm thiên văn truyền tín hiệu từ các quốc gia nhược tiểu Đông Nam Á. Chúng lẻ loi một cõi, như những tinh tú chớp tắt không mỗi trong thiên hà.

Cho tới tuổi biết suy luận, em tự hỏi tại sao em có được thứ linh cảm ấy? Và dường như chỉ mỗi mình em. Em bắt đầu tìm hiểu. Câu chuyện khởi sự từ xấp ảnh lưu niệm của cha em cất trên gác. Ảnh đen trắng, màu thuốc rửa nhuộm vàng thời gian, đóng khung những sinh hoạt phiêu lưu của ông thời trai tráng. Ảnh chòi lá ven rừng cây. Ảnh thú dữ bị ông săn giết. Ảnh những thổ dân da màu, gàn như loã thể. Ảnh người đàn bà vận áo cổ cao, mặt phẳng, tóc vấn, đứng ngang vai ông. Tấm ảnh ấy đột nhiên làm tim em rộn lên thứ giao cảm khó tả. Soi gương, em nhận ra mình chỉ có mỗi màu mắt xanh giống cha, còn mọi thứ khác đều lạ lẫm, vay mượn của ai đâu. Em không dám hỏi cha vì sợ. Tập nghiện rượu của ông là bức tường vô hình chắn ngang tình phụ tử. Trong cơn say, ông thét gào như thú hoang những đêm trăng. Ông tự hành xác bằng cách cào cấu thân thể. Tại sao vậy? Âm ảnh nào đã dẫn xé ông khiếp đảm thể? Em không hiểu, chỉ biết trèo lên gác, giấu mình co ro trong góc khuất. Màu ngân nhũ mùa trăng đầy vạch khung chữ nhật lên sàn gỗ. Tiếng cha em thổng thiết như thú đêm gọi bầy. Những dải

mây lướt ngang khung trắng, cửa vết lên tuổi thơ em, bút lia em xa khỏi những chương sách thần tiên. Em dậy thì trước tuổi, và tìm ra bản sắc mình.

Ông quản thủ thư viện thuở đó là chồng của cô em. Thấy em ham đọc sách, ông dành cho em nhiều đặc quyền, cả quyền có chìa khoá riêng. Em thường gặng hỏi cô em về đời tư của cha và tổng tích mình. Cô luôn luôn tránh né, cho tới lúc nhận ra em đã tới tuổi hiểu biết, cô mới tiết lộ.

Cha em phiêu lưu sang An-nam lúc ông khoảng ngoài ba mươi. Đôi ba năm một lần, gia đình mới nhận được thư và ảnh ông gửi về. Trong bức thư cuối cùng, ông báo tin đã kết hôn với một người bản xứ. Bẵng đi lâu lắm, một khuya mùa đông nọ, bất ngờ ông trở lại, không phải một mình. Cô em bảo, cô vẫn nhớ như in cảnh đêm tái ngộ năm ấy. Ngoài trời bão tuyết tru tréo. Tiếng gõ cửa gấp rút, nối theo hàng loạt tiếng động, thoát đầu thoi thả rồi huyên náo dần. Cô tốc chân rời giường, khoác áo len, xỏ giày nỉ, mở cửa lần ra cầu thang gỗ, len lén trông xuống. Một người đàn ông vạm vỡ đứng cạnh một người đàn bà nhỏ thó. Cả hai trông như người tiền sử trong lớp y phục, khăn mũ trùm đụp, trắng tuyết. Ông nội em thúc hối bà giúp việc thấp đèn, đun nước pha trà, rồi tự tay ông sửa soạn củi sưởi. Hai người viễn khách ngồi hơ ấm bên hốc lửa chập chờn, chuyện vãn to nhỏ cùng ông bà nội. Khi bà em tới cạnh người đàn bà, ra dấu bảo tháo khăn choàng thì theo lời cô kể, một dòng tóc óng ả đen mượt bung xuống lưng, dài gần chạm đất. Nghe tới đó, em hỏi ngay: “Có phải bà ấy là...à... mẹ em?” Cô gạt đầu.

Mẹ em không thích ứng với phong thổ nơi đây, thêm căn bệnh sốt rét, nên sau khi em ra đời được chừng một năm, bà mất. Cha em thay đổi tâm tính từ đó. Ông trở nên làm lì, lại sinh tật uống rượu. Khi say, ông than gào như thú hoang. Cô em bảo, cha em bị những oan hồn thuộc địa hiện về báo oán. Không hiểu từ đâu, cô biết được những tội ác cha em gây ra ở xứ An-nam: giết người, đoạt đất, cưỡng dâm, bóc lột thổ dân, ... Tới một lúc, có lẽ ông không chịu đựng được nữa, ông hoá cuồng, nổi lửa thiêu huỷ ngôi nhà gỗ. Rồi ông bỏ đi biệt tăm. Có người leo núi, bảo tìm thấy xác ông dưới vực tuyết. Kẻ khác đưa tin, có gặp một người dáng vẻ tương tự tại một đảo quốc tận Thái bình dương.

Ông thấy đó, dấu những hưng phé nghiệt ngã, em vẫn trường sinh, vẫn nhẫn nại truy tầm căn nguyên mình. Di sản mẹ em để lại chỉ ngần này.”

Dứt lời, thiếu nữ nghiêng đầu, rũ tóc thành dòng xuống vai. Mái tóc mà tôi đã lén lút chiêm ngưỡng nhiều lần. Hương thuốc gội toả ngan ngát. Không phải thứ hoá liệu chế biến trong phòng thí nghiệm mà là hương hoa trái nhiệt đới. Đúng rồi, đây là hương chanh ngậm nắng đồng nội vào mùa lúa chín, đọng cả thứ tình thắm thiết giữa người và đất mẹ. Tôi xúc động, không thốt ra lời. Thiếu nữ cầm sách, đẩy ghế đứng lên. Từ đó cho tới khi tiếng chân cô nhỏ dần rồi mất hẳn, tôi như người bị ma lực thôi miên, đắm đuối trong âm cảnh.

Những đêm sau, tôi có ý ngóng chờ thiếu nữ, nhưng không thấy. Sáng cuối cùng, xong giờ làm việc, tôi vào gặp ông quản thủ thư viện, chào từ giã. Tôi nhắc tới người con gái quên không hỏi tên. Ông quản thủ thư viện lắc đầu:

“Tôi không có người bà con nào như vậy cả. Ông nghe lầm chăng?”

Tôi chậm rãi thuật lại mọi chi tiết. Đôi chân mày người đàn ông nhíp lại, giọng nói đứt quãng, đầy ngờ vực:

“Không lẽ nào... Khó tin quá. Ông có... ngủ quên rồi mơ tưởng không đấy?”

Tôi lắc đầu quả quyết. Người đàn ông tháo kính, rút khăn lau chậm. Tia mắt ông đại hẳn đi.

“Chuyện xảy ra lâu rồi, khoảng đầu thế kỷ 20. Trời, thời gian qua mau quá. Mới đây mà thư viện này đã gần trăm tuổi. Quả thật, người quản thủ thư viện thuở ban đầu có một cô cháu gái mê thích đọc sách. Rồi nghe đâu, cô qua đời trong một trận hoả hoạn. Họ bảo do chính người cha châm lửa. Nhưng không có tang chứng, cũng không tìm ra thủ phạm. Hẳn ông đang thắc mắc tại sao tôi biết được chuyện ấy? Có điều lạ, sau khi dập tắt đám cháy, người ta tìm thấy một quyển tập chép tay, gần như nguyên vẹn, được viết bằng ngôn ngữ an-nam-mít, ghi tựa ‘Hồi ký của Nguyễn thị’. Tập được dịch thuật, phổ biến thành sách, tái bản nhiều lần dưới tên của thân nhân người quá cố. Thư viện có lưu trữ quyển sách ấy, ông tìm trong danh mục ‘văn chương cận đại vùng Đông Nam Á’, sẽ rõ. Mà này, có điều mâu thuẫn... cô bé chết thiêu thuở ấy đâu chừng mười tuổi chứ mấy. Hay là... không lẽ... ”

(tháng 10.2000)

## Lời quá khứ độ lượng

Tôi và Nguyễn chia tay nhau không nhiều nước mắt. Sau bảy năm sống chung, chúng tôi mới nhận ra những khác biệt. Nguyễn thích bộc bạch, tâm sự, tôi hiếm khi. Nguyễn có nhu cầu đời sống cao, gần như phí phạm, tôi nghĩ rằng mình đơn giản, cần kiệm mà dưới mắt Nguyễn, tôi là một người keo kiệt.

Thật ra lý do chúng tôi quyết định xa nhau không có gì đậm nét. Nó mơ hồ như vết rạn mỏng manh trên một món cổ ngoạn quý giá mà cả hai đều cố gắng gìn giữ. Do ai, từ đâu, tôi cũng không rõ. Nỗi lạnh nhạt khởi sự từ chuyện gối chăn thừa thớt, rồi gần như dứt hẳn. Giữa chúng tôi, hằng đêm, là một cách đoạ mệnh mông. Thỉnh thoảng mộng mị choàng tay ôm theo thói quen, tỉnh giấc lại rụt rè rút tay về. Chiếc gối ôm, chung nhau khi trước, giờ tôi dành hẳn cho Nguyễn. Cả những cơn mơ san sỏi mỗi sáng cũng không còn. Hơi ẩm chia sẻ dường như đã thay màu mà không ai trong chúng tôi muốn pha chế lại.

Tôi bảo sẽ về sống chung với mẹ, Nguyễn chấp thuận ngay với nụ cười lạnh:

- Em nghĩ mẹ cần có anh bên cạnh.

Tôi không nói gì thêm, lặng lẽ xếp quần áo vào túi ny-lông. Tôi chỉ đem theo những thứ thật cần thiết và dăm ba món riêng tư. Hôm tôi ra đi, không có mặt Nguyễn. Tháng tư, thời tiết chớm xuân, hoa lá rộ nở. Sáng tinh sương, chim muông riu rít tưng bừng. nắng mới rón rén nhòai qua rèm sáo lấp lửng. Tôi không cho Nguyễn biết trước ngày tôi đi. Nàng cũng không hỏi. Điều này khiến tôi mỗi khi nhớ lại, không khỏi xót xa. Dù sao tiết trời rộn ràng đã làm bước chân tôi bớt nặng.

Mẹ ngạc nhiên quá đỗi trước biến cố này. Bà chất vấn nguyên nhân. Tôi đáp gọn, vì không hợp tính nhau. Mẹ chau mày đôi co, vậy sao sống chung tới bảy năm? Tôi cười, giấu đôi mắt đượm buồn. Mẹ tôi, một người thuộc thế hệ hôn nhân mới mai, làm sao hiểu được rằng tôi và Nguyễn, ai cũng có ít nhiều nhu cầu riêng, khó san sẻ. Tâm tính tôi vốn giàu tình cảm, càng thêm phức tạp. Tôi có những khát khao không thể nói ra. Cá tính Nguyễn cứng cỏi, hiếm khi phục tùng ai. Cái tính mà thuở đầu tôi cho là có thể đắp đổi cho bản chất mềm mỏng của tôi, giờ đây mới thấy ra đó là chiếc mặt nạ che chắn tính lì lợm, cố chấp. Nhưng chưa lần nào tôi buông lời trách cứ. Chỉ im lặng. Cho tới lúc, giữa hai chúng tôi là một nỗi im lặng lớn.

Chỗ trọ của mẹ chỉ có hai phòng và một mái gác chứa đồ cũ. Những cuối tuần, tôi dọn dẹp, sửa soạn lại căn gác làm phòng riêng. Nơi này, trước khi gặp Nguyễn, đã có thời là chỗ trú của tôi mỗi khi thích một mình. Gác nằm dưới mái ngói, khoét ba ô nhỏ lắp kính làm cửa sổ. Một mở ra hướng tây, hai trông về phương đông, vì vậy căn gác tương đối sáng sủa. Tôi thích ngồi ngắm vệt nắng xê xuyên dần theo thời khắc, và để tâm tư bay nhảy mông lung.

Tàn xuân, mái gác trở nên tươi mát. Mảnh tường trống, tôi tô vôi vàng chanh. Tủ giường bằng gỗ phong màu sáng. Sàn lót thảm rêu nhạt. Những tranh hoa tự tay vẽ lấy được tôi nâng niu đóng khung treo lên. Rất nhiều lúc, tôi nghĩ mình có thể sống như thế, suốt đời. Với mẹ.

Đã một lần tôi tỏ bày ý nghĩ này cho mẹ biết trong một bữa cơm ngon. Tiếng mẹ tôi cười, ầm áp biết bao. Bà không nói gì, đưa tay gấp miếng đậu kho lạt cho vào chén cơm tôi. Những món ăn mẹ nấu rất vừa miệng tôi. Bà rành rẽ ý thích từng đứa con. Những người khác giờ đã lập gia đình, ra riêng, mẹ chỉ còn mỗi mình tôi kề cận. Tôi tha hồ tắm mát trong dòng sông thơm ngát này, cho tới một hôm mẹ êm giọng hỏi tôi về những dự tính tương lai.

- Con chưa tính toán gì rõ ràng, mẹ ạ!

- Trưa nay Nguyễn có gọi điện hỏi thăm.

Ngực trái tôi nhói lên nỗi gì rất lạ.

- Có gì lạ không mẹ?

Tôi gắng giọng thản nhiên. Ánh mắt mẹ sáng chút dỏ dẫm:

- Cô ấy hỏi, đời sống con lúc này ra sao?

Tôi chép miệng:

- Nguyễn biết con đi làm ban ngày, sao không đợi tối hẵng gọi?  
Mẹ thở ra:

- Có lẽ cô ấy muốn chuyện vãn riêng với mẹ.

- Mẹ cứ nói thẳng, con chịu đựng được mà.

- Nguyễn nhắc con nhớ ngày 22 tháng 5.

Tôi mím môi, ngày chúng tôi quen nhau.

- Được rồi, con sẽ vi thư cho Nguyễn.

Lá vi thư tôi viết, ngắn gọn vài dòng: *“Ngày này, làm sao anh quên được. Nhưng giờ đây, anh đang tìm cách sắp xếp lại thời khoá biểu đời sống mình. Có nghĩa là anh sẽ bôi xoá đi những gì phải quên, và đón nhận những thử thách mới.”* Tôi có ý chờ Nguyễn hồi âm. Nhưng không thấy. Rồi tôi quen dần với ngày tháng bình thản bên mẹ.

Mẹ tôi, với số tuổi xấp xỉ lục tuần, vẫn còn nhiều nét sắc sảo. Góa bụa đã lâu, nhưng mẹ vẫn ở vậy. Bà một mực cố gắng hoà nhập vào đời sống bản xứ. Mẹ học thêm ngoại ngữ, làm đồ gốm

và nấu nướng các món tây phương. Dịp đó, bà quen được vài người bạn xứ khác phái. Đôi ba cái tên thỉnh thoảng được mẹ nhắc tới trong vài câu chuyện. Rất nhợt nhạt, như thể họ chỉ là những người láng giềng quen mặt.

Mẹ và tôi, theo truyền thống đông phương cố hữu, khó có thể chuyện trò phóng khoáng về những vấn đề tình cảm. Tuy nhiên tôi vẫn cố gắng tháo gỡ những định kiến, những điều cấm kỵ bằng cách mềm mỏng khơi chuyện. Tôi nghĩ rằng, mẹ không phải là một người hẹp hòi. Nhân thể, qua đó, tôi ao ước biết thêm những chi tiết về gia đình. Nhất là về cha tôi.

Tôi gần gũi mẹ hơn cha. Ai cũng bảo tôi có dáng dấp giống cha, nhưng tính tình giống mẹ. Có nghĩa tôi là kẻ mềm yếu và nghèo nàn lý trí. Hẳn vì vậy mà khi cha tôi đưa cả gia đình sang đây, lúc tôi đã thông thạo ngôn ngữ bản xứ, lập tức ông cho tôi vào nội trú. Năm ấy tôi vừa lên chín.

Tôi không bao giờ quên cái hôm cuối hạ, cha mẹ cùng với người chị kế thân thiết tôi nhất đưa tôi tới cư xá trường. Dọc đường cha mở băng cát-sét nhạc cổ truyền việt nam. Tiếng đàn tranh hoà cùng đàn nguyệt, đàn bầu réo rắt, thê thiết. Cha có thói quen nghe loại âm nhạc này khi lái xe. Tôi đoán ông chỉ mở máy cho có, vì khi đó ông không ngừng căn dặn tôi những điều phải lưu tâm: Nhớ tuân lời các giám thị, lễ phép với thầy cô, vui tính với bạn bè. Và nhất là phải dọn dĩa. Nơi này, không phải như xứ mình, muốn gì cứ việc thẳng thắn lên tiếng, nếu không sẽ bị thiệt thòi. Cha tôi có giọng nói đồng dạng, và tiếng cười sang sảng, khoẻ mạnh. Ông không phải là một người khó khăn, nhỏ nhặt; ông chỉ không chấp nhận cá tính tôi, nửa phần nhiệm sắc thể của ông.

Trường nội trú toạ lạc trong một khuôn viên rộng, nhiều vườn cỏ và cỏ thụ. Có cả một hồ nước, mùa này dày đặc thủy thảo. Hè sắp cạn mà nắng vẫn chan chứa, lấp lánh khắp nơi. Trên cỏ, lác đác đó đây lá khô rụng sớm. Cây cối đã chuyển màu lục sẫm, không còn lẫn sắc hoa chen chúc thuở đầu hè. Cảnh trí gây cho tôi cảm xúc bất an khó tả. Tôi biết, kể từ hôm nay tôi mới thực sự có mặt trong đời sống này.

Có điều lạ, lúc chia tay, tôi không nhỏ một giọt nước mắt nào.

\*

Tôi hỏi mẹ có thích đi nghỉ hè chung với tôi năm nay? Ánh mắt mẹ nhìn tôi hoang mang tới độ nực cười.

- Con có giỡn chơi không đó?

Tôi bật cười tràng dài, đáp gọn:

- Thật mà. Mẹ thích đi đâu?

Giọng mẹ mau mắn như sợ tôi đổi ý:

- Nơi nào có nắng, biển và cây cảnh đẹp.

- Đảo Madeira thuộc Bồ-đào-nha có thời tiết bốn mùa ấm áp.

Mẹ giục già:



- Thì đi!

- Người ta gọi Madeira là “đảo Hoa”, đất nham thạch đã thuần, rất tốt cho hoa trái.

Mẹ hăm hờ:

- Để sáng mai mẹ ra thư viện mượn sách về đọc.

Rồi bà thấp giọng tự lự:

- ...Mà chỗ đó con tới lần nào chưa?

Tôi nói dối:

- Chưa mẹ ạ! Bạn đồng nghiệp của con đi rồi, họ thích lắm.

Làm sao tôi tẩy xoá được hai tuần nghỉ mát Madeira với Nguyễn thuở chúng tôi còn khắng khít nhau như bút mực. Phố nhỏ Funchal và ngõ ngách lát đá xanh. Hoa viên đồi Monte với xe trượt bằng gỗ đan mây có người đẩy. Những buổi du ngoạn ven biển đông, tây; xe trượt chậm đường dốc một chiều, bên phải là vực nước biển tung toé sóng thiên thanh, bên trái là vách núi ẩm ướt dựng đứng, bám thạch thảo xoè cánh màu gạch cua; có đoạn nước nguồn tuôn đổ ào ào nóc xe. Một tối hội xuân lộ thiên bắn pháo bông kín trời. Những khuya trăng sáng, tôi và Nguyễn chia nhau hơi ấm mộng寐, ấm ì tiếng sóng đập đùa bãi đá núi. Mỗi bình minh, hải âu lao cánh oeng oét ngoài ban-công khách sạn bám lưng chừng vách đá. Tiếng lũ mèo hoang đói tình rên rỉ ma quái, đuổi nhau rậm rật mái ngói đỏ. Và hoa trái nhiệt đới, ôi tung bừng lan, sứ, phượng tím... và đu đủ, mãng cầu... Chúng tôi tươi rói xuân xanh với những toan tính tạp sắc. Nhất định sẽ hưởng già tại đây. Nhất định mỗi ba năm lại tới đây nghỉ hè. Nhất định lần sau sẽ làm một chuyến bộ hành dọc rãnh nước mạch Levadas từ núi cao xuống đồng bằng. Nhất định sẽ...

Bây giờ, tất cả đã thuộc về quá khứ.

\*

Nguyễn trả lời vi thư tôi chậm. Nàng muốn gặp tôi để bàn chuyện giải quyết vài thứ giấy tờ. Chúng tôi hẹn nhau tại quán nước Le Chat Noir sau giờ làm việc. Lúc tôi tới, chưa thấy Nguyễn. Tôi chọn chỗ ngồi bên ngoài, cạnh giàn tường vi trổ bông đỏ lựu. Nắng tôi nghiêng nhiều mảnh hình học sáng rỡ. Quán nước nằm trong góc phố khuất chỗ buôn bán sầm uất, là điểm hẹn của dân bản xứ phóng khoáng.

Tôi gọi một ly bia, tia nhìn chênh mảng ngược lên vành cung bắc ngang lối đi trải đá xanh mập mờ. Màu gạch đỏ tươi phẳng phất lối kiến trúc sống động những phố nhỏ địa trung hải, gợi nhớ trong tôi thứ cảnh sắc hè nào đã xa. Phải rồi, quán ăn ven bãi đen thẫm cát hoả sơn Madeira. Lối đi tráng xi-măng dọc đê đá, xây cách khoảng công vòng cung gạch nung đỏ au, trang hoàng hoa giả màu hồng tái. Tuần trước là hội hoa, người chủ quán cho chúng tôi biết như vậy, có cộ hoa rền rang và vũ nhạc ngoài trời.

Nguyễn tới, kề mặt hôn phớt lên má tôi rồi bắc ghế ngồi đối diện. Nàng tháo kính mát cho vào túi xách. Người hầu bàn trờ tới, Nguyễn gọi ly cam vắt. Câu chuyện mở đầu bằng những lời thăm hỏi sức khoẻ, chỗ làm chỗ ở, và những thay đổi trong số bạn quen chung. Như thông lệ,

Nguyễn kể lể, thỉnh thoảng cao giọng chì chiết, tôi bình thản lắng nghe, đôi khi thêm thất ý kiến với nhiều thận trọng. Gương mặt người đàn bà trẻ điểm trang mỏng, tỉ mỉ, màu son môi hợp với màu áo phơn phớt cánh sen. Dường như không có gì khác lạ, chỉ mỗi không gian hoán vị. Tự dưng tôi tiếc rẻ cho hồi tưởng chính tôi đã níu kéo không cần thiết. Tiếng sóng Madeira thổi bồn chồn, vắng lại thứ tạp âm thành phố dan díu chân người, chạt chội quán xá và bụi bặm giao thông.

Tuy vậy, tôi vẫn không ngớt liên tưởng mảnh trời quá khứ đã ban phát cho tôi cảnh sắc huy hoàng, làm tăng hương vị ngày tháng. Trí nhớ tôi độ lượng không ngờ.

Tôi thốt lộ khi câu chuyện giữa chúng tôi không còn gì để nói:

- Anh đã mua vé đi Madeira với mẹ.

Vẻ mặt Nguyễn thoáng ngạc nhiên. Nàng gằn giọng:

- Với mẹ anh?

- Tại sao không?

Tôi nhìn ngón tay Nguyễn mân mê vành ly, những móng cắt khéo vờn nhẹ vành thủy tinh hơi lạnh:

- Cho em gửi lời thăm hoa viên Blandy và ăn hộ em món cá Espada lăn bột chiên với chuối.

Tôi chùng lòng:

- Lâu rồi anh không đi xa với mẹ.

Nguyễn chớp mắt, thờ hắt:

- Anh có biết tính anh giống tính mẹ lắm không?

Tôi cười thay vì gạt đầu. Giọng Nguyễn chậm lại như đấn đo:

- Thứ em mong đợi ở người bạn đời không gì khác hơn là bản lĩnh. Trong bảy năm sống chung, anh không làm chuyện gì quấy mà ngược lại, anh chăm sóc em rất mực chu đáo. Anh điều động hoàn toàn trong đời sống lứa đôi, nhưng... nhưng cách chủ động của anh giống như của một người mẹ lo cho con gái, khiến em nhiều lúc phải tự hỏi lại vai trò mình.

Hai má tôi nóng bừng, không biết vì hơi men hay vì mấy lời Nguyễn vừa bộc phát. Tôi im lặng để không nói ra điều nóng nổi. Tôi thấy hai mắt Nguyễn hoe đỏ. Tâm tư tôi bối rối cùng cực, không biết phải làm gì, nói sao cho đúng. Cái bản sắc nhu mì của tôi đã đánh bật tiêu tán thứ bản lĩnh nam tính.

Nguyễn buông tiếng ngắt gọn:

- Em xin lỗi anh.

Rồi xô ghế đứng lên, móc ví lấy kính mát, đặt tờ giấy năm đồng xuống bàn, bước đi không từ già. Tôi vẫn chưa hết ngỡ, chết điếng như vừa chứng kiến tấn kịch sống động tới độ phủ

phàng. Tôi? Bản lĩnh đàn ông? Với Nguyễn? Chuyện lạ lùng này, mãi bây giờ Nguyễn mới tiết lộ. Sao không nói trước để tôi suy xét lại? Dẫu gì đi nữa, tôi cũng không phải là hạng đàn ông nhỏ nhen.

Tôi nâng ly, một hơi cạn sạch. Suốt đêm hôm đó tôi nằm nghe đồng hồ phòng khách bên dưới điểm tiếng thời khắc thông thả. Khi chim muông bình minh rộn rã ngoài kia, tôi mới thiếp vào giấc ngủ khó.

Tôi thấy mình thảnh thơi tìm nhặt đá sỏi trên cát. Sóng nước lùa vào, quần quýt gót chân. Sỏi đá reo lảnh cách, không ngại nghĩ. Đêm, âm thanh giòn giã đều đặn ấy là giai điệu ru tôi và Nguyễn vào giấc mộng phẳng lì. Đêm Madeira lúc trăng lên huyền ảo soi vạch cửa trở ra ban-công, ánh sáng tấu khúc tình tự lên da thịt chúng tôi. Những vòng tay khép chặt. Khoảng trống tham lam đón lấy, thốc tháo bùng lên như bốc hơi, rồi rơi xuống vùng sâu thẳm cảm xúc. Hai thân thể sóng đôi, ẩm mồ hôi mặn mòi tinh túy đại tây dương. Đêm chất ngát tới lúc bày hải âu léo réo báo rạng đông.

\*

Khung cảnh mở ra trước mắt tôi khi tới nơi vẫn như nhiều năm về trước. Phi đạo phơi lưng sóng soài bên mặt biển nhấp nhô xanh rì. Nắng hực hỡ. Gió phát phới chéo khăn mẹ quần đầu. Xe đưa hành khách về khách sạn ngang qua quăng đường có phượng tím che lối. Nét mặt mẹ rạng ngời sinh lực. Tôi chỉ bà quang cảnh những vòm ngói đỏ loé nắng xa xa bên sườn núi uốn khúc lộ trình. Sắc đỏ xoi xói, đẹp mắt, đặc thù Madeira. Mẹ tôi cho đó là thứ tình đất gắn bó con người với thiên nhiên và quê nhà. Tôi tìm tay mẹ, siết lại. Bất giác tôi nhận ra mình thực sự hiện hữu vì có người khác và ngoại cảnh.

Lúc đặt mua vé máy bay và chọn khách sạn, tôi để mẹ tự quyết định. Tôi ngỡ ngàng vô cùng khi bà chọn đúng chỗ trọ mà trước kia tôi và Nguyễn rất ưng ý, khách sạn Bãi Cá Voi “Orca Praia”, cách phố chính Funchal khoảng mười lăm phút xe buýt. Khách sạn có lối kiến trúc lạ mắt, bám vào sườn đá trông ra biển như một ổ chim hải yến. Từ ngoài vào quày nhận phòng, phải đi thang máy xuống tầng dưới.

Tự dưng tôi cứ in trí, mình sẽ thấy lại căn phòng số 613 với những góc cạnh và những hư hao quen thuộc. Bồn tắm có vòi nước nóng lạnh ngược ngạo. Cửa tủ áo bên trái khó lòng đóng chặt. Hộc bàn đêm cạnh cửa ban-công có núm kéo xộc xệch. Đèn đọc sách đầu giường gắn lệch... Nhưng không, mẹ và tôi ở tầng dưới cùng, cách hồ bơi và bãi tắm chỉ một quăng dốc uốn cong.

Năm ấy tôi chưa biết bơi, Nguyễn thì thông thạo như rái cá. Chiều nằng, tôi ghi danh học bơi. Giờ đây tôi không còn e dè chỗ nước sâu, cũng như bớt hứng thú hơn thuở đầu bì bõm. Tôi đọc sách, phơi nắng và tìm cách tĩnh tâm. Mẹ biết tôi còn nặng lòng vì những mất mát, nên để yên tôi ngơi nghỉ. Thật ra bà cũng không phải là người linh hoạt. Trước kia vì không có láng giềng đồng hương để lân la, giờ cha tôi mất và bày con mỗi đứa một nơi xa, mẹ tôi càng ít nói. Mỗi khi nghĩ lại, tôi không khỏi quặn lòng chua xót. Đó cũng là lý do tại sao tôi muốn đi nghỉ mát chung với bà lần này.

Cuốn sách tôi mang theo ghi lại những buổi hội thoại giữa Dalai Lama và giới y sĩ tây phương. Họ muốn tìm hiểu triết lý Phật giáo, đặc biệt là phương pháp thiền tập, để áp dụng vào y học, hy vọng cải tiến cách chữa trị các chứng bệnh do tâm thần gây ra. Chính Nguyễn khuyên tôi nên đọc quyển sách này, khi nghe tôi than phiền vu vơ về chứng bi quan. Tôi rất đổi ngạc

nhiên, vì có bao giờ nàng chăm đọc sách, lại là một cuốn sách thần học chuyên môn. Nguyễn trách, chỉ tại tôi không để ý tới sở thích của nàng đó thôi. Oan cho tôi! Gia đình Nguyễn theo Thiên chúa giáo, Nguyễn phóng khoáng, từ chối niềm tin vào một đấng sáng tạo. Thoảng hoặc chúng tôi luận bàn về tôn giáo. Không ai biết rõ ráo, cũng không ai xướng giọng thuyết phục. Có điều rõ rệt, Nguyễn tin tưởng tuyệt đối ở sức mạnh siêu nhiên. Chẳng hiểu từ đâu, nàng rất mực rành rẽ và rắp tâm tin vào hiệu lực của đá quý. Mỗi loại đá, một tính lực. Nguyễn bảo tuổi tôi hợp với hắc thạch Onyx và đá đỏ Carneol. Tôi ậm ừ nghe qua rồi bỏ. Tưởng quên, không ngờ những chi tiết vụn vặt ấy vẫn bám níu trí nhớ tôi. Cho tới lần nọ, loanh quanh phố chính mùa hè, tôi dừng chân bên sạp bán đá quý lộ thiên. Tôi chọn mua một chuỗi hạt Onyx, phân vân như thể có ma lực xúi giục.

Những ngày nghỉ hè thành thoi, tôi thường rảo bộ một mình dọc bãi biển. Hoài niệm dâng lên. Sau hốc đá khuất, chiều xuống, không còn thấy hai đứa con gái bản xứ ngồi âu yếm nhau. Cả anh thanh niên, dăm ba hoàng hôn trong tuần, lại ra đứng chỗ nước cạn, huơ tay ra điệu như phân bua cùng đại dương. Tôi lo cho anh. Lúc bóng tối chập chùng bữa xuống, vẫn thấy anh ta đứng đó. Điều anh muốn giải bày trước thiên nhiên bao la, với thượng đế, hẳn nhiều rối rắm.

Giờ đây, tôi tự hỏi, hai đứa con gái và anh thanh niên kia ra sao, cuộc sống có lành lặn, suôn sẻ?

Tôi ghi lại những ý nghĩ này trong một tờ thư viết cho Nguyễn. Xong, đọc lại, tôi thấy không cần thiết gửi đi, gấp lại để đó. Mẹ tươi tắn kể chuyện gặp bạn quen trọ cùng khách sạn: ông Horst, người học chung lớp nấu ăn với mẹ tại trường bình dân học vụ. Ông đi nghỉ mát một mình. Không đợi tôi hỏi, mẹ đã giải thích:

- Ông ấy cũng goá bụa, con ạ!

Không phải câu trả lời điều tôi muốn hỏi, nhưng tôi không nói ra. Tia mắt mẹ rục rờ đã giải toả phần nào thắc mắc trong tôi. Chỉ vài buổi tắm nắng, nước da mẹ đã trở màu nâu mơn. Mẹ bảo, sáng mai ông Horst mời mẹ đi viếng hoa viên trên đồi Monte, sau đó tới ăn trưa tại một quán cơm đặc sản trong phố cổ. Mẹ nói thêm, ông ta chỉ mời mỗi mình mẹ, rồi quay mặt cười khế, có lẽ để giấu đôi má ửng đỏ. Tôi lưỡng lự giây lát trước khi quyết định ngày mai sẽ cuốc bộ ra phố bằng lối đi ngoằn ngoèo dọc bãi biển. Tôi và Nguyễn đã một lần phiêu lưu, nhưng bỏ dở vì xa quá.

Con đường có đoạn đầy đá xanh chên vênh, có đoạn xuyên núi, trơn ướt, bóng điện thấp tù mù. Nhiều quãng dốc, bậc cấp cheo leo. Chỗ đó, ngoảnh lại, thấy ngôi khách sạn nhiều tầng nhòai ra vách đá, trông tựa một khối thủ công khéo léo. Những tấm ảnh với hậu cảnh kỳ vĩ này, tôi không mang theo khi chia tay Nguyễn. Lúc đó tôi thật sự muốn chặt bỏ quá khứ, khoá trái cánh cửa bước vào bất kỳ không gian nào vánh vát hình bóng Nguyễn. Tự ái tôi bị thương tổn sâu đậm với nhiều phé tích mà tôi nghĩ khó lành vết. Chúng nhói buốt theo từng bước chân tôi, rồi nhẹ dần theo nắng ngày lên cao. Tôi tự hỏi tại sao mình trở lại nơi đây? Có kẻ sát nhân nào không tìm về phạm trường một lần? Lương tâm và cảm tính, điều liên hệ mơ hồ, nhưng mạnh bạo tới độ gây ra những khủng hoảng. Tôi rơi vào khoảng đen khủng khiếp này bằng tốc độ tỷ lệ thuận với tính nhạy cảm nữ tính. Những lúc một mình, tôi vẽ nó ra trong tâm tưởng, rồi phóng mình vào mê đắm.

\*

Lúc tôi về phòng, tưởng mẹ đã yên giấc. Không, bà trở lưng, thì thầm chúc tôi ngủ ngon. Tôi hỏi, mẹ không ngủ được sao? Mẹ ừ ừ, ban chiều mẹ uống cà-phê hơi nhiều. Tôi xoay mặt vào

vách. Hai giường ngủ kê song song, cách nhau chiếc bàn đêm. Cửa ban-công không khép kín. Trăng biển nhàn nhạt tràn vào. Sóng xô bãi, ào ào đá sỏi. Đều đều, không ngại.

Sáng ra, mẹ trang điểm lâu hơn lệ thường. Chúng tôi quen thức sớm, vào phòng điểm tâm chỉ mới lác đác người. Dãy bàn ăn trông ra vùng biển trống. Dưới đó, nhỏ như vệt mực, một người đang thoi thả vung từng sợi tay lên mặt nước phẳng phiu. Lát sau, có người đàn ông da trắng tới xin phép được ngồi chung. Mẹ cười tươi, giới thiệu:

- Lộc, con trai tôi. Ông Horst, bạn nấu ăn của mẹ.

Chúng tôi bắt tay nhau. Người đàn ông kéo ghế ngồi cạnh mẹ, tươi cười:

- Mẹ cậu tía hoa cà-rốt sắc sảo nhất lớp.

Mẹ rạng rỡ:

- Nhờ con dao năm mươi xu mua ở chợ trời.

Tôi bắt chuyện:

- Mẹ tôi kể nhiều về ông. Hôm qua ông bắt cóc bà ấy đi những đâu?

- Công viên đồi Monte, ăn bữa trưa trong phố cổ, quanh quẩn trong chợ hoa trái, rồi ăn tối và đi dạo hải cảng...

Mẹ góp lời:

- Coi như gần trọn Funchal, mệt đứt!

Bữa điểm tâm kéo dài lâu hơn mọi ngày. Như thường lệ, sau đó chúng tôi thay quần áo, mang khăn, kem chống nắng, thuốc gội đầu, chai nước suối và vài thứ trái cây xuống hồ bơi ven biển. Hôm nay có thêm ông Horst, phải cần ba tán dù mới che kín. Mẹ nằm giữa. Tóc mẹ vấn cao, kính nâu che mắt. Với số tuổi ấy, trông mẹ vẫn thanh mảnh trong bộ áo tắm đen lốm đốm nhiều khối huyết dụ tựa những cánh hồng Baccara. Ông Horst cao vừa, người đầy đặn, tóc ngắn màu tro, ngực phớt lông mịn, ánh trắng làn da nâu sạm. Dáng đi ông đôi khi ngập ngừng, như thể bước chân biết suy tư. Ông có nét quyết rũ chững chạc của một thân cổ thụ sần sùi, cành lá chằng chịt, dày dặn phong sương. Điều này trái khoáy với chuyện ông ghi tên học lớp làm bếp. Tôi nói ra ý nghĩ này cho mẹ nghe, lúc không có mặt ông Horst. Mẹ cười xuề xòa:

- Ông ấy thích ăn uống, chịu khó nấu nướng, vả lại học cho qua giờ giấc.

- Ông không có việc làm sao mẹ?

- Ông về hưu non, con à. Mẹ chưa hỏi lý do.

Tôi ngần ngại:

- Mẹ thấy ông Horst ra sao?

Mẹ không trả lời ngay. Tôi thong thả đếm một, hai, ba...

- Chữ “thấy” trong tiếng Việt mình ngộ nghĩnh quá chừng, đôi khi ám chỉ mắt nhìn của cảm xúc. Với ông Horst, mẹ trò chuyện rất thoải mái, không vướng víu cảm giác mặc cảm của kẻ ăn nhờ ở tạm. Mẹ cho rằng ông ta là một người rộng lượng. Còn con, con nghĩ sao về ông?

Bị hỏi ngược, tôi vấp vấp tìm cách trả lời:

- Chữ “nghĩ” mẹ dùng rất thích hợp... Con chỉ mới biết ông hơn nửa ngày. Cảm giác đầu tiên tốt đẹp. Ông có vẻ đơn giản.

- Đúng hơn, ông Horst là một người chân thành, nhưng không nhàm chán. Nhiều người nghĩ gì nói đấy, cũng chân thật, nhưng thiếu cá tính.

Tôi bạo dạn tìm hiểu:

- Cảm tình của mẹ dành cho ông được bao nhiêu phần trăm?

Mẹ tháo kính mát, khoé mắt trẻ trung, tinh nghịch:

- Bao nhiêu thì đủ để thành bạn đời?

Tôi làm tỉnh:

- Tuổi mẹ với ông, 55 phần trăm đủ rồi.

Mẹ đập vai tôi đau điếng, cao giọng:

- Cậu xem thường người cao niên.

Tôi lý luận:

- Hai người cộng lại, 110 phần trăm, dư sức trăm năm hạnh phúc, không cần răng giả.

Mẹ cười ngúc ngoác, vén tóc, xoay nằm hướng khác. Tôi chậm rãi thoa kem lên bả vai đã chớm nóng rất. Hương thuốc mơn man khướu giác. Tôi nhòe miệng thấy lại ánh mắt, giọng cười bối rối rất đỗi xuân thì của mẹ, vui trọn vẹn với thứ cảm quan có màu cam ngập nắng Madeira. Tôi nghĩ rằng, mình không những hiểu mẹ, mà còn cảm nhận được tâm trạng thâm kín của bà, lúc này, với ông Horst.

\*

Liên tiếp nhiều ngày sau, mẹ thường xuyên vắng mặt. Tôi chấp nhận điều này dễ dàng không ngờ. Mẹ tôi, một người đã tận tụy hy sinh cho gia đình trong quá khứ, giờ đây xứng đáng được hưởng phần hạnh phúc muộn màng này. Tôi vui với ý so sánh, “đại lộ hoàng hôn” đang mở lối thênh thang chờ đón mẹ. Khoảng thời gian này tôi thường một mình, nhưng không cô đơn. Tôi uống say hương sắc của thời tiết. Tôi tận hưởng thú vui chụp ảnh hoa. Tôi ôm ấp quá khứ, tiêu hoá và bài tiết nó bằng tâm tư bình thản, tự nhiên như bộ máy sinh thực. Tôi dần dà sạch trơn như thiên sinh tiếp nhận hạnh tịnh độ.

Một tối, mẹ tôi trở lại phòng trễ, rất trễ. Tôi có thói quen, không bao giờ hỏi bà đi đâu, với ai, bao giờ về. Dẫu vậy, lúc chuyển xe buýt cuối cùng từ phố chính ngang qua khách sạn, không dừng lại, tôi đâm lo. Tay đêm úp xuống thông thả. Chân trời ngoài khơi đặc sệt, tím bầm. Trăng

Madeira mọc lên nửa vành sữa đục. Tuyệt nhiên không thấy tinh tú. Sóng biển vẫn đều đặn xô bờ, sủi trắng giắc ngủ tôi lo âu. Hiện tượng kỳ lạ chập chờn tâm thức tôi, sâu thẳm vùng tối đen hai mắt khép kín. Cảm quan tôi tan vào, thẩm nhập cảm quan mẹ, tụ lại giao điểm mạnh mẽ của thịt da và trí tuệ. Mẹ tôi đấm đuối vòng tay siết lấy bờ vai ông Horst. Như Nguyễn đã nhiều lần bấu chặt vai tôi. Như Nguyễn đã ướt mắt tỏ bày, *anh điều động hoàn toàn trong đời sống lứa đôi, nhưng cách chủ động của anh giống như của một người mẹ lo cho con gái...* Tôi, giống như một người mẹ? Sao lại có chuyện kỳ lạ ấy? Lê nào...

Người đàn ông, không phải cha tôi, cúi mặt, lướt môi ve vuốt ngón cổ mẹ. Chân râu cứng gậy gậy, kích cảm mọc gai. Mồ hôi mới ngọt đầm. Ngón chân cong hẫng vùng mênh mênh, như dấu ấn sột chia trên cát mịn. Ôi, những dấu hằn của quá khứ tôi, quá khứ mẹ và quá khứ những liên hệ trùng vây. Tôi bứt rứt với cơn ấm lạnh cảm tính chưa liền da nổi thịt.

Tiếng mở cửa nhẹ, rón rén nhưng đủ lay tôi thức. Tôi đoán chừng đã quá nửa đêm. Tôi nhắm mắt tưởng lại những ảo giác mới nãy. Hương vị gối chăn còn tươi rói nếp nhăn. Tôi dọ dẫm theo những tiếng động trong phòng vệ sinh. Vòi sen tuôn nước ào ào. Những va chạm lách cách bồn men sứ, và tiếng chân ngắn, đục trên nền thảm. Không gian thoảng mùi thơm của kem dưỡng da, gợi nhớ khắc khoải những thói quen của Nguyễn hằng đêm. Chăn nệm loạt soạt. Nhịp thở mẹ mỏng như cánh đập loài bướm đêm. Không dựng khoé mắt tôi rịn ướt. Có gì vậy? Những đốm xám đỏ kỳ dằng lên tâm tưởng. Nổi mắt mát thâm tình theo sóng Madeira đập ran rát vào da thịt tương thân. Tôi ôm lấy chiếc bóng đe dọa của quá khứ, biết mình tuyệt vọng không ngăn nổi mùa nước lũ tương lai.

(tháng 5.2005)

## Đối ảnh

Tôi chăm chú dõi theo dáng mẹ lom khom bên mấy chậu hoa trong khu vườn mùa đông. Nắng chiều hắt vàng lên những khóm cây nhiệt đới còi cọc trong chậu đất con. Chòm lê kiểng rải bóng lốm đốm lên lưng áo mẹ. Mẹ mặc áo trắng, quần đen, tóc bới cao, giắt kẹp đôi môi. Tôi có thể hình dung ra chiếc kẹp này với đầy đủ chi tiết. Những đường vân nâu lượn ngoằn ngoèo trên lớp vỏ màu hổ phách trong như mật. Cái móc thiếc tí hon, chỉ cần bấm nhẹ là bung ra. Đã nhiều lần tôi vụng về tìm cách tháo kẹp, khi mẹ cúi đầu hỏi han hay vỗ về tôi. " Con trai cứng của mẹ ời!" Giọng mẹ mềm mại như tấm mật ngọt, được ướp hương trầm. Mẹ gỡ mấy sợi tóc vương quanh móc kẹp, trao cho tôi. Nét mặt mẹ rạng rỡ. Nét mặt tôi cũng rạng rỡ, dầu chỉ là thứ ánh sáng yếu ớt không soi thấu đáy sâu đại dương. Tay tôi mân mê thân kẹp đôi môi bóng loáng, trơn lầy, mát rượi, có cảm tưởng chính tôi là con vật cô đơn lầm lũi trong lòng biển đục tối. Tôi có cặp mắt lơ dờ của đôi môi. Tôi có chiếc miệng hay nhều nhào chất nhờn của đôi môi. Tôi có hai cánh tay và đôi chân khẳng khiu, co quắp chập chạp của đôi môi trên đất cạn. Tôi còn có thứ ngôn ngữ không thể diễn đạt bằng tiếng nói. Tôi là một đứa trẻ mang chứng si ngốc bẩm sinh.

Mẹ tưới cây xong, còn dềnh dàng đứng đấy trong nắng chiều, rồi xoay người bước tới cạnh tôi. Gương mặt mẹ ngược nắng, sẫm lại. Vạt áo mềm như đôi cánh lấm tấm bụi phấn của con bướm mốc vừa rời kén. Mẹ cúi mặt, áp má lên tóc tôi, thầm thì:

" Không ai chơi với con trai của mẹ, phải không?"

Tôi hình dung ra nét mặt mình rục vui. Tôi sẽ liến thoảng choàng tay bấu cổ mẹ, sẽ rút vào tai

mẹ lời ngọt ngào tầm thường nhất. Nhưng hai mắt tôi vẫn trảng tráo bất động, mép miệng tôi vẫn tiếp tục rỉ nhớt, tay tôi vẫn lỏng không cầm khò. Tôi không thể điều khiển hành động mình bằng ý nghĩ. Tôi chỉ giương to mắt như con thú trước cảnh bất trắc, nửa van xin nửa sợ sệt chờ đợi. Mẹ hiểu ánh mắt tôi, gật gù:

"Ừ, ừ, lát nữa chị Quỳnh sẽ tới chơi với con, chịu không?"

Tôi nhếch môi cho mẹ hiểu đó là nụ cười. Mẹ sửa lại sống áo tôi, cẩn thận luồn áo lót vào lưng quần, chặm nước bọt hai bên mép môi tôi. Rồi mẹ nhắc ghế ngồi cạnh, tiếp tục đan áo. Có điều gì không ăn nhịp giữa màu chiều tàn tạ và màu len đỏ rực trong rổ đan. Cử động thoăn thoắt đưa đẩy kim đan của hai tay mẹ cũng không ăn khớp với đám tĩnh vật chung quanh. Như thể chúng đang chờ đợi điều gì. Một thảm cảnh hay một niềm vui bất ngờ? Như thể chúng đang trừng mắt mưu toan chuyện mờ ám. Như thể chúng đang ần núp rình rập, chờ xem một biến cố ngoạn mục. Làm sao tôi giải thích cho mẹ, cho cha, cho chị Quỳnh và cho cả anh Trung hiểu rằng, mỗi tĩnh vật trong ngôi nhà này đều tiềm ẩn một câu chuyện. Tất cả gom lại thành một bảo tàng viện của nhân loại thu hẹp. Chiếc ghế sơn trắng kê nơi ngưỡng cửa đã có thời là thông xanh sừng sững trong rừng sâu. Chướng nghiệp nào khiến chúng bị đốn làm gỗ mang về đây, hiện diện nơi này, là nhân chứng theo từng kỳ tăng trưởng bệnh trạng của tôi? Mẹ đã nhiều lần ôm tôi ngồi trên chiếc ghế ấy. Hoặc ru giấc chiều, hoặc mớm cho tôi từng muỗng cháo lỏng. Hay chỉ ngồi thờ như thế. Tôi vùi thân vào đại dương ấm áp vòng tay mẹ. Tôi há miệng bú mớm chất ngọt của tinh bột. Tôi thấy rõ đồng lúa gợn sóng vẫy vẫy trong nắng gió. Tôi thấy cả thằng bù nhìn ngả rạp sau cơn giông đêm qua. Lũ chim lúa reo mừng hối hả. Tiếng cánh đập ào ào như thóc rẫy. Lẽ nào tôi lại là con chim lúa tinh ranh, từ đất trời nhiệt đới lạc tới chốn này, quéo quắt ngấm từng vật thể bày biện quanh đây?

Vật tôi yêu nhất có lẽ là vật nắng hắt lên tường nhà, phía sau bình hoa pha lê. Màu nắng thay đổi từng mùa... không, mỗi ngày. Đẹp nhất khoảng tháng Mười, nắng đậm mật. Tôi thấy ra trong đó có vị mặn của cái chết.

Mùa đang cựa mình, rục lên mặt đất chút sinh lực sau cùng. Hung hãn như tên đồ tể vô tâm. Lạnh lùng như con thú một sống một còn với kẻ thù. Đã nhiều lần tôi hoá thân thành đứa trẻ có tâm sinh lý bình thường, dò dẫm từng bước tới ngôi vào giữa vật nắng tháng Mười. Lá trong tôi rực vàng như giát kim nhũ. Tâm hồn tôi nóng bức lạ lùng. Hốt nhiên tôi mù mờ nhận ra lẽ huyền bí giữa sống chết. Hoàn toàn không biên giới. Thoắt cái là bên này, hay bên kia. Để rồi tôi lại rã rượi vòng tay ôm lấy bóng nắng, như đợi ơn cứu rỗi. Vì tôi vừa băng khuông nhận ra tôi, vâng, chính tôi là lẫn ranh mỏng manh giữa sự sống và cái chết.

Không một ai hiểu những suy tư rắc rối này của tôi, kể cả chị Quỳnh. Chị đến để tập cho tôi một vài động tác thể lực, mỗi tuần ba lần. Chị Quỳnh đẹp như tranh vẽ. Bàn tay chị mềm như lụa. Người chị toát hương một loài hoa quý. Tôi nằm yên, gần như trần truồng, cho chị xoa dầu lên người. Tay chị lền tới đâu, hơi ấm lan tới đó. Chị nắn vuốt những khớp xương khằng khiu, đầu ngón xoay vòng nhẹ nhẹ, thận trọng như sợ tôi vỡ. Chị ấn lên xương sống tôi, từ cổ xuống tận đốt dưới cùng. Tôi muốn mình hoá thành con rắn để được chị nắn mãi như thế. Chị Quỳnh dường như không nhận biết cảm xúc này của tôi. Và tôi có cảm tưởng càng về sau, chị tới đây không phải để chăm sóc tôi mà vì lý do nào khác. Những hôm chị tới đều có mặt anh Trung.

Khi tôi tới tuổi biết nhận thức thì anh Trung đã thường xuyên vắng nhà. Giờ giấc về thăm của anh thất thường. Có khi vào sáng sớm, có khi là nửa đêm. Nhiều lúc anh ở chơi, bầu bạn cùng tôi hai ba tuần liền. Lại có lúc không thấy tăm hơi anh vài tháng liền tiếp. Nhà thiếu hơi hướm đàn ông trẻ, trở nên ẻo lả, xanh xao, bi quan như bản đàn ngũ cung. Có anh, ngôi nhà như đàn bà tiếp nhận tinh lực đàn ông, bừng lên nồng nàn. Tôi cũng linh hoạt rộn ràng. Anh thay mẹ làm



những việc nặng. Như đẩy xe cho tôi đi dạo. Như bế tôi vào phòng vệ sinh. Cơ thể tôi vẫn phát triển, dẫu chậm và không bình thường. Tay chân tôi càng lúc càng lỏng khoảng. Nửa người bên trái nghiêng lệch như phần lá cây thiếu ánh sáng. Còn khuôn mặt tôi, tròn ời, lâu lắm rồi tôi không đủ can đảm nhìn mình trong gương. Tôi nhận diện mình qua tình thương của cha mẹ, bằng bàn tay mềm mại của chị Quỳnh và qua sắc diện hâm hấp sự sống của anh Trung. Anh đẹp để toàn bích qua cái nhìn của tôi. Anh còn có phong cách tao nhã của một nghệ sĩ. Dù mang khuyết tật thính giác, nhưng tôi vẫn có thể mừng tượng ra dòng nước âm thanh, khi anh ngồi khây đàn bên tôi. Những nốt nhạc lóng lánh rắc mưa lên đất cần. Lá cỏ cong oằn hứng lấy ơn lành. Tôi đắm hồn mình vào không gian tuyệt diệu của âm nhạc, nấc ngậy ngất theo từng ngón tay anh nắn nét trên khung dây. Nét mặt anh an lành tuyệt đối. Ánh mắt anh cũng gọi cảm tuyệt đối, chờn vờn quyến trên khuôn mặt tôi rồi quay sang chỗ chị Quỳnh đang ngồi. Tôi rợn người. Tôi không thể diễn tả được thần sắc anh lúc đó. Nó vượt qua giới hạn của trí tưởng tôi. Nó bứt rời thực tại, lao vào cõi mênh mông nào khác. Nhạc trở thành cơn thác bạo loạn cảm xúc. Nhạc rưới cuồng toan lên thân thể tôi. Lửa bùng lên rát bỏng. Thần kinh tôi đứt đoạn tan hoang. Tôi co giật theo cơn động kinh. Tôi dựng ngược mắt, nẩy người hứng mũi tên vừa buông. Chị Quỳnh rú lên thất thanh. Anh Trung chạy tới, đẩy vội bàn tay vào miệng tôi. Tôi cắn tay anh toé máu. Tôi thù ghét thậm tệ những bàn tay đẹp.

Trong bàn cơm, mẹ đặt tôi ngồi bên trái. Tôi không tiêu hoá được thức ăn, nên mọi thứ đều phải nấu nhừ rồi tán nhuyễn. Mẹ thường vỗ về tôi:

" Tội nghiệp, con trai cưng, cứ phải ăn những thứ này."

Tôi muốn nói, đáng lẽ con tội nghiệp cho mẹ mới phải, vì tôi là một gánh nặng không bao giờ vơi trong gia đình này.

Cha tôi chặc lưỡi:

" Thăng Trung với nó như hai thái cực."

Mẹ chau mày:

" Không thể so sánh như vậy được, đứa nào cũng là con."

" Tôi có phàn nàn gì đâu."

Mẹ tươi tắn:

" Từ lúc có cô Quỳnh lui tới, thăng Trung về thăm nhà thường hơn."

Cha tôi cười hóm hỉnh:

" Cô Quỳnh coi được mắt đó chứ, lại tận tụy."

" Chỉ sợ thăng Trung nhiều nghệ sĩ tính, thích vui hơn là tính chuyện lâu dài."

" Bà nghĩ chúng nó có gì với nhau thật à?"

Mẹ hừm khế:

" Còn phải hỏi."

Tôi lừa thức ăn ra khoé môi, cổ họng tôi nghẹn chặt. Mẹ xoắn xuýt lau miệng, kè ly nước vào miệng tôi. Tôi phun cả thức ăn lẫn nhót dãi vào ly nước. Mẹ dịu dàng chăm sạch miệng tôi, đổ nước vào chậu nhựa bên dưới, rồi rót cho tôi ly nước khác. Tôi cố gắng ngoan ngoãn ăn uống chiều theo ý mẹ, bằng cách suy nghĩ những chuyện viễn vông, không để ý lời cha mẹ bàn chuyện anh Trung và chị Quỳnh.

Tôi là một học bàn có vô số ngăn kéo tưởng tượng. Tôi có thể tự động mở ra đóng vào, tự ý. Tôi cũng có thể sai khiến chúng làm theo ý mình, như một nhà ảo thuật đại tài hay như một văn sĩ cửu khôi. Lần này tôi mở ngăn kéo đựng những vì sao lạc xuống địa cầu, thành tuyết sa. Tôi thích làm bạn với những cánh sao lạnh lẽo này. Trông chúng giống nhau thật đấy, nhưng mỗi hoa tuyết là một vì sao có bản mệnh khác nhau. Có vì sao hạnh phúc, có vì sao cô đơn. Có vì sao tầm thường, có vì sao dị thường. Cũng có vì sao mang số phận tạt nguyên giống tôi. Chúng chớp tắt đầu đầu lè loi trong góc trời, rồi cuồng chân rơi xuống thành hạt tuyết lạc loài, xấu xí, đoán mệnh như một lần chớp.

Tôi cũng có một ngăn đầy sấm sét. Chỉ đựng ánh sáng thôi, không tiếng động. Mở ra, tia sáng loé liên hồi như pháo bông đêm hội lớn. Những đêm giông trái mùa, tôi thường hé ngăn kéo cho sấm chớp tuôn ra. Một đêm mưa, ngồi nghịch như thế, tôi cảm được tiếng người trò chuyện trong nhà kiếng. Tôi hoá thân thành đứa trẻ sục sạo trà trộn vào bóng tối chập chờn, tôi nép mình bên chậu cây. Mưa vỡ ào ào lên mái kiếng. Lâu lâu, một lần chớp loé lên nứt trời, tiếp theo là âm thanh kinh động không gian, làm hốt hoảng cả gương mặt chị Quỳnh dúi sát vào ngực anh Trung. Một tay, chị bầu lầy vai anh. Cổ áo chị hở hênh. Hàng nút xa cử lóng lánh. Bàn tay anh Trung đặt lên chỗ da trắng của vạt áo, xoa nhẹ. Tiếng anh Trung mơn trớn:

" Quỳnh nở vì anh đêm nay, nhé!"

Chị Quỳnh ỡm ờ:

" Em không muốn."

" Tại sao?"

" Vì hoa Quỳnh chóng tàn."

" Ngày tàn, nhưng mỗi đêm lại nở cho anh."

Chị Quỳnh mắng yêu:

" Tham lam."

Rồi chị ngẩng cổ cho anh rúc đầu vào. Anh vục mặt xuống ngực chị mở hờ.

Mưa xối xả, in bóng đậm nhạt lên da trụng. Ngực chị Quỳnh móm móm như búp hoa chờ măn khai. Tôi bỗng thấy những động tác của anh Trung thô bạo, xấu xí như của một kẻ tạt nguyên. Ngực tôi nóng ran như chứa những lửa than âm ỉ. Khi anh Trung úp người lên thân chị Quỳnh, đất lạnh trong tôi bưng bưng chuyển động. Nham thạch phún đổ từ những miệng núi. Đất rách ngoằn ngoèo những rãnh sâu. Gió phẫn nộ bứt ngang địa cầu. Biển dâng sóng lớn, đập hung bạo vào lưng núi đá. Loài người và thiên nhiên đối nghịch nhau. Tôi nhắm mắt để khỏi thấy cảnh gớm ghiếc. Tôi là thiên nhiên đang ầm ì rung chuyển. Tôi cháy, tôi vỡ, tôi thét, tôi phá phách, ngập ngựa, tôi giết người rồi tự sát...

Mưa vẫn xoi bóng xuống khu vườn mùa đông. Tôi hé mắt nhìn, không thấy chị Quỳnh và anh Trung đâu nữa. Cảnh vật im lìm như không có những thiên tai. Đêm vẫn lằm lì gõ nhịp dài ngắn. Tôi bỗng nghi ngờ giác quan thứ sáu của mình. Tôi đã kiếm khuyết ngũ quan, chỉ còn nó, mà dường như nó cũng phản bội tôi, cho tôi thấy ra những hoang tưởng xảo trá. Tôi đau đón co người, hai tay bó gối. Tôi và đối ảnh vụn vỡ tan nát nghìn mảnh.

\*\*\*

Mẹ nâng thân thể mềm nhũn của tôi lên, rơm rớm:

" Trời ơi, sao người con lạnh lẽo thế này."

Ánh mắt tôi nhìn mẹ khẩn khoản. Tôi thều thào, van lơn, không sao đâu, con không sao đâu, mẹ đừng lo. Nhưng tiếng nói tôi chỉ là những gợn sóng nhấn nheo tan vào biển lặng mênh mông. Mẹ xoa dầu nóng, nắn bóp khắp người tôi. Mẹ rên rỉ hỏi han tôi. Tôi nhuốm bệnh lặng lẽ. Chính cơn sốt tâm lý này đã thiêu huỷ những nhiệm vụ cần thiết của ngũ quan tôi. Nó âm ỉ gặm nhấm những tế bào tăng trưởng. Nó bắt tôi nhỏ dại khi tâm sinh lý tôi đã trưởng thành. Nó xui tôi hình dung những cảnh tượng xa rời thực tế. Nó đẩy tôi tới gần mẹ và chị Quỳnh, cho tôi cảm nhận hơi ấm bàn tay người khác phái. Càng lúc tôi càng xa cách anh Trung. Tôi có cảm tưởng, tình ruột thịt giữa anh và tôi không còn như trước. Cảm xúc tôi, mỗi khi được anh săn sóc, bỗng đắng ngắt như những viên thuốc trị chứng suy nhược. Riêng bàn tay mẹ, vẫn vậy. Cả cái ly nước của riêng tôi. Những khi mẹ nâng đầu, kề miệng ly vào rãnh môi tôi, tôi lại thấy ra vũ trụ đắm mình trong đáy nước. Mặt trời và mặt trăng của thái dương hệ này.

Vô số con đường sửa vặt vẹo trong không gian thăm tối. Những chòm sao chổi lang thang theo chu kỳ thiên văn. Con mắt tôi trừng trừng lẫn mãi như hòn bi mất trọng lực. Tôi hé môi nhấp cả vũ trụ thênh thang vào miệng. Thành ly thủy tinh cứng lạnh và vô cảm. Không, quá khứ của ly cũng đáng hãnh diện lắm chứ, là cát đại dương xa, đã từng hứng nắng, dầm mưa, ẩm lạnh theo thời tiết. Rồi cát được loài người biến đổi thành chiếc ly thủy tinh. Không biết thỉnh thoảng ly có hoài niệm tiền thân? Tôi muốn san sẻ cùng ly những xúc động hợp tan đó. Đừng bao giờ quan tâm tới lẽ biến thiên. Không có gì tồn tại mãi. Cả viên thuốc đắng, cả hợp nước lạnh, cả vành ly ngậm nắng, cả tôi và những suy tưởng không thể tiết lộ cùng ai.

Mẹ cầm tay tôi, áp lên má. Nước mắt đọng khoé mi. Tôi nếm được vị mặn ấm trong tay mẹ. Tôi ráo riết khuyên mẹ:

" Có gì đâu, lẽ sống chết."

Lòng tôi dâng lên niềm xót xa không thể giải thích. Tôi đã chết đi, sống lại nhiều lần trong tâm tưởng mình. Tôi đã từng gần gũi với chị Quỳnh, ra tay hạ sát anh Trung trong nhiều giấc mơ hoang. Lưỡi dao tâm ác lún ngập cán vào giác ngủ tôi. Máu phún đầy những khe nứt thần kinh tôi. Dòng nham thạch cuốn lấy thân tôi. Tôi bất ngờ hoá thành di tích của thời bán khai. Cả thân xác tôi cũng mất đi lực cảm nhận. Tôi là bộ xương hằn dấu trên đá, làm đảo lộn những giả thuyết về nguồn gốc giống người.

Cả đêm tôi được nằm cạnh mẹ. Thân tôi lạnh ngắt. Mẹ quấn chăn quanh người tôi. Cha lẳng xăng gọi điện chỗ này chỗ nọ. Anh Trung ngồi ủ dột trong chiếc ghế sơn trắng, bên ngưỡng cửa dẫn ra khu vườn mùa đông. Không có mặt chị Quỳnh. Ánh sáng trong nhà bỗng đổi sắc. Dường như chói hơn và nhuốm chút xanh huyền hoặc của thạch động. Tôi thấy mình reo lên, bay lơ lửng trong luồng sáng màu nhiệm đó. Không một tiếng động. Ý niệm không gian và thời gian đứt lia tan hoang. Chẳng còn ranh giới giữa sống chết, vọng chân và không có. Tôi vượt

qua chúng dễ dàng như đưa trẻ thả diều trên đê đất một chiều nắng gió huy hoàng. Tôi về lại nguyên thủy chính mình, là cái không thể định nghĩa. Tôi tách rời những định lý vật chất. Tôi hoàn toàn tự do, băng qua vực sáng tối của đời sống. Tâm tôi thanh thoi giữ bụi phiền muộn. Nhưng tôi không thể giải thoát giùm những đồ vật đã kề cận cùng tôi trong phần đời ngắn ngủi. Mỗi thứ là một số mệnh. Mỗi thứ là một chuỗi quá khứ, hiện tại và tương lai. Mỗi thứ là một hoài nghi lớn. Tội nghiệp, chúng là những câu chuyện không có đoạn kết. Chúng bắt tử trong cách đối đãi dừng đứng của loài người.

## Mưa ngũ cung

- Tui học ca diễn với bầu Tám Ngà của gánh Chuông Vàng lúc tui đầu chừng bảy tuổi, đang học lớp tư trường làng, mới ê a đọc viết. Sáng đi học, chiều về bữa chần trâu bữa phụ làm ruộng bữa vét mương, đủ chuyện hết. Ba má tui vốn là tá điền cho địa chủ Huỳnh tấn Bửu, bá hộ khét tiếng sáu tỉnh Nam kỳ thửa đó. Nói thiệt, ông không phải là người ác như lời thiên hạ đồn. Má tui kể lại, lần bà chuyển bụng sanh tui, nếu không có ông cho ghe máy chở ra nhà thương tỉnh, chắc cả mẹ lẫn con đã ra người thiên cổ. Tui nằm ngược, phải mổ. Sau đó họ nuôi trong lồng kiếng thêm ba tháng mới cho đem về nhà. Má bà y tá nói lại với má tui, lúc mổ bụng tui ra, tui xuội lơ hà, nếu sống hẳn bị một khuyết tật nào đó. Ai dè lúc tui vừa lên năm, còn nói ngọng, mà đã võ vẽ hát xướng rồi. Tại dì Năm Xuân hết trại. Dì là em ruột của má, bỏ quê lên tá túc tạm nhà ba má tui, chờ được phát ruộng đất, nhận chun tá điền. Nói cho ngay, địa chủ Bửu có phần nào bóc lột. Đâu phải ai muốn làm tá điền cho ông cũng được. Phải chờ có chỗ trống, mình nhảy vô thế. Trong khi chờ cũng phải lao động cật lực như mọi người. Sau mỗi vụ lúa, được phát gạo; tới Tết được cấp cho vài thước vải ú. Dì Năm Xuân dang nắng dầm mưa nước da đen đúa, nhưng có duyên hết sức. Đặc biệt dì có giọng ca trong trẻo, nên ngân nga hát xướng tối ngày. Má tui nói hoài, tui biết hát nhờ sữa của dì Năm. Không hiểu sao, mới mười tám tuổi, đầu đã dễ chữa gì mà dựng không dì có sữa thay má cho tui bú. Má kể, thửa nhỏ tui đẹp như tiên đồng, ai thấy cũng đòi nựng. Thời đó làng quê mình nghèo lắm, làm gì có điều kiện ra tiệm chụp vài tấm hình làm kỷ niệm, thành ra tui chỉ còn giữ mấy tấm lúc tui khởi nghiệp cầm ca. Để tui đưa cho ông ký giả coi chơi!

Đồng dài một hơi, tới đó nghệ sĩ Đắc Phước run tay cầm quyển lưu ảnh trao cho ký giả Văn Trọng. Hai người ngồi đối diện. Căn gác chật, thán tám, thời tiết thất thường. Hôm qua mưa dầm trọn đêm, mát mẻ được buổi sáng, trưa nắng lên lại nóng hầm. Cửa nẻo toang hoác. Vài ngọn gió nhút nhát tuôn qua, phủ hơi yếu ớt. Lâu lâu Văn Trọng lại rút khăn tay chạm mồ hôi trán.

Trong lúc Đắc Phước vòng vo chuyện đời, tai Văn Trọng lắng nghe mà mắt chăm chú ngắm nhìn tấm vách trước mặt. Ảnh lộng kiếng treo sắp lớp. Màu thuốc rửa ngả nâu, có tấm ố vàng, bạc thếp từng đốm như bị vôi tạt. Trước khi tới đây để phỏng vấn nghệ sĩ lão thành Đắc Phước, người đã hiến dâng gần như trọn đời cho sân khấu cải lương, ký giả Văn Trọng đã chịu khó tìm đọc tiểu sử của ông. Vỡn vẹn ba trang với ảnh bán thân trong quyển biên khảo Nguồn gốc và nhân vật điển hình ca tuồng Nam bộ. Ông sanh năm 1921 tại làng Đầm dơi, tỉnh Cà mau, xuất thân bản cổ nông, ... Và phần kết luận: " Ông đã tận tụy góp phần không ít vào hai cuộc cách mạng vĩ đại chống Pháp, chống Mỹ của dân tộc ta. Sự nghiệp của ông vì vậy đáng được vinh danh như tấm gương tiêu biểu cho ngành ca tuồng Nam bộ" . Đọc xong, Văn Trọng không khỏi trầm ngâm. Theo lời vài đồng nghiệp đi trước, kể bảo Đắc Phước bị móc nối làm cán bộ nội thành của Mặt trận Giải phóng sau lần xuất ngoại trình diễn ở Ba-lê, người cho rằng ông chỉ là nạn nhân của tranh chấp, không những trong giới ca diễn mà còn trong tầng cấp xã hội.

Đắc Phước nhắc ghế sát gần Văn Trọng, tay lật từng trang quyển lưu ảnh, giọng xúc động:

- Ông ký giả coi nè, ảnh này chụp tui sắm vai Na Tra trong tuồng cải lương Hồ Quảng " Đường sang Tây trúc" . Còn trong tấm này, tui làm vua Tàu, cái ông Phổ Nghi đó, ông ký giả biết mà! Tui còn đóng vai Tấn Lực trong " Phạm Công, Cúc Hoa" , làm tiểu đồng theo hầu Lương Sơn Bá. Đó là thời tui còn nhỏ, được quần chúng gọi tưng " thần đồng" . Tuy đóng vai phụ, nhưng trong tuồng nào, ông nhưn cũng xếp cho tui được hát hò vài câu. Thừa đó người diễn vai nhí không nhiều nên thỉnh thoảng tui còn vẽ mặt làm đào con. Để tui kể chuyện tui theo gánh hát cho ông ký giả nghe chơi! Bàu Tám Ngà là bà con xa bên ngoại tui. Bãi trường năm đó ban Chuông Vàng tới đóng đô ngoài chợ lồng, cách làng Đầm dơi gần nửa buổi chèo. Một hôm ông bàu theo xe ngựa quảng cáo, tạt ngang nhà thăm ba má tui, nhằm lúc tui đang lùa vịt vô chuồng, tay cầm roi tre phất " trót, trót" trong không khí, miệng ngêu ngao điệu Lý chim quyên học được của dì Năm Xuân...

- Giọng đờn nào nghe sắc quá vậy chị?

- Thăng Phước đó chú Tám, con út của tui tui. Nó hát hò miệng không kéo da non.

- Chị kêu nó vô cho tui coi tạt!

Chào hỏi xong xuôi, bàu Tám rịt tay thăng Phước, lật coi qua loa rồi vuốt má thăng nhỏ, nói:

- Tốt, có hoa văn, vóc vạc thanh tao, hồng diện đĩnh ngộ. Cháu lên mấy rồi?

Thăng Phước đỏ mặt lúng búng:

- Dạ, bảy.

- Hát lại cái bài mới nãy cho chú nghe!

Thăng Phước cúi gằm, lắc đầu nguây nguẩy. Người mẹ cười lớn:

- Xấu hổ đó mà. Thôi, đi tắm rồi phụ dì Năm dọn cơm. Nhon tiện mời chú Tám ở lại dùng bữa với tui tui, cơm canh đậm bạc.

- Cám ơn chị, hôm nay không được, đám xe thồ ngồi chờ ngoài kia, Tui còn lui tới nữa mà. Hôm nào rảnh, tui mời anh chị tới coi tui diễn tuồng, nhớ dắt thăng Phước theo!

Hôm cả nhà đùm túm chèo ghe ra chợ tỉnh coi hát tuồng, người mẹ chuẩn bị cơm nước đem theo từ sớm, gồm cơm nắm muối mè, vài miếng khô cá tra gói giấy nhựt trình và bình trà ủ trong vỏ dừa khô. Dì Năm Xuân chèo mũi, người cha chèo lái. Quần áo dành cho ba ngày tết được đem ra bận. Dì Năm Xuân còn xúc dầu dừa chải tóc, hái bông búp vô nát xoa hai má. Chỉ vậy thôi mà gương mặt dì rạng rỡ hẳn. Mỗi lần dì vung tay khua chèo, cánh áo bà ba ngấp nghé lưng quần sa-teng đen, hé khoảnh tam giác trắng muốt.

Ghe khởi dầm từ trưa, tới chợ tỉnh lúc nắng đã xế. Bữa nay ban Chuông Vàng diễn tuồng " Hoa Mộc Lan tòng chinh" tại đình Quan Công, người coi đông nghẹt. Bàu Tám dành cho nhà thăng Phước mấy chỗ ngồi hạng cá kèo. Sân khấu đèn đuốc sáng choang. Giàn nhạc tiêu kéo điệu Nam điệu Quảng ron rọt. Phong cảnh lộng lẫy, đào kép sắm y trang hực hỡ. Lúc nghỉ giải lao, bàu Tám tới xin phép ba má dắt thăng Phước vô hậu trường.

Dãy hành lang hẹp, lát gạch nung đàng sau sân khấu là lối đi dành cho ban cúng đình hàng năm, giờ thành chỗ hoá trang sắm bộ cho đào kép. Bàu Tám chỉ trở, giải thích luôn miệng. Thăng Phước lắng tai mà thần trí lất vất nơi đâu. Trời đã vào đêm mịt mù. Bàn hoá trang gỗ tạp thấp đèn dầu ngọn lớn, rọi sáng những khuôn mặt kẻ gương bẽ, loang ó lớp trắng thủy. Đào kép đương tô lại dấu son phai, dặm lại gò má lợt, sửa lại hàng mi nghiêng. Thứ ảnh sắc này, thăng Phước mới thấy lần đầu mà có cảm tưởng như đã chiêm nghiệm đâu rồi. Áo giặc lờ mờ, gầy nét nhưng linh động với toàn bộ ngũ quan, tựa thứ cảm xúc mỗi lần nó khứng tiếng hát chơi: bầu sữa mát rượi trắng tươi của dì Năm Xuân bú mớm bài ru em hay điệu Xuân tình, Bình bán. Nó nhớ hoài lời má nói, thăng Phước tốt giọng nhờ sữa của con Năm!

Vãn tuồng lúc đêm đã sâu. Ngoài bến sông, ghe xuồng náo nhiệt tra dầm, quay mũi. Trăng cận rằm rải vàng lên mặt sông. Không hiểu sao, sắc nguyệt đêm nay đỏ ửng như bén lửa. Cha vắn nhỏ tim đèn. Lúc vẩy nước ám sắc, ngược mặt thấy lớp mây vắt ngang khuôn trăng, xám xịt như đám khói một cơn hoả tai. Sông mênh mông, tinh tú tận cùng, chiếc tam bản run rẩy như cành khô trong cơn bần thần của trời nước. Dư âm buổi hát tuồng còn ám tro, gió trăng hững hờ làm bốc lửa tiếng hát thăng Phước xướng cao. Bài vọng cổ từ biệt lúc nữ tướng lên ngựa ra sa trường. Vừa lúc trăng nức sáng. Đám cháy thật sự phát hoả, rầy chập chờn lên lưng nước. Quang cảnh trông như giả, như thể mọi sự vừa vượt mắt bản tướng, gắn lên tấm mặt nạ hoá trang, bước qua cảnh giới huê rạng vô biên của tuồng tích.

Dì Năm Xuân cũng hoà giọng hát cương. Tới đoạn sông tẽ nhánh, cha rẽ dầm. Đồi bờ cây rậm, dây leo lơ lửng như rắn treo. Chỗ nước hẹp, lục bình lấp kín lòng sông. Vòm cây, có nơi đơm đóm nhấp nháy hoan lạc, có nơi nhón nhác hai mắt thú loé lân tinh. Ghe trườn tới đâu, côn trùng bật tiếng tới đó. Chỉ còn giọng thăng Phước dịu nhiều rót đầy khung đêm, mùi mẫn tới độ cỏ cây cũng xúc động, lá ngọn rã rượi.

Vài ngày sau, nhằm bữa nghỉ hát, bàu Tám tới viếng nhà ba má thăng Phước. Lần này ông nán lâu hơn. Cơm nước xong xuôi, ông và cha thăng Phước ngồi uống trà, hút thuốc vắn bên hiên nhà trống vách. Nắng ửng oải nghiêng bóng. Tít tắp, chỗ ruộng đất giáp trời, mây xám cuộn cuộn, vạm vỡ.

Bàu Tám rít một hơi sâu, phả khói khoan khoái, rồi cất giọng nhấp chùng:

- Anh chị tính... sao với thăng Phước?

Người cha nhú mày, toan hỏi thì bàu Tám đã tiếp lời:

- Ý tui muốn nói tới tương lai của nó đó mà.

Người cha ngập ngừng:

- Ủ, thì... cũng như tui thừa trước... Tới tuổi trở mã tui cho nó đi theo đám chăn trâu qua mùa nước lụt, rồi dìu nối nghiệp tui làm tá điền cho ông chủ đây.

- Hơi ổng nghe anh!

- Sao ổng?

Bàu Tám hạ giọng chậm rãi:

- Anh nghĩ coi, đã đành tui là cái thứ xướng ca vô loài, trôi sông lạc chợ, nhưng một khi đã vay nghiệp thì phải trả. Tui thấy thằng Phước vừa đẹp tướng vừa tốt giọng, nếu để nó theo nghề làm ruộng, thiệt uổng. Ý tui muốn xin anh chị cho nó theo tui.

Nét mặt người cha sượng lại giấy lát. Ông không trả lời ngay mà nâng chung trà mẽ miệng, hớp ngụm nhỏ. Bầu Tám nơm nớp ngó thẳng mặt ông. Khoảnh khắc ấy, có tia sáng lạc lên gương mặt người cha dài nắng chan mưa, tựa như đèn tuồng vừa phục sáng, vẽ lên tán đời bản cùng, xơ xác của kiếp gặt thuê cấy mướn. Ông nheo mắt chói nắng, day nhìn bầu Tám, giọng buồn buồn:

- Chú nói có lý, nghiệp dĩ có vay có trả. Để tui hỏi lại ý bà rồi cho chú hay sau. Chừng nào chú nhỏ rạp?

Bầu Tám mừng khắp khởi:

- Tới mùa gặt thì dọn gánh, áng chừng hơn tháng nữa.

- Còn lâu mà. Rảnh, chú cứ ghé chơi. Vợ chồng tui nghèo của nhưng giàu hơn nghĩa, chú chớ ngại!

Rồi hai người xoay qua bàn chuyện thế sự. Nghe đồn đám người ám sát Đức thầy đang làm hoành làm tướng ở miệt Trà vinh, Châu đốc. Họ cũng là Việt minh, cũng chống Pháp nhưng theo lời Đức thầy giảng dạy lúc còn tại thế, họ khác chí hướng. Dân cư những miệt hẻo lánh khiếp sợ tới đổi cất dẹp bàn thờ, chôn giấu nữ trang chạm khắc tượng Phật; chùa chiền thưa người lai vãng. Biết vậy, nhưng mấy ai rành rẽ đầu đuôi. Chuyện trước tiên là tìm cách tháo ách thực dân đô hộ, sau là thoát căn tá điền, bôi sạch tầng lớp địa chủ là thứ tay sai ngoại bang, bóc lột giai cấp bản cùng.

Chợt, nắng tắt ngúm, một vạt tối úp xuống. Hai người đàn ông hoang mang rảo mắt ngó mông. Từ hướng trời nặng trĩch mây xám, một đám bụi đen thốc lên. Thoạt đầu nhỏ như bàn tay xoè, thoạt cái loang rộng, lấp kín vòm trời đỏ ối ráng chiều, kèm theo thứ tiếng động dị thường, nghe như hàng triệu hàm răng nghiền nhau tru tréo. Không ai bảo ai, mọi người trong nhà túa ra sân, ngừng đầu theo dõi hiện tượng lạ. Đám bụi xoạc ngang, từng vệt chằng chịt như tên bắn, cửa bầy da trời. Tiếng cửa loen loét như kim chích vô thính giác. Dơi. Không phải một bầy mà hàng hà sa số, xoạc cánh ngập kín không trung. Phút chốc, mặt đất tối bưng như cảnh nhật thực. Cỏ cây cùng sinh vật đồng loạt bất động như bị thôi miên, sững mắt nghiêm lại từng chi tiết từ góc sâu quá khứ. Lịch sử man rợ thời Nam tiến. Lưỡi dao vĩ đại bén ngót của tham vọng quét ngang đất, huỷ diệt cả một chủng tộc. Riêng giống dơi kịp thời lánh ra biển, ẩn náu trong hang động một hoang đảo ngoài khơi xa, để lại dấu tích nơi này cái tên Đầm dơi.

Hôm nay, chúng đột ngột kéo về. Những hồn ma diệt chủng kiếp nào loi ngoi theo dẫy, réo tiếng nguyên rủa, đòi lại những thứ đã bị cưỡng đoạt.

Hiện tượng kỳ quặc kéo dài chừng vài phút, rồi không gian trở lại như cũ. Vài giọt sáng gắng sức hà nhịp thở cấp bách vào lòng trời đỏ chạch như thổ huyết. Cây lá, cỏ đất bê bết phân dơi.

Bầu Tám cắt nghĩa như sau:

- Chử nho gọi dơi là phước, đồng âm với phước lợi, ắt hẳn điềm lành, bà con đừng lo!

Khuya đó, vô giường, cha thằng Phước rử rĩ thuật lại đề nghị của bầu Tám cho vợ nghe. Thoạt đầu bà quyết liệt không chịu, sau nghe lời giải thích của chồng, bà bảo để nghĩ lại.

Thằng Phước bưng mặt khóc khi nghe má hỏi nó có ửng bụng đi theo bầu Tám học nghề hát. Chỉ khóc chớ không trả lời, rồi chạy một mạch ra chòi lá, chỗ nó thường đụt mưa. Nó vật người xuống ổ rơm, tỉ tê thêm một lát rồi trở lưng nằm ngửa, mặt ngược lên mái lá chằm quần queo, khô khốc. Tiếng tắc kè tróc lười chằm chắp rồi ngưng bật. Thằng Phước tưởng ra đó là tiếng báo hiệu tuồng hát sắp mở màn. Trống tiểu gõ tung tung, liên hườn với chập choã và song lan lóc tróc dồn dập. Sân khấu đèn thấp sáng trưng. Phong cảnh sơn thủy chập chờn. Đào kép trang phục rạng rỡ, diêm đúa. Bộ tịch ăn khớp nhịp nhàng theo bài bản ngũ cung. Tiếng đàn kìm ẻo lả kéo ngang dọc điệu Nam, điệu Huế ai oán. Cõi lòng thằng Phước như vừa lấn sang cõi giới khác. Nó bỗng thấy ra trước mặt cái lối đi như được vạch sẵn.

Người mẹ tỏ vẻ ngạc nhiên khi nghe đứa con trai thuận lòng đi theo gánh hát. Thằng Phước nói như người lớn:

- Cái số con là như vậy, sắm tuồng cho thiên hạ mua vui.

Người mẹ quệt nước mắt, gượng cười:

- Ờ, con nhập ban chú Tám một mùa coi sao. Ửng bụng thì theo luôn, còn như không khứng thì đi đây làm ruộng. Gì thì chớ, nhớ cho ba má biết tắm hơi, đừng ngậm tinh làm má trông, nghe con!

Tối trước ngày xa nhà, thằng Phước xin dì Năm Xuân cho nó vô mừng năm chung. Nhà dì Năm mới cất ở cuối vườn, cạnh mương nước giáp ruộng lúa mênh mông. Bên trong, dì Năm tóm vén gọn gàng, sạch sẽ. Một vách lá chia gian. Thằng Phước ưa tới đây. Lần nào cũng vậy, nó đều chạy vô gian trong, thót lên giường tre lót chiếu nằm dang tay, miệng ton hót đủ chuyện. Chỗ nằm của dì Năm có hơi hướm lạ mũi, ngọt đậm hương trái chín, the the mùi dầu khuynh diệp. Và dịu dịu hơi người, thứ hợp hương của mồ hôi đàn bà và chất sữa mà thằng Phước bú mớm thuở sơ sanh.

Dì Năm múc cho thằng Phước chén chè thượng, miệng cười mím chi, hỏi:

- Cháu đi theo đám hát, nhớ cái gì nhứt?

Thằng Phước ngồi ở mép giường, nhai xệu xạo, thấy vị chè lạt lẽo, không như mọi ngày. Nó buông muống, chùi mép, cố giữ chặt dạ:

- Nhớ đủ thứ hết, nhứt là.. là... nhớ dì Năm.

Dì Năm tới ngồi cạnh, giơ tay vuốt tóc thằng Phước. Đứa con trai lặ cặp đặt chén chè xuống đất, ngoặt đầu dựa vai người đàn bà. Hương da thịt thân quen xông lên. Rồi không cưỡng được cơn sóng lòng, nó dụi mặt vô ngực mềm mại, mát rượi của người đàn bà, ngấn vai rúng động từng chập. Người đàn bà úp má xuống đầu tóc lười xười khét nắng, chắt lười vỗ về:

- Có gì đâu mà khóc. Đi rồi đi, chớ bộ đi luôn!

Đoạn người đàn bà lằm nhằm cất giọng bi, điệu Mẫu tầm tử, ngả lưng xuống chiếu. Chụp đèn trướng vệt móc đầu sào tre căng mừng rầy ánh sáng yếu, vàng lờm lên khoảng ngực hở khuy, nhấp nhô theo làn hơi ngũ cung. Ngón tay thằng con trai dò dẫm theo bấm tánh sơ khai, làn



tháo những khuy nút còn lại, lướt môi tìm. Núm ngực căng theo tiếng nức ứ đọng cổ họng. Ngọn đèn chòng chành cảm xúc ly tán.

Lúc dì Năm Xuân ngưng giọng, ngoài đêm trở mình xào xạc gió xô lá. Muối vo ve quanh quất. Thằng Phước vui mặt ngủ quên trên phiến ngực trần. Dì Năm nhẹ nâng đầu nó, đặt xuống gối. Mép môi đưa con trai còn hoen giọt sữa thanh tân.

- Ông còn giữ tấm hình nào của dì Năm?

Nghệ sĩ Đắc Phước xoay tay chặn lên trang ảnh ó màu, thờ ra tiếng, mắt nhìn ra vuông cửa mở. Năng xuyên lá, trở bóng lập loè. Những chiếc bóng, những ma ảnh quen mắt thân hơi chợn vợn. Ông lắc đầu:

- Không. Tối đó là lần cuối cùng. Hôm sau bầu Tám tới dắt tui đi. Không phải một mà mút mùa. Thời gian đầu, khuya nào tui cũng khóc vì nhớ nhà, hễ chớp mắt là thấy dơi từng đàn kéo về đặc kín. Nghe tui ngủ mới la lối, ní non suốt đêm, mấy cô chú đào kép không biết làm sao, rớt cuộc thay phiên nhau cho tui nằm chung. Mộng dữ lần hồi tan đi. Tui quen dần với kiếp cầm ca rày đây mai đó. Năm thì mười họa tui mới nhận được tin nhà. Mỗi bận nhận thơ, tui lẫn lẫn bỏ ăn bỏ ngủ mấy hôm liền. Bao nhiêu lá thơ, tui giữ đủ bấy nhiêu, dấu những biến động quốc sự. Hết Tây ruồng tới Thổ dậy, rồi đất nước phân hai, đám tập kết đám ở lại. Tối thời chống đế quốc Mỹ, họ vượt tuyến trở vô... Đắc Phước vừa lê la giọng kể vừa xô ghế đứng lên, tới mở học tử, lấy ra xấp thơ ràng dây chữ thập. Giọng ông lúc gần lúc xa, khi to khi nhỏ, trầm bổng như đóng tuồng. Ký giả Văn Trọng gạt đầu không ngớt theo bản năng nghề nghiệp, tay lia bút bi lên tập giấy kê đùi. Đắc Phước ngưng tiếng, cúi mặt cặm cụi tháo gút. Bàn tay xương, lóng dài, hai ngón út móng khoằm bầu lên phong thơ giấy xấu, xám ngắt, dòng mực lợt lạt tuồng chữ của kẻ tập tành. Ông lật qua lật lại từng phong bì, miệng nhẩm đọc tên người gởi, rồi rút ra một lá, nét mặt sa sầm:

- Nội dung bức thơ này tui thuộc nằm lòng. Thơ của má tui đọc cho sắp nhỏ viết ngày mùng chín tháng hai năm 1932, báo tin nạn dơi hành. Tui đọc đoạn này cho ông ký giả nghe chơi:

" Chắc con còn nhớ hồi năm, lần chú Tám Ngà ghé thăm nhà mình, chặp tối chợt có bày dơi xẹt ngang, phóng uế đầy mặt đất? Tưởng yên, ai dè nửa năm sau chúng kéo vô bận nữa. Lần này lúc nửa đêm. Quỷ thần ơi, nằm trong nhà nghe tiếng chúng liệng cánh vun vút, gọi bày then thét, điếc con ráy. Không biết có gì mà chúng ủa vô đây, sa xàn xạt xuống mái nhà, bám chanh chách vô mái lá, nghe thắt cả ruột. Nghe đồn đây là giống dơi hút máu, răng nhọn lều lều như kim khâu, chích không đau, nước miếng chúng có chất làm tê da cứng thit.

Sáng ra, chèn ơi, quang cảnh tiêu điều, xơ xác như có cơn trốt vừa kéo qua. Ruộng lúa vừa trở đòng đòng bị chúng cắn phá trụi lủi. Chuồng trâu của điền chủ Huỳnh cũng bị chúng tấn công, con nào con nấy lòng rờn máu đỏ. Gà vịt thì khỏi nói, chết như rạ. Thấy nổi gai ốc. Sau đó là cái sợ lớn: đói.

Điền chủ Huỳnh là người nhiễm Tây học, vậy mà bữa nọ ông mời thầy pháp tới lập đàn cúng tế. Đám tá điền tới dự, chen kín sân trước. Một con nghé đực bị đập đầu, tế thần, thọc huyết hứng đầy thau lớn. Thầy pháp nhúng máu vẽ bùa lên giấy kim bồi, đốt lấy tro, chia cho mỗi người một nhúm đem về rắc trước cửa nhà phòng đại họa. Rồi ông điền chủ hứa sẽ phát lúa ứng trước cho mọi gia đình, chờ tới mùa gặt kể. Chắc con biết, ông có nhà máy xay lúa ngoài chợ, nhưng con không thể tưởng tượng nổi ông giàu tới mức nào. Ghe bầu chở lúa khảm lườn, nối đuôi cắm sào ngoài sông, dài mút mắt. Ai cũng độn ơn ông điền chủ. Khởi đói, nhưng mắc nợ trần thân, không phải đời mình mà cho tới đời con, đời cháu."

Đọc xong, Đắc Phước run tay gấp tờ thơ cũ, tháo gọng kiếng lão đặt lên bàn, khép mắt. Văn Trọng ngừng tay chép. Cụ già đưa hai ngón cái nhíp chặt đôi khoé mắt, ngăn lệ chảy. Tâm tư ông thoảng chốc cuộn cuộn thác đổ.

Chập sau Văn Trọng cất tiếng:

- Xin lỗi cụ, tôi có nghe thiên hạ kháo sự đôi điều về đời tư cụ...

Đôi mắt cụ già nhú lại, chơn mày trái giật nảy vài cái. Một sợi lông bạc dài trội, cong chạm gò má. Văn Trọng thấy ngộ nghĩnh. Nó bắt anh nghĩ tới những tiểu tiết những nhằng bên lề cuộc sống, tuy vật vãnh và thường khi vô can, nhưng có khả năng làm câu chuyện linh động thập phần.

Văn Trọng ngó bằm bằm vô tròng mắt tua gân máu đỏ lừ của cụ già, hồi hộp chờ một phản ứng. Mép môi nghệ sĩ Đắc Phước nhếch như điểm cười, hỏi:

- Ông ký giả nghe họ nói gì?

Văn Trọng lúng búng:

- Dạ, tôi nghe... cụ thứ lỗi cho... Có người bảo rằng đời sống tình cảm của cụ hơi khác thường.

- Nghệ sĩ nào mà không vậy?

Văn Trọng lúng túng thật sự:

- Nhưng trường hợp cụ... họ nói... dạ, không biết phải diễn tả sao cho phải.

Đắc Phước xua tay, cười hất:

- Rồi, để tui tóm lược cho ông nghe chơi, sau đó muốn phê phán sao cũng được.

Chỉ sau mấy tháng tháp tùng gánh Chuông Vàng, thằng Phước ca thạo gần hết bài bản. Thầy dạy là bầu Tám, còn mảnh lối hát xướng nó học từ đám đào kép. Bầu Tám coi vậy mà khe khắt, lúc dạy tay thủ lăm lăm thanh tre chề đôi, vừa dùng đánh nhịp vừa dùng đập vai thằng Phước mỗi khi nó hát trật. Lúc bực mình, ông "mày, tao" với nó:

- Nè, Bình bán vẫn là điệu hứng khởi, mày không được ngân mà ngắt, bẻ. Ngắt như lật rau vậy, dứt khoát, không tiếc rẻ. Có lúc còn phải bẻ giọng như trường hợp Lương Sơn Bá áng chừng Chúc Anh Đài là gái cải nam trang, hát mà giọng như liếng khí, ngoặt cành cây cong oằn, nhưng không được ngắt gãy. Hiểu không?

Hay:

- Điệu này là Tứ đại oán, trữ tình thâm thiết, hát nguyên bài buồn ngủ lấm, thành thử chỉ rút ra vài đoạn. Y hệt mấy điệu sầu bi khác như Vọng cổ, Trường tương tư hay Văn thiên tương, bắt buộc mày phải ngân nga, rảy hột. Có như vậy mới mùi mẫn, não nuột. Nghe chưa?

Không bao giờ ông khen thằng Phước một tiếng. Đào kép nói với nó, tách ổng vậy đó, hà tiện lời khen, nhưng em để ý lúc ổng nghe em hát mà hai mắt ổng lim dim như mắt thằn lằn ngấm

thuốc phiện là ông ưng bụng lắm đa.

Thời gian trôi mau. Qua rồi cái thuở thằng Phước bị bắt làm những chuyện lật vật như kéo màn, phứt đèn màu, bưng nước, dựng mào cho đào kép, đã tới lúc nó được nhập tuồng thủ vai nhí. Nó nhớ như in cái đêm đầu tiên đóng vai tiểu đồng hầu Kim Trọng trong tuồng " Kim Vân Kiều" , hồi nhứt " Tuý Kiều du Thanh minh ngộ Kim Trọng" , nó chỉ nói vài câu hoạt náo thôi mà lép đáp muốn không ra lời. Thét rồi quen, nó được sắm vai quan trọng hơn, được hát chêm vài câu. Và nó lớn dần theo thời thế.

Xứ Nam kỳ lúc đó là đất bảo hộ trào Tây. Pháp cho phép dân lập gánh hát là để góp tiền mua quốc trái, giúp họ chống giặc Đức ở Âu châu. Bâu gánh là kẻ cổ đeo hai tròng. Ngoài mặt hát giúp thực dân Tây, trong ngấm ủng hộ các đảng phái ái quốc kháng Pháp. Đó là chưa kể nội loạn Thổ phủ thừa lúc nhiễu nhưong, nổi dậy cướp phá mấy vùng giáp ranh Cao miên, giành lại đất. Gánh Chuông Vàng nhỏ giàn lánh nạn liên miên. Có năm, hát đâu được mấy tháng, thất thu, đào kép bỏ gánh về quê làm ruộng kiếm ăn qua ngày. Cũng là thời thằng Phước tới tuổi trở mã, mép nhú lờ mờ lông tơ. Giọng hát nó trưởng thành theo tuổi, ngắt bẻ điệu vui rành rọt, ngân rảy khúc bi ai như chuốc rượu sầu. Bâu Tám còn dạy nó mấy điệu tân thời như Phong nguyệt, Hoài tình, Lục xuân hoa, ... Bài nào bài nấy thằng Phước đều học ron rọt làm ông hài hòng hết sức. Ông khởi tâm lo lắng từ cái đêm tấp ghe nghỉ tạm trong lán tản cư lánh Thổ dậy miệt Châu đốc. Ông không chớp mắt gần như thâu canh, lo lắng, không biết ngày mai ra sao. Cạnh ông, thằng Phước ngủ mê mệt. Chợt, nó chép miệng ú ớ, xoay người quàng tay ôm ông cứng ngắt, phà hơi thở ấm gáy. Ông để yên, không muốn phá giấc thằng nhỏ. Đáy lưng, chỗ chụm thằng Phước gác lên đùi ông, cộm nhẹ. Rồi không biết nó mộng寐 thấy gì mà hây nhip vài cái. Bâu Tám thờ dài. Thì ra thằng Phước đang độ đương thì, sẽ tới lúc bẻ tiếng. Con ngựa nòi mà ông bỏ công tập dượt lâu nay, giờ đang tới mùa rượn tình, không biết xổng cương lúc nào. Ông suy tính ngược xuôi rồi quyết định thuyết phục thằng Phước bằng một đề nghị táo bạo.

Bám trụ gánh Chuông Vàng chạy loạn ngược xuôi, rớt cuộc còn lại năm người thuộc nhiều thế hệ. Đào Sáu Phụng là phụ nữ duy nhứt lo chuyện cơm nước. Cô đã ngoài ba mươi, ca diễn trung bình, mặt rỗ huê mỏng, khoé cười và chuôi mắt đa tình, thường được sắm vai đào lẳng. Nhiều người xâm xỉ, cô ưa kép Bảy Sáng, kiểu tình ái một chiều, vì ai cũng biết Bảy Sáng đã xấp xỉ bốn mươi, vợ lớn vợ bé và con cái đùm đống. Từ khi kép chánh là Tư Trọng đột ngột bỏ gánh, nghe đồn theo Việt minh kháng Pháp, Bảy Sáng nhảy vô thay. Tài riêng của anh so với Tư Trọng thua mấy bực, có điều Bảy Sáng chịu khó nghe lời truyền giáo của bâu Tám, thêm diện mạo ăn đèn, nên chỉ sau một thời gian ngắn, anh thủ vai chánh rành rọt, ngon ơ. Ngặt nỗi, Bảy Sáng ghiền thuốc phiện. Trước khi ra sân khấu, anh phải kéo vài hơi, thần khí mới nhập vai phóng dặc. Chính anh là người an ủi và chỉ vẽ cho thằng Phước những lúc nó bại hoại tinh thần. Người cuối là hề Râu. Trước khi theo gánh hát, anh làm nghề thiến heo. Anh có hai bàn tay ngón dài thon thả thiệt đẹp, thêm nghề vật thủ công thiệt khéo. Anh xếp giấy, vắn lá, chuốc bông vải vô cùng tinh xảo. Phong và cánh gà do một tay anh hoàn tất. Trên sân khấu, anh hoá trang làm hề nên ít ai thấy mặt thật anh ngoài đời. Anh có hai luồng thị lực dị thường. Không phải kiểu nhìn soi xói khiếm nhã mà như có sức thôi miên người đối diện. Nghe đâu thuở trước hề Râu không chỉ hành nghề thiến heo mà còn lén lút đi nạo thai non cho tiểu thơ con nhà địa chủ lỡ tăng tị với tá điền. Anh có ngón phẫu thuật không cần thuốc mê. Có người kể, trước tiên anh phóng nhãn bắt đương sự hôn phiêu phách tán, rồi dùng kim bạc châm vô huyết yên chi, ngăn cảm giác lên não bộ. Về sau, có lẽ ý thức ác nghiệp, anh bỏ nghề theo gánh hát. Có điều trái ngược, lúc đóng tuồng hề Râu lí lắc, hoạt náo bao nhiêu thì ngoài đời anh trầm tư, dè dặt bấy nhiêu. Vì vậy ít khi thằng Phước luẩn quẩn bên anh.

Gánh Chuông Vàng tất tả khắp sông rạch chằng chịt lục tỉnh Nam kỳ tới cận tết thì giạt hướng

xuôi về cực nam. Chồn này hoang sơ, rừng trầm thủy bùng bít. Ghe bầu neo sào nghỉ chân trong một đầm nước ngọt, sen dại chen kín mặt. Loạn lạc dường như chưa lan tới đây. Thủy thổ và thời khí còn man dã, khắc nghiệt. Điều may, vùng này sát biển nên muối mòng ít đi.

Thằng Phước được bầu Tám cho tháp tùng Bầy Sáng ngày ngày vô rừng lượm trứng, bẫy chim. Chưa bao giờ thằng Phước thấy chồn nào nhiều chim như chồn này. Lớn có cò, diệc, bồ nông, quạ, ó... Chiều xuống, không hiểu từ đâu, cò bay về đông nghẹt. Đủ loại, từ cò bông, cò ma, cò xám, cho tới cò hương, cò quắm. Chim nhỏ thì khỏi kể, trừ một vài loại thằng Phước quen mắt như nhạn, yến, cú, chào mào, cúm nùm, còn mấy loại khác nó mới thấy lần đầu. Bầy Sáng nói, chúng thuộc giống " hải diều" , sanh sống ở miệt biển, biết " bắt" cá. Mắt chúng tinh như gương chiếu thủy, lượn trên không, thấy được cá lội dưới mặt nước. Con nào ló ngó trờ lên là nó xệp cánh đâm xuống, quắp lấy, mười lần trúng sáu, bảy.

Bầy Sáng chu miệng, cung tay vẽ vờn đường phóng của chim. Thằng Phước reo lên:

- Làm chim coi vậy mà sượng.

Bầy Sáng trợn mắt:

- Sượng quá chừng chớ " coi vậy" cái gì nữa. Có thứ suốt đời chỉ biết ăn cá, thứ chỉ ăn hột ăn trái, còn giống người ăn đủ thứ hằm bà lằng, đâm cực. Nội cái chuyện lo cho đầy cái bao tử đã muốn học máu rồi.

Thằng Phước gật đầu, ngâm nga:

- Cá dưới biển hoá long... ờ... Con cá lòng tong ăn bóng ăn rong. Anh đi ơ... lục tỉnh giáp vòng. Tới đây trời khiến... ờ... đem lòng thương em.... Mà chú Bầy nè, sao mấy câu hò câu hát ư có câu mào đầu không ăn nhậu vô đâu vậy chú? Con cá lòng tong nó ăn giống gì kệ nó, mắc mớ gì tới cái chuyện " anh đem lòng thương em" ?

Bầy Sáng nhíp mắt cười khì:

- Ờ, hông biết tại sao nữa. Giơ tay ơ... anh rút cọng ngò. Thương em đứt ruột, anh giả đờ ờ... ngó lơ. Mày còn nhỏ, đời còn dài, chưa biết thương ai. Còn tao thương nhiều rồi, đủ hạng người, giờ nghe tới là phát ớn.

Thằng Phước dừng bước dưới tàn cây rải bóng lổm đổm, than mỗi chực. Bầy Sáng rút con dao phay giắt hông, phát quang ào rào quanh gốc cây làm chỗ ngồi. Tiếng chim ré lên thon thót, một con cúm nùm le te lúi vô bụi. Cả hai ngồi dựa lưng vô gốc cây. Bầy Sáng cời túi vải, trong đựng một con gà bông mắc bẫy bị bẻ cổ, đặt xuống đất, xắn áo ngang ngực, tay quạt phanh phạch. Da bụng Bầy Sáng trắng xanh như bụng thần lằn, khắc màu với da mặt da tay sạm đen. Thằng Phước đưa cho Bầy Sáng bầu nước ngọt. Gã đàn ông ngửa cổ ực ngậm nhỏ, líu quíu đậy nắp, chọt bung tay vật người ra đất. Thằng Phước chỉ kịp đỡ lấy bầu nước, kêu hoảng " chú Bầy, chú Bầy" , chồm tới quạp lấy Bầy Sáng, tay miết từng chập lên ngực người đàn ông, dần cơn hành. Trời đứng bóng. Gió lùa xao xác trên rặng trầm minh mông. Trong tiếng thú ngơ ngác từng cơn, dường như có cả tiếng sóng biển ầm ì vọng lại.

Ngày nào cũng vậy, giắc này, Bầy Sáng bị cơn nghiện vật.

Bầy Sáng dặn trước, thấy tao lên cơn lăn cù ra đất, xuất hạn dầm dề, mắt trợn trắng, miệng sùi bọt mép, kệ tao nghe không! Nó hành một chập rồi hết. Tao chịu trận như vậy ba tháng, sẽ dứt

cơ ghiền. Nhưng thằng Phước không nỡ đứng nhìn Bảy Sáng gập lưng chống chọi vật vã cơ đòi thuốc của thể xác. Lần nào cũng vậy, nó đều xông tới ôm chặt người đàn ông, xoa nắn vô ý thức lên thân thể thơm nớp mồ hôi, lên những só thịt săn cứng như ứ hơi, chực ộc ra thứ rác rưởi tanh tưởi của thèm muốn. Mười lăm phút sau, Bảy Sáng trở lại bình thường, duỗi lưng thờ dốc. Thằng Phước quýnh quáng xức dầu nóng hai bên thái dương người đàn ông, quệt thêm vài cái lên nhân trung. Hai tròng mắt Bảy Sáng đục ngầu, đầm đìa nước mắt sống. Lâu sau anh mới thốt nên lời:

- Lần này là.. là lần thứ mấy?

Thằng Phước nhắm tính rồi đáp:

- Thứ sáu mươi mốt, chú Bảy à!

Suốt chặng đường chạy loạn, thằng Phước và Bảy Sáng nẩy ra sáng kiến làm dấu mỗi cơ nghiện vật bằng cách thắt gút sợi dây lát. Ba tháng, vị chỉ chín mươi lần. Trên ghe đã sẵn sáu sọt lát, mỗi sọt mười gút.

-Nét mặt Bảy Sáng rục lên, nhếch mép cười:

- Lẹ dữ a!

Day sang, thấy thằng Phước ngồi bó gối chèo queo, mặt chằm dằm, Bảy Sáng bật dậy, ngạc nhiên:

- Ủa, chuyện gì vậy, mậy?

Thằng Phước thở ra cái khi:

- Tui cũng không biết tính sao.

Rồi nó thuật cho Bảy Sáng nghe lời đề nghị của bầu Tám. Bảy Sáng chép miệng:

- Mày trả lời ổng chưa?

Thằng Phước quơ tay bứt mấy cọng cỏ úa, thả vu vơ lên đất, lắc đầu:

- Tui thấy khó lòng quá...

Đột nhiên nó khóc nức lên:

- Chú nghĩ coi, nếu.. nếu... tui không chịu, thì cái nghiệp cầm ca của tui không... không... biết đứt đoạn lúc nào.

Bảy Sáng nâng gương mặt điển trai của thằng Phước lên, soi thẳng vô mắt nó, hỏi:

- Mày bao nhiêu tuổi rồi?

- Tết này là mười hai.

- Vậy sao? Hỏi đó tao bẻ tiếng đâu chừng mười ba, mười bốn tuổi. Mà tao đâu có cái giọng trời

ban độc nhứt vô nhị như mây. Khó tính thiệt đó.

Thằng Phước giơ tay chùi nước mắt, thút thít:

- Chờ hết chạy giặc, chắc tui đià quê làm ruộng, chú Bảy à!

- Uổng mậy, suy nghĩ lại đi! Mây vừa tốt mã tốt giọng, sau này lên Sài gòn thủ kếp chánh, hốt bạc đũa!

- Chú cũng là kếp chánh.

- Tao thuộc loại tép riu, kếp chánh cho gánh bồ tèo, tài cán đủ đong gạo sống qua ngày. Còn mậy, cả một tương lai xán lạn, hực hỡ...

Thằng Phước bộp chộp ngắt lời:

- Chú Bảy thấy hề Râu có mát tay, đáng cho tui...

Bảy Sáng cười ra tiếng:

- A, cái thằng thiên heo đó hả? Tao biết nó lúc nó đã bỏ nghề rồi, nên không dám có ý kiến. Kể nghe chơi, thiên hạ đồn lúc trước nó còn đi nạo thai kiếm tiền nữa nghe mậy, nghe phát ón lạnh. Muốn biết rõ, mậy thử la cà làm quen với nó coi sao. Mặt mậy nó bặm trợn vậy chớ hiền khô hà!

Thực vậy, hề Râu có hai luồng thị lực khác thường, ẩn trong lõm mắt sâu, dưới cặp chơn mậy rậm cong như mái che. Lúc thằng Phước mon men tới cạnh, hề Râu đương ngồi vá vuông lưới rách. Không ai nói gì. Ngón tay hề Râu, móng cắt khéo, múp thon như ngòi viết lá tre, chờn vờn như múa trên máng lưới căng giữa hai ngón cái quắp. Cái gì ở hề Râu cũng lạ. Tựa như mọi thứ nằm bừa bộn đây đó, bà mụ vui tay, quơ quào ráp đạ. Đôi mắt của phù thủy, bàn tay của thợ vẽ, ngón chơn của dã nhơn, linh hồn của kẻ gieo rắc tiếng cười.

Chợt hề Râu cất tiếng:

- Mậy suy nghĩ kỹ chưa?

Thằng Phước giựt thót, líu lưỡi:

- Tui ở... tui cũng... chưa rõ nữa, chú à!

- Vậy tới đây làm gì?

Thằng Phước ngọng nghịu:

- Quờ... tui tới ở... hỏi chú...

- Bàu Tám cho tao biết hết rồi. Chịu hay không tùy mậy. Ưng thì tao động thủ.

Thằng Phước nói mau như sợ quên:

- Còn chú nghĩ sao?

- Trăng sao gì ở đây? Chuyện của mày, đâu phải của tao.

- Tỷ như tui chịu thì... thì... sau này tui lấy vợ có con được hông?

Hề Râu ngưng tay, hai ngón chỏn giã ra, ngọ nguậy cho đỡ mỏi, day mặt ngó thẳng Phước, thấp giọng:

- Mày thử nghĩ, con heo người ta thiến nó với mục đích gì? Để lúc nó trở nòi, nó khỏi nứng tình, không tốn hao sức lực. ở đời, đâu có thứ gì "được" mà không "mất" . Mọi sự đều có cái giá của nó.

Toàn thân thằng Phước run rẩy:

- Tui s...ơ...ợ chú à.

Hề Râu lạnh lùng:

- Thì thôi, ai ép?

Vừa khi ấy, có cơn gió lướt qua cửa, cuốn vài tờ giấy mờ phong phanh trên bàn. Nghệ sĩ Đắc Phước quơ tay chặn lại. Không kịp. Một tờ lão đảo rơi xuống sàn gỗ. Chuyện kể đứt đoạn. Không biết từ bao giờ, bóng nhá nhem bữa đầy căn gác nhỏ. Tháng tám, chiều nào cũng mưa. Ngoài kia, mảnh trời xám bầm. Gió xô xao xác chòm mạn trắng. Tiếng động dưới lòng hẻm hối hả trước cơn mưa lớn.

Đắc Phước lượm lá thơ cũ, gấp tư, đứng lên đi bật công-tắc đèn. Tháng tám xã hội chủ nghĩa, điện cúp. Chỏn đèn cầy từ bệ thờ ông bà được đem xuống, vừa loé lên thì ánh chớp loàng ngoàng in lên vách, kéo theo tiếng sấm nứt trời. Dẫn tiến ngẩn ngủi mà không hiểu sao, ký giả Văn Trọng có cảm tưởng như vừa vén màn bước qua cảnh giới khác. Từ thực tại lùi lại. Từ ánh sáng tắt lụn bùng lên. Giờ, còn lại những đốm vỡ của thanh sắc kiêu hãnh, của đèn đuốc huyền thoại, của tuồng tích mất cảm giác. Và trận mưa nhiệt đới nặng trĩu. Gió như cầm phẫn, đập không thương tiếc lên mảnh đất ồm cong.

- Tui kể tới đâu rồi hé?

Văn Trọng hít hơi sâu, nhắc:

- Tới đoạn ông cà kê với hề Râu.

Nét mặt cụ già thoáng trầm ngâm, cổ họng khẽ phát tiếng " hừm" :

- Trời đổ mưa ngang xương làm mất hứng. Nói theo giọng tuồng, nước mưa dội sạch mọi rác rến quá khứ. Quên à, không đời nào. Nhưng phải công nhận, có sạch.

Văn Trọng nhíu mày không hiểu. Giọng cụ già đều đặn như biểu đồ nhịp đập của một đời sống mất thăng trầm:

- Tui còn nợ ông ký giả một câu trả lời. Số là như vậy... Chẳng có ai ép ưởng gì tui hết á, mà tự

tui định đoạt lấy số phận mình. Rồi, như ông ký giả biết đó, sự nghiệp tui lên như điều căng gió. Cái năm chia đôi lãnh thổ, có kẻ rủ rê tui tập kết ra ngoài. Tui kẹt lại vì phải về quê chịu tang cha. Sau đó tui lên Sài Gòn gầy dựng tiếng tăm. Đầu năm 1967, tui lưu diễn Ba-lê, móc nối lại với một vài đồng chí cũ, trở nên cán bộ nội thành từ đó. Thiệt tình, đời sống tui không bình thường như của mọi người. Tui đóng tuồng không phải mỗi đêm, mà quanh năm suốt tháng. Trước mặt tui lúc nào cũng có tấm gương tráng thủy, hiện ra diện mạo hoá trang vai này vai nọ, lẫn lộn. Tui không còn là tui khi nào, chẳng hay. Mất tiêu. Chỉ cảm thấy hứng tình với chính mình. Tui đóng chặt, khoá kín, tối tăm. Dịp tổng công kích Tết Mậu Thân không như ý, tui lánh mặt vô bụng, chỉ còn hát xướng động viên tinh thần lai rai. Bấy giờ tui sạch. Tất cả trở nên vô nghĩa trước cái chết rình rập. Người bạn đồng chí chia chung manh bố rách đêm Trường Sơn, cả những khoái lạc không tên gọi, một hôm trúng bom, xác nát bấy, còn lại bàn tay đeo nhẫn cưới. Chiếc nhẫn ấy, tui giữ tới bây giờ, là chứng tích đời đời ăn sâu lòng tui, gã thái giám ngu xuẩn của chủ nghĩa. Bao nhiêu danh vọng, tất cả biến động tang thương của đất nước là đây, nơi ngón tay này...

Nói tới đó, cụ già lun run giọng cao bàn tay. ánh kim loại loé lên, mỏng như làn chớp cơn mưa ngũ cung vài giọt đọng.

## Dị ứng với thời tiết

Tàn cuộc rượu, một người bạn ngỏ ý đưa Luận về, nhưng chàng bảo không cần. Đã khuya lắm. Đêm nay Luận uống nhiều hơn bình thường vì tái ngộ nhiều bạn cũ. Người bạn ra chiều lo lắng: "À» Ông về một mình được không hay gục giữa đường lúc nào không hay?" Luận quả quyết:

"Không sao đâu, tôi đi bộ một chút cho tỉnh táo."

Rồi hai người chào nhau. Tiếng máy nổ như bị lay thức giữa đêm, hậm hực lao theo vệt đèn loa loa mặt đường ẩm sương. Luận khum tay bật diêm, đốt điếu thuốc cuối cùng, vo bao giấy ném vào lùm cỏ ven đường. Ngõ tắt về nhà chàng băng ngang một nghĩa trang rộng. Đêm mất trăng, sương bủa lát dày mỏng không đều nhau. Thời tiết tháng mười hoang mang nổi ẩm lạnh bất phân. Luận kéo cao cổ áo khoác, ngăn chút gió chuyển mùa sầm sỡ vượt lên khoảng da trống. Chỉ nghe tiếng chân chàng phân vân trên lối hẹp, giữa những mộ bia cổ nhòai lên màn sương phủ đất, trông như những cọc gỗ của một nền nhà cất dở dang. Hơi thuốc lá ngầy ngật bốc đầy tâm trí Luận. Chàng hình dung lại những khuôn mặt trong bàn rượu. Cả thầy năm người, đều là bạn cũ. Nhưng lạ lùng thay, trí nhớ Luận không ghi nhận điều gì hay hình ảnh nào đậm nét. Tất cả nhòa nhạt, lẫn vào nhau như những nét cọ màu nước chấp chùng lên vải bố. Những mắt mũi miệng đắp vá đùm đụp, trông như bức tranh trừu tượng. Giọng nói, tiếng cười, cùng vô số tạp âm khuấy động cảm quan Luận, như thể chúng mọc ra những bàn tay ngón nhọn, sột soạt cào lên tâm thức chàng. Bước chân Luận chậm dần, rồi dừng lại giữa lối đi, mắt nhìn quanh quất. Chàng búng tàn thuốc vào lùm sương trước mặt, có cảm tưởng bắt được cả tiếng À»xèo tắt ngúm như chạm nước. Phải rồi, cái ao nước um tùm lau sậy của nghĩa trang. Luận phồng mũi, hít lấy như con thú đánh hơi định hướng. Tâm tưởng chàng mở ra toang hoác. Luồng nắng chói loà của thời nhiên thiếu miền quê nhà nhiệt đới hừng hực tràn vào. Toàn thân người đàn ông như chạm phải điện trường, nẩy lên, phát quang sáng rực. Luận quỳ chân, gập người như cái ghế xếp, ngã xuống lối đi giát sương. Chàng đón lấy cảm giác lửa ấm phùng phục trong da thịt, thấy ra những ngọn đèn gió canh mộ lập loè bay lượn như những đóm ma trôi. Chúng tụ quanh chỗ chàng gập lưng, chui lòn vào những khe trống trên thân chàng, hoà cùng máu rượu và những nghiệm trải quá khứ thành một nổi hiện thực kỳ quặc, lớn



như núi, rộng như biển, không cùng như vòm vũ trụ bao quanh. Luận không biết đó là nỗi gì, chỉ nhận rõ một điều, tâm thức chàng vừa đột nhiên biến đổi.

Luận lê chân về đến nhà, vừa lúc dạ dày quặn lên. Chàng chạy nhanh vào phòng vệ sinh, gục đầu xuống bệ sứ, nôn thốc tháo tới khi chỉ còn chất dãi nhớt tanh tưởi. Chàng giặt nước, mở vòi, uể oải rửa mặt, đánh răng. Soi gương, chàng thấy hai trộm mắt mệt lả vô cảm như màu trời những hôm bão rớt. Luận thay quần áo, vào giường nằm mê man không biết bao lâu, tỉnh giấc khi nghe tiếng động dọ dẫm trong căn phòng lò mờ bóng tối. Chỉ có thể là bà cụ chủ nhà trọ. Luận hé mắt theo dõi. Bà cụ rón rén đặt mớ quần áo lót vừa giặt lên mặt bàn, khựng người xem xét giấy lau gian phòng, rồi tới cạnh lò sưởi, cời tro, nhè nhẹ xúc đổ vào chậu sắt. Bà ngồi xoay lưng về chỗ Luận nằm. Chàng mở bung hai mắt, vạch bóng tối, ngấm cử động gượng gượng để khỏi gây tiếng động của bà cụ. Màu áo trắng rờn rợn trong căn phòng cách ly thời gian lẫn không gian. Đầu tóc vẫn loà xoà, bạc phơ. Tự dưng Luận rùng mình. Thời tiết mới chớm thu, đâu đã lạnh. Nhưng hành động cời tro dọn dẹp lò sưởi, chuẩn bị cho mùa đông tới, khiến chàng cảm thấy ren rét. Như thể Luận đọc được ngôn ngữ của bàn tay, lén bắt được tiếng chuyện trò của tro than năm trước. Mùa đông vừa qua không lạnh lắm, ít khi Luận nhen lửa lò sưởi. Mấy tháng dài củi than lạnh lẽo bên nhau, buồn bã như những phế vật vô dụng. Giờ đây, chúng reo lên khi chạm phải hơi ấm bàn tay bà cụ truyền qua mớ tro nhám tích tụ từ nhiều đông trước. Ký ức được khơi thức. Chúng chuyện trò giòn giã như bạn cũ tái ngộ. Bà cụ dường như cảm được điều đó, chậm chạp bới tro từ hốc sâu lò sưởi, gom lại thành đụn nhỏ, xúc đổ vào chậu. Chỉ ngần ấy động tác mà Luận thấy ra biết bao cảm tính gắn bó, những liên hệ chẳng chịt giữa động và tĩnh vật. Hay biết đâu chừng, không phải bà cụ nghĩ vậy, mà chỉ riêng Luận nhận thức được những suy tư dị thường ấy. Luận mở bừng nhãn quan tâm thức, rợn người đọc thấy những nghi vấn tròn trẻo trong trí bà cụ chủ nhà. Về lý do tại sao chàng ngủ dậy muộn, về những lần chàng vắng nhà, về nỗi cô đơn của chàng, về ô cửa sáng đèn những khuya như vòm mắt không bao giờ ngủ... Luận kinh hãi kêu thầm, trời ơi mình đọc được ý nghĩ của người khác.

Bấy giờ Luận mới cảm thấy lạnh. Hơi lạnh rụt rè, ngần ngại luồn vào chần, phà khắp thân thể chàng. Nhiều năm không thể đếm bằng đầu ngón tay đã trôi qua, vậy mà Luận vẫn không kết thân được với cái lạnh. Y học có chứng dị ứng với nắng ngày, với ánh trăng, lẽ nào chàng dị ứng với hơi lạnh? Không phải. Nhưng chắc chắn một điều, những hôm trời trở rét, Luận đâm lười lỉnh. Nhất là vào những cuối tuần. Chàng cứ ngồi lặng bên ô cửa trông ra mặt lộ. Tách trà nguội tanh. Gạt tàn thuốc lá đầy tro. Cây viết chần ngang trang giấy mở trước mặt, trắng toát. Đã lâu rồi, chàng không biên thư cho ai. Mọi sự dường như không cần thiết. Thế nhưng, tại sao chàng vẫn thích ngồi đây, nhìn ra như thế. Như ngóng đợi ai, điều gì, dù biết chắc rằng sẽ không ai tới, sẽ không chuyện gì xảy ra.

Luận đoán, có lẽ vì thông cảm với hoàn cảnh trợ trợ của chàng, nên bà cụ chủ nhà thường kín đáo chăm sóc chàng. Bà giặt giùm chàng quần áo lót. Bà tưới thay chàng mấy chậu cây trên bệ cửa. Bà nhóm lửa lò sưởi hộ chàng những hôm đầu đông khi không thấy ống khói nhà chàng nhả khói ấm.

Mỗi cuối tháng, Luận sang gõ cửa trao bà tiền trọ. Đây là vài dịp hiếm hoi, hai người trò chuyện cùng nhau. Bà cụ pha cà-phê, bày bánh ra đĩa mời Luận. Câu chuyện thường mở đầu bằng câu:

"À» Bà vẫn khoẻ?"

"Cám ơn anh, tôi khoẻ. Còn anh?"

"Tôi vẫn vậy, cảm ơn bà. Năm nay trời lạnh sớm."

Hay cũng có thể là "tháng mười mà tiết trời vẫn ấm", hoặc "Ấ»hè này hoa nhạt màu hơn năm trước "Ấ», có ý nói trời thưa nắng. Rồi sau đó, thế nào bà cụ cũng hỏi han:

"Anh vẫn liên lạc với thân nhân bên nhà?"

Chàng nói dối:

"Vẫn. Cha mẹ tôi vẫn khoẻ."

Như thể chàng muốn nói, ông bà vẫn trẻ trung linh hoạt như mới hôm nào đây, chàng còn ấu thơ, cùng cha mẹ đi xem hát đêm. Có vài rạp chiếu phim thường trực ở gần nhà. Vào rạp luôn luôn nhằm đoạn giữa, xem tới hết, chờ qua lúc nghỉ, xem tiếp phần đầu rồi lục tục kéo nhau ra về. Phố vắng. Có con chó ốm đứng ngơ ngác đầu ngơ. Ngang qua tiệm mì hoành thánh còn sáng đèn, cả nhà ghé vào. Hương vị tàn tạ của ngày sắp tắt, ôi đậm đà xiết bao. Chàng không thể định nghĩa được cảm xúc mình khi đó. Về sau tưởng lại, chàng lờ mờ nhận ra đó là cái gắng gượng sau cùng, trước khi tắt nghỉ. Bùng lên như chòm pháo bông ngày hội lớn. Rồi trả lại trời đêm vòm mênh mông trăng sao cùng chiều sâu vô tận đựng những hành tinh chưa ai đặt tên. Từ hôm được tin cha rồi mẹ xa đời, Luận bơ vơ như vệ tinh mất quỹ đạo, trôi tuột vào vũ trụ tối đen, sâu thẳm, đầy nghịt những tinh cầu cách nhau hàng trăm năm ánh sáng. Chúng xoay vòng, chớp tắt một mình như thế, tựa kẻ loạn tâm. Luận ngẩn ngơ trước đôi lẽ sống chết, thấy ra mọi điều thô sơ mà bí ẩn như đường bay của loài dơi đêm. Chàng tự hỏi, tại sao mình không hiểu được cách sinh hoạt vô ngôn của cỏ cây và ngôn ngữ của loài vật. Vậy mà giờ đây, đột nhiên đọc được tâm trạng của người đối diện, chàng đâm ra hoang mang.

Tâm trạng của bà cụ chủ nhà ngồi cời tro bên lò sưởi, vì thiếu ánh sáng nên Luận không thể đọc rõ. Chàng chỉ nhận ra thoang thoang chuỗi ý nghĩ dầm thắm rất mực, thứ tình người ám áp chao động uyển chuyển theo điệu múa của những ngón tay già nua, trên làn da lấm tấm hoa mồi. Luận chợt hiểu, chàng se lạnh không phải vì thời tiết đột ngột chuyển mùa, mà vì nhận ra cái tâm lành vô biên ẩn trong bà cụ không cùng chủng tộc.

Từ đó cho đến lúc bà cụ rời phòng, khép cửa lại, Luận nằm bất động như để sửa đổi lại cảm quan. Chàng ngờ vực tâm lý mình, thăm đoán có một con ốc nào đó lỏng lẻo trong thần kinh hệ. Luận ngồi dậy, xếp chăn gối gọn ghẽ, tréo chân tập thể dục trí tuệ bằng cách vặn đầu qua lại nhiều phía, cố gắng không nghĩ ngợi lan man. Vây mà những giấc mộng hoang đàng khuya qua vẫn hỗn hào trôi lên. Tuồng mộng không phân cảnh, với những nhân vật loè nhoè sắc diện, lấm lì và ôi kinh khủng, không phách tính. Những hình người thiếu bộ phận truyền giống cặp kè cùng chàng trên sàn gỗ hai chiều đơn sắc. Điều kỳ lạ nhất là họ chỉ muốn cưỡng đoạt. Luận tuân phục họ như một thứ nô lệ thời trung cổ, không những bằng thân xác mà cả bằng tinh thần. Chàng ngạp ngựa trong thứ nhục dục ảo tưởng, không còn phân định vai trò đã được giao phó. Ghê tởm nhất là đôi lúc chàng lại tìm thấy lạc thú, thứ lạc thú tầm thường và bình thường thuần xác thật, không tình cảm. Luận cực kỳ bối rối như kẻ phân vân đứng giữa ngã ba, không biết lối nào dẫn tới thiên đường, cảnh giới mà chàng tin rằng không hề có.

Luận đứng dậy, kéo màn, mở bung cửa kính cho ánh sáng và hương lành tràn vào. Ngoài trời, nắng rưng rậm lấm tấm qua vòm cây còn xanh lá. Chủ nhật êm ả như chăn nệm mới. Rặng thông sau mái nhà đối diện đâm ngọn vào lòng trời giăng mây mỏng. Trong lùm cây gần, có con sóc màu nâu đồng chuyển cảnh loạt soạt. Ngoài đường, tiếng động cơ thông thả lướt ngang, rồi tan biến vào không gian im vắng. Luận làm xong thủ tục vệ sinh, rồi vừa pha cà-phê vừa lẩm nhẩm trong đầu, tất cả chỉ là ngày hội hoá trang vĩ đại, mà chàng là người có khả năng lật mặt nạ.

Liệu chàng có đủ tự tin để làm điều đó?

Luận băn khoăn, không biết có nên tỏ bày cùng ai thứ giác năng kỳ quặc vừa hiện nầy. Những khuôn mặt thân cận lướt ngang trí chàng. Luận nghĩ ngay tới chị Khuê. Chị là bạn của anh chàng thuở còn bên nhà, vượt biên sang đây đã nhiều năm nay, lập gia đình rồi ly dị, hiện sống với đứa con gái sắp thành thiếu nữ. Chị Khuê gốc người Minh Hương, không đẹp, nhưng có duyên.

Luận ăn vội bữa đầu ngày, rồi gọi điện cho chị Khuê, báo tới chơi. Chị vội vã, ừ tới đây ăn cơm tối với mẹ con chị cho vui. Lái xe nửa đường, đột nhiên Luận không muốn tới nữa. Chàng linh cảm có điều gì không ổn trong lần gặp mặt này, hay trong quan hệ giữa chàng với chị Khuê nói chung. Luận chưa hề tỏ ý gì, nhưng dường như chị Khuê đã đôi lần nhắn gửi. Lúc là tám thiệp mừng sinh nhật vẽ một đoá hồng, khi là cái đĩa nhạc tình khúc tiền chiến. Vào những dịp giỗ quây, Tết tây hay Tết ta, chị đều mời Luận. Chị còn nhờ chàng chở đi chợ, hỏi ý chàng nên mua hoa gì về cắm cho hợp với màu khăn bàn. Chị Khuê làm bếp khéo, tinh tinh nhu mì nhủ mì như thể giữa chị và nhịp sống tây phương có một vách chắn sừng sững. Luận không đồng ý điếm đó, nhưng thấy không cần thiết để phê phán. Chị Khuê cứ chất vấn chàng, sao không tìm một người bạn đời, già rồi. Luận cười, chính vì "già rồi", nên không còn tha thiết chuyện vợ con.

Đó cũng là đề tài chị Khuê đề cập tới sau bữa cơm. Chị pha trà, múc chè đậu ván mời Luận. Cô con gái đã chào chàng, hôn mẹ rồi xin phép vào phòng riêng. Loay hoay chuyện vãn với chị trong phòng khách ẩm màu đèn vàng, tường treo tranh lụa hoa mẫu đơn và mộc lan, một lọ pha lê cắm huệ tím trên tủ thấp, Luận sực nhớ tới ý định thử nghiệm tâm lý mình. Chàng đặt ngược vấn đề:

"À»Còn chị, sao không tìm người nào đó hợp tính để tiến thêm bước nữa"

Chị Khuê cười ngơ ngẩn:

"À»Chị có tìm đó chứ, nhưng khó quá."À»

Luận bó mắt nhìn đăm đăm vào hai mắt chị Khuê. Chàng không cảm nhận, cũng không thể hình dung ra được tình ý nào trong tia mắt ấy. Xúc giác chàng không như xúc giác lúc chàng quan sát bà cụ chủ nhà khom lưng cời tro lò sưởi. Luận vừa an tâm vừa bức dọc với tâm trạng chấn động của kẻ đi dây nối hai vách đá, biết sắp sửa sang được bên kia mà chân cứ luống cuống, muốn sa xuống vực.

Luận hỏi thẳng:

"À»Tại sao khó?"

"À»Không thể giải thích được Luận à?"

Vừa đáp, chị Khuê vừa vỗ nhẹ lên lưng tay Luận. Trong khoảnh khắc va chạm, Luận cảm thấy rõ ràng ngôn ngữ ý nghĩ chị Khuê truyền thành dòng sang tâm thân chàng, trông như bầy vi khuẩn của một chứng bệnh hiểm nghèo. Chị Khuê muốn nói: "Người chị trót thương lại có vẻ dửng dưng, khiến chị ngại, không dám tỏ tình. Là Luận đó, biết không?"

Luận giật mình, rút tay về, tim đập mạnh, mồ hôi rỉ ướt trán. Không phải vì cảm xúc đùng đụt da thịt mà vì điều chàng ngờ vực vừa được chứng nghiệm. Toàn thân Luận nóng ran như

khuya qua trong nghĩa trang bị lửa hồi ức đốt cháy. Luận lấp bắp:

"À»Chị... chị đừng nghĩ vậy..."

Mắt người đàn bà quát lại:

"À»Luận, em sao vậy"

Luận nói không ra hơi:

"Không... không được đâu, em... nghèo."

Nói xong, chàng mới nhận ra điểm vô lý lớn, và khôi hài. Cái nghèo của Luận vừa thốt ra như một câu trả lời trật chĩa, chẳng dính líu gì tới mơ tâm tình thầm kín của chị Khuê. Mà có thật vậy chăng, hay tất cả chỉ do ảo tưởng chàng nguệch ngoạc ra. Cuộc sống vật chất vụng về của chàng đâu khác gì một bức tranh lỡ tay của gã họa sĩ kém tài.

Luận bưng đầu, nói như thở dài, trong khi nét mặt chị Khuê vẫn chưa thôi ngỡ ngàng:

"À»Em cảm thấy khó chịu trong người, em về."

Chị Khuê không níu kéo giữ lại như những lần trước. Chị đưa Luận ra cửa, giọng ân cần:

"Em nhớ giữ gìn sức khỏe, trông em làm sao ấy!"

Lời nói cùng ánh mắt tha thiết của người đàn bà bám riết Luận suốt đoạn đường về. Lại đêm. Nhà trọ Luận nằm trong lũng thấp, có đồi cây vây bọc. Đã quen với cảnh trí thiên nhiên, nên chàng không thấy đẹp mắt. Nhưng đêm nay trời trong, thời tiết chớm chớm lạnh, Luận dừng xe lại bãi trống, bước ra phóng mắt trông xuống. Chàng tưởng tượng mình vừa nhập vào một cảnh phim Hồ-ly-vọng. Mái trời đính hằng hà tinh tú. Tỉnh thoảng một vết sao băng quét ngang, khuất dấu tận chân trời. Luận thò tay vào túi áo khoác, tìm bao thuốc lá, rút ra một điếu, toan xòe lửa, nghĩ sao lại thôi. Chàng mân mê điếu thuốc trong tay. Đời sống chàng, cái gì cũng quá, cũng thậm. Hút thuốc nhiều quá. Uống rượu không lường. Thụ động như một con rối. Chàng nghĩ tới chân lý đời sống mà chị Khuê thường vẽ vờ: "Tuổi em, người khác đã có con vào đại học, có nhà riêng, có tiền rủng rỉnh để mua chứng khoán..." Luận khật khưỡng: "Chị ạ, thuyền lớn sóng lớn. Em yên phận với bấy nhiêu đó." Có thật vậy không? Chàng có thật sự yên phận với những thường ngày đơn giản và đơn điệu này Luận búng điếu thuốc chưa đốt xuống triền đất, vòm mắt nhón nhác thấy ra ống khói lò sưởi nhà chàng, bên dưới xa xa, ẻo lả thốc lên dải khói mỏng, cuống quít giây lát trong trời đất, rồi bị cái bao la hun hút nuốt trửng. Luận xúc động nhớ lại dáng lưng khom nhẩn nại của bà cụ chủ nhà. Mớ tóc bạc. Lưng tay da mồi. Giọng nói lun run như bị gió tạt. Chàng chợt thấy mình đã cư xử không trọn tình với bà. Không phải chàng vô tâm, mà chỉ vì chàng không thể sắp đặt ngăn nắp những kỷ vật tinh thần. Có những rác rưởi quá khứ cần vất đi, chàng cứ cất đó, lâu lâu lại lôi ra ngắm nhìn tấm tức. Luận ước ao, phải chi mình có được thủ thuật làm mất những gì không muốn nhớ. Chàng bỗng thốt người nhớ tới năng khiếu có được từ đêm qua. "À»Độc được ý nghĩ của người khác" là điều chàng mơ tưởng thời tấm bé. Thế giới suy tư của chàng đâu đã tường tận mọi ngõ ngách của địa cầu này, mà chật chội tù hãm như lòng hộp diêm. Như phần tâm linh của một con chuột nhũi loay hoay dưới mặt đất tối tăm. Vậy mà, khi chàng dợm thấy nghi vấn của bà cụ chủ nhà, rồi đọc một mạch tâm tư thầm kín của chị Khuê như đọc phần chuyển ngữ của một cuốn phim nước ngoài, chàng không khỏi hoảng hốt. Tại sao có sự khác lạ ấy Luận đâu cần chạm tay vào người bà cụ chủ nhà, mà vẫn đọc thấy ý nghĩ bà, rõ mồn một trong bóng tối.

Luận cài nút cổ áo, ngăn hơi lạnh thấm dần. Đôi khi, chỉ một cái chạm tay, đủ thành dấu tích theo nhau trọn đời.

Luận lau bầu, không thể hiểu nổi, nói ra chẳng ai tin. Sáng hôm sau, chàng gọi điện vào hãng, cáo bệnh nghỉ một ngày. Luận dò tìm địa chỉ một nhà phân tâm học. Câu đầu tiên chàng hỏi bà nhân viên phòng ghi danh là:

"Ã»Phòng chẩn bệnh của bác sĩ có nhận thẻ bảo hiểm sức khỏe của tôi không?"

Người đàn bà sửa lại gọng kính, xoe mắt nhìn:

"Ã»Theo nguyên tắc, không. Nhưng nếu ông có giấy giới thiệu của bác sĩ gia đình..."

"Ã»Sức khỏe tôi vẫn bình thường, có điều..."

Chàng không đủ ngữ vựng, đúng hơn, không thể giải thích trường hợp tâm lý đột biến này. Bà nhân viên chùng như quá quen với những thân chủ như Luận, nên dụi dụi hỏi xin chàng thẻ bảo hiểm, rồi mời chàng sang phòng đợi. Chỉ có một người đàn ông trung niên ngồi bên phía tường treo một tấm tranh của Egon Schiele. Kiến thức Luận về hội họa không rộng, chỉ biết sơ sài về ông họa sĩ này, vẽ nhiều tranh loã thể dị thường. Bức treo trên vách, ghi tựa "Những người bạn quanh bàn ăn", là một ngoại lệ.

Thấy Luận bả mắt ngắm tấm tranh, người đàn ông rụt rè cất tiếng:

"Của Egon Schiele."

Luận gật đầu:

"Tôi biết."

"Thấy không, có hai ghế trống."

Luận nhìn kỹ. Ừ, còn hai chỗ trống thật. Điều lạ, tựa tranh là "bàn ăn" mà không thấy đĩa chén gì ráo. Dường như đoán ra thắc mắc của Luận, gã đàn ông mỉm cười, lờ ra từng chữ như sợ chàng không hiểu:

"Ông họa sĩ vẽ cảnh bàn tiệc có ông và các đồng nghiệp cùng thời. Ông hoán đổi các đĩa ăn bằng những tập giấy vẽ. Ông ngồi ở cuối bàn, cúi cúi xuống trang giấy. Đối diện ông, quay lưng lại người xem tranh là chiếc ghế bỏ không và tập giấy mở. Giới bình tranh cho rằng, có lẽ đó là toạ vị của Gustav Klimt, nhà danh họa ảnh hưởng đậm nét phong cách Schiele. Klimt qua đời không lâu trước khi Schiele hoàn tất bức vẽ này, ấy nên chỗ ngồi được để trống. Ông xem, sắc tranh u ám, nền đen kịt, những dáng người không rõ mặt, áo nâu vàng đỏ trắng, bần thiêu, xin xin; ghế bàn xiêu vẹo, không theo chuẩn mực mỹ học nào hết. Ông đoán thử, Schiele muốn gửi gắm điều gì?"

Luận sửng mặt, trơ người, tâm trí lộn xộn, mắt dán vào tấm tranh trên tường, không thốt nên lời. Người đàn ông đứng lên, vừa cong tay trở vào từng tiểu tiết bức họa, vừa nhẩn nha lờ mờ ra kể môi:

"Ý tôi ấy à? Dám chừng Schiele ngắm ngẫm vẽ ra một cảnh đời, một xã hội thu hẹp với những

tương quan xộc xệch giữa bấy nhiêu tỷ nhân tố. Ông xem, những dáng ngồi kia, ngay lưng cứng đờ hay chui chúi thò ơ xuống trang giấy, như thể mang hội chứng lãnh đạm. Người còn sống có một chỗ ngồi, một tập giấy, đã đành, cả người chết cũng được hưởng phần tương tự. Mỗi người một chỗ, sát nhau mà như xa hàng tỷ năm ánh sáng, tưởng chật mà mệnh mông ngút ngàn, theo tỷ lệ xích một phần triệu triệu. Chính những trang giấy bày trước mặt mỗi người dựng cái vũ trụ vô biên ấy, chỉ những ai ngẫu nhiên hạnh ngộ với chân lý sáng tạo mới hiểu thấu. Thế nên ông đừng tin vào lời bình phẩm của những kẻ tự cho mình am tường hội họa, văn chương hay bất kỳ ngành mỹ thuật nào khác. Xảo ý đưa tới xảo ngữ. Trá hình, giả tạo hết thấy. Ngay cả mấy lời tôi vừa bộc bạch cũng là xảo thuật. Đừng tin ai, mà hãy tự soi vào tâm mình, trước tiên mình phải rung động cái đã."

Ngôn ngữ của gã đàn ông xô Luận vào mê trận. Gương mặt gã đỏ ửng, mép môi sùi bọt trắng. Luận trầm nghĩ, cực đoan quá, điên quá, không tốt. Thế nên chàng giật nẩy người khi nghe hỏi:

"Còn ông nghĩ sao?"

Luận bối rối, trượt chân vào trũng đen vây kín, quên tuốt chữ nghĩa, bắn loạn ý tứ. Gã đàn ông vắn vẹo:

"Tại sao ông tới đây Ông vướng phải hội chứng gì?"

Luận lúng búng như thú tội:

"Tôi... tôi... bị chứng loạn trí, tưởng mình đọc được ý nghĩ của người khác."

Người đàn ông phá lên cười như nhạo báng:

"Tưởng gì, không phải loạn trí đâu mà là dị ứng với thời tiết đấy."

*Đức, 19.8.1999*

## Đêm tuyết gọi

Cuộc rượu về khuya chỉ còn lại bốn người: tôi, Bính, Phụng và Thọ. Bính với tôi thân nhau đã lâu, còn Thọ chỉ mới qua đây. Anh là bạn của Bính như thế nào, tôi không rõ, cũng chưa hỏi. Vào tiệc, anh ít nói. Sau một đối cụng ly qua lại, khẩu khí chừng như ngấm men, anh trở nên hoạt náo. Bàn chúng tôi, một lứa trung niên, chỉ mỗi Hứa Phụng là nữ phái. Nàng gốc người Hoa, nhân tình nhân gái với Bính đã nhiều năm.

Có lần, cạn chuyện, tôi hỏi Bính:

- Bạn và Phụng không nghĩ chuyện làm khế ước trăm năm với nhau sao? Sống vậy, người ta nói.

Anh hùng hổ:

- Đứa nào nói gì? Đám học máu nó ra!

Tôi lúng búng:

- Làm gì dữ vậy, bạn?

Bính dụ giọng:

- Tụi mình đang sống ở đâu, thời nào vậy? Trời, nơi này là đất Âu châu tiến bộ, chứ phải đâu Trung đông vào thế kỷ 18.

Nhưng nét mặt và cách nói anh vẫn không dứt bực bội. Tôi đổi đề tài, gợi ý bàn bạc về cuộc triển lãm một số danh hoạ ấn tượng vừa khai trương. Chúng tôi hợp nhau ở lãnh vực này, yêu nghệ thuật, nên tinh thần không gặp nhiều trở ngại. Trăm lần như một, khi đồng hương chúng tôi tổ chức lễ lạt hay họp mặt hội luận nọ kia, Bính đều lái xe tới nhà chờ tôi đi. Cho tới bây giờ, nhiều thập niên phẳng lặng trôi qua, tôi vẫn chưa hề nghĩ tới chuyện sắm một chiếc xe. Vì nhiều lẽ. Tài chính là một. Và không hiểu sao, tôi thích quang cảnh những sân ga, những bến đò, những dải đường sắt phôi lửng dưới thời tiết bốn mùa. Khoảnh khắc thơ thần đó gợi nhắc trong tâm tư tôi vằng vặc nhiều ý tưởng, khiến tôi hình dung ra ảnh sắc của gặp gỡ và ly biệt, tất bật và thanh thoi, nồn nao và nhẩn nại chờ đón những hành trình ngắn dài xuyên đất liền. Tôi thích ngắm lễ lối kiến trúc những nhà ga trung tâm. Nó bóc trần tâm tính dân bản xứ, lắm khi còn gắn liền mật thiết với vận mệnh thăng trầm của lịch sử. Cả những quán xá hai bên lối đi lúc nào cũng tấp nập hành khách vào ra, lên xuống. Không biết những phiến gạch lót có bao giờ mong mỏi đôi phút ngơi nghỉ? Những ý tưởng này, tôi nghĩ khó có ai chia sẻ. Cứ vậy, tôi cất chúng kỹ lưỡng trong nhiều ngăn kéo tâm tư mình.

Có lần Hứa Phụng rủ tôi ra nhà ga trung tâm đón Bính trở lại sau vài tuần công du tỉnh xa. Xe lửa đến trễ. Tôi và Phụng vào quán cà-phê ngồi chờ. Một tách cappuccino ở đây không rẻ, tôi gọi thêm một phần bánh Frankfurter Kranz. Hứa Phụng sợ mập, chỉ uống một tách trà bạc hà. Khách vào ra nhốn nháo. Chỗ dành cho kẻ không hút thuốc đầy kín, chúng tôi phải ngồi cạnh những ống khói nikotin. Không gian ngộp ngựa tiếng ồn. Trên tường, màn ảnh đang chiếu một đoạn phim quảng cáo du lịch không âm thanh. Liếc phớt, tôi thấy màu thiên thanh đại dương, những mái nhà đỏ ngói, tường vôi trắng chành vênh sườn núi xanh lá.

Tôi gợi chuyện:

- Năm nay Phụng và Bính dự định đi nghỉ hè ở đâu?

Hứa Phụng lắc đầu:

- Chắc không đi được. Anh Bính nói, hãng đang thay đổi hệ thống máy vi tính gì đó, nhiều việc lắm.

- Còn Phụng?

- Phụng vẫn đi lau chùi dọn dẹp nhà cửa cho người ta.

- Tôi phục Phụng, siêng năng như kiến, làm tôi có cảm tưởng mình là con ve hoang đàng. Phụng cười. Bây giờ tôi mới để ý thấy Hứa Phụng hôm nay trang điểm giản dị. Nàng có cặp mắt rất Tàu, một mí xênh xếch, nhưng khá to và hài hoà trên gương mặt ửng phấn hồng đào, cặp môi thoa mỏng lớp son bóng, viền mi phớt lam nhạt. Dầu vậy thần sắc nàng vẫn rực rỡ như đoá mầu đơn sung mãn hàng năm mùa lễ Hiên xuống.

Phụng nhỏ nhẹ nâng tách trà hớp ngụm:

- Ở nhà hoàì, chán chết.

Tôi xẻ mẩu bánh kem, bắt được hương ngào ngạt của bơ sữa và đậu phộng ngào đường.

- Bính là người may mắn.

Khoé mắt Hứa Phụng loé lên thoáng giây:

- Thấy anh ăn bánh, Phụng phát thèm, nhưng phải giữ eo... Được này mắt kia, anh!

Tôi không hiểu rõ ý Phụng, nhưng ngần ngại không hỏi. Lâu lắm tôi mới có dịp ăn lại thứ bánh ngập ngập chất béo này. Nó làm tôi nhớ lại thuở vừa sang đây, mỗi lần đi ngang tiệm bánh ngọt, tôi buộc lòng dừng chân ngắm nghía chốc lát. Thấy thứ nào cũng ngon. Từ loại bánh nướng xoắn ốc nạm nho khô tới loại bánh kem nhiều lớp, trên mặt đắp trái cây trắng thạch. Tôi thường thức bánh kem Frankfurter Kranz lần đầu tại nhà chị Tràng. Chị thổ lộ, lẽ ra tên chị là Trường, nhưng cha mẹ chị phải gọi trại thành Tràng để khỏi thất lễ với một người bà con trùng tên. Chị Tràng có hoa tay nấu ăn, làm bánh mứt. Từ ngày chồng chị qua đời vì viêm gan, chị ở vậy với đứa con trai đang tuổi lớn. Chị làm bánh bỏ mối cho vài tiệm thực phẩm Á châu, kiếm phụ phí. Bánh Frankfurter Kranz chị làm ngọt vừa phải. Quả mứt anh đào đỏ mọng, trong ánh hạt lựu. Lớp đậu phộng xên đường cháy ngậy hương mật ong. Bánh trứng nướng xốp mềm, vừa chạm lưỡi đã tan thắm cùng kem va-ni đánh bông.

Nhưng, tôi ngờ rằng món bánh Frankfurter Kranz thơm ngon của chị Tràng đái tôi dạo nào chỉ là lý do phụ khiến tôi suốt đời không bao giờ quên, chính yếu có lẽ do câu chuyện chị kể. Chồng chị hảo khẩu loại bánh này. Tới giờ hằng năm, chị đều làm bánh, pha cà-phê cúng chồng. Năm nọ, bận bịu sao đó, chị không làm. Đêm sau chị chiêm bao thấy anh, gương mặt buồn bã như thăm trách. Và khoé mắt từ từ tuôn tròn những giọt lệ đỏ, trong vắt, y hệt màu mứt anh đào điểm hoa trên mặt bánh.

Từ dạo đó, mỗi lần tôi xẻ bánh Frankfurter Kranz, đều thấy lại tia mắt loe loét máu đỏ của chồng chị Tràng.

Hứa Phụng kêu khê:

- Khủng khiếp quá!

Tôi tỉnh queo:

- Không hiểu sao, tôi lại xúc động. Khó tìm ra thứ biểu tượng cho tình nghĩa vợ chồng nào đậm đà hơn thế.

- Anh giỏi văn vẽ.

- Đâu ai muốn.

Hứa Phụng lắc đầu:

- Phụng vẫn chưa hiểu tại sao anh và anh Bính lại thân nhau.

Tôi mỉm cười, không đáp, múc giọt lệ ngọt ngào của chồng chị Tràng đưa lên môi. Tôi cố hình dung lại vẻ mặt của người đàn ông ấy, chỉ loáng thoáng nhớ ra tấm ảnh đen trắng trên tủ thờ ấm áp hai ngọn nến trắng. Hương trầm nhang phát nồng. Bình hoa cúc đầu mùa dầm sắc nắng tằm liệm ý tình. Có nhiều điều tôi chỉ có thể cảm nhận bằng trực giác bén nhạy của riêng mình mà không thấu hiểu. Những tương quan giữa tôi với Bính, với chị Tràng, với Hứa Phụng, với những trang chữ vẫn đan díu cùng tôi, cũng như với mớ dĩ vãng cùng người hôn phối đã từ biệt đành đoạn trong chuyến hải trình ly hương nhiều thập niên trước. Phải chăng vì vậy mà tôi thân thiết với chị Tràng? Chưa lần nào tôi kể cho ai nghe những giấc chiêm bao vẫn thường xuyên quấy nhiễu tâm thức tôi. Những người thân đã qua đời hiện lên tươi trẻ hoạt náo linh động trong giấc ngủ tôi. Một điều lạ lùng, tôi chỉ thấy mà không thể nghe. Cảm lạnh trong cõi huyền ảo hoan hỉ sắc sảo. Bừng tỉnh, lòng tôi trào lên nổi rung động thâm tình luân lưu trong huyết



mạch.

Hứa Phụng mồm giọng:

- Phụng nhớ có lần đọc ở đâu đó một đoạn văn viết về tâm lý của những dân tộc lưu vong. Tất cả đều có mẫu số chung, thích sống hợp quần.

- Thì có gì lạ?

- Lạ ở chỗ, đôi khi có ai muốn tìm hiểu một thể thức lễ lạt cổ truyền, chỉ cần tới nơi nào có nhiều sắc tộc lưu vong sinh sống, sẽ tìm ra.

Tôi không đồng ý với ai đó đã viết ra cái điều khó chấp nhận ấy, nhưng im lặng. Thứ lễ lạt truyền thống phải chẳng là những lần họp mặt đồng hương chia tay năm cũ? Trẻ con được tiền lì xì trong phong bì phẩm đỏ? Bàn thờ tổ tiên chưng bày nhang đèn, hoa trái, liễn đối phúc lành? Những lời cung chúc mồn thỉnh được lặp lại? Xôi bánh, giò chả, chè mứt, bia rượu thơm mát ngon mồi? Nhưng dần dà cá nhân tôi thấy ra vị nhạt nhẽo của tách trà quê quán lạnh đắng. Những kẻ lặn đạn cùng lữa sang đây một thuở với tôi, giờ tóc đã muối nhiều hơn tiêu. Lũ trẻ con chỉ biết nhún vai cười khi được người lớn hỏi han bằng tiếng mẹ đẻ. Nhiều cặp vợ chồng ly hôn nhau vì những nguyên nhân vô cùng giản dị. Riêng Bính và Hứa Phụng vẫn thủy chung kiểu sống bạn đời không kế ước. Tôi và chị Tràng vẫn mãi miết hoài niệm những hồn ma đen trắng.

Lúc chị Tràng và đứa con trai chào chúng tôi ra về, Bính khề khà chuyện rượu:

- Sao bạn không thử lữa với chị Tràng một lần xem sao, hợp đấy!

Hứa Phụng che miệng khúc khích. Tôi làm mặt lạnh:

- Lâu quá không sạc điện, lạnh cảm mất rồi.

Hứa Phụng vỗ chách lên vai tôi, kêu:

- Anh này, bậy bạ.

Anh bạn tên Thọ góp lời:

- Món bánh chưng chị ấy gói khéo quá.

Tôi vòng vo:

- Thử lữa chỉ để ăn bánh chưng mỗi năm chỉ một lần, không có lợi.

Bính ngêu ngao:

- Lợi thì có lợi, nhưng răng không còn.

Tôi bán cái:

- Nếu anh Thọ còn lẻ bạn, cứ việc nhào vô kiếm ăn.

Thọ chẳng vừa:

- Để tôi hỏi lại ông thầy cãi, coi ở đây bộ luật gia đình có cho phép đàn ông đa thê.

Hứa Phụng nói như trách:

- Ở bên nhà, ông nào cũng vợ chẵn vợ lẻ một đồng.

Bính thở ra:

- Đàn ông bọn mình xa nước, đâm ra lành.

Thạo hăng hái tán đồng. Tôi tũm tũm ngó Hứa Phụng. Nàng liêng liếc chuôi mắt đông phương, lẳng lẳng xô ghé, đứng lên dọn dẹp bàn tiệc. Anh bạn tổ chức vừa lên tiếng nhắc, đã tới giờ tạm biệt. Tôi chưa muốn về ngay. Quyết định này tới bất chợt lúc chúng tôi đẩy cửa bước ra, thấy tuyết cuối mùa phát phối lòng phở thình vảng. Tôi không thích lạnh, không ưa tuyết, nhưng mỗi bận tuyết mới rơi rắc, đáy lòng tôi đều rộn rục nỗi niềm khó tả. Thạo thấy tôi chần chừ, đề nghị cùng tôi dạo tuyết, sau đó tới nhà anh gần đây, ở lại qua đêm. Bính nghe được, cất giọng cảnh cáo, coi chừng thằng Thạo xâm phạm tiết hạnh nghe ông! Tiếng cười Bính đóng băng theo cái lạnh the thắt.

Không biết Thạo nghĩ sao, chứ tôi có cảm tưởng mình như con mèo già đang dọ dẫm tìm tới chỗ hên. Ở đâu, với ai, tôi mờ mịt. Phố khuya ít xe cộ lưu thông. Những trũng đèn vàng soi nghiêng đường tuyết rắc. Vía hè đóng lớp trắng mịn, không một dấu chân dẫm. Tôi kéo nón áo khoác trùm đầu, nghe loáng thoáng giọng Thạo mềm mọng:

- Tôi có nghe Bính kể nhiều về ông.

Tôi ngừng sang, khựng chân giầy lát:

- Hy vọng không phải mấy chuyện bực mình.

- Ngược lại, tôi rất thông cảm vì hoàn cảnh tôi cũng gần như vậy.

Chúng tôi dừng lại, chờ đèn xanh. Tôi hỏi thẳng:

- Bính kể ông nghe chuyện gì?

- Sở thích viết văn và thăm cảnh mà ông đã gặp phải thuở trước.

Trí nhớ tôi bật sáng phân cảnh bi kịch với màu sắc toàn hảo, nhưng tuyệt nhiên không một âm thanh, như bị lớp lớp sóng biển vùi xoá, kéo ra trùng trùng khơi xa. Tôi cảm nín đổi lâu. Bước chân tôi nhẹ hẫng, tưởng như có ma lực nào nâng bổng, nhẹ tay xô tới. Bính lấp bắp:

- Tôi... tôi... xin lỗi ông... Thật, tôi vô ý quá...

Tôi nhõn cười không cảm xúc, lách người qua rào sắt gắn bảng ghi, dưới 18 tuổi, cấm vào. Con phố ngắn, những khung kính đỏ chạch đáng đàn bà áo lót hở hén bên trong. Thừa thốt vài bóng đen ngược chiều. Có chiếc bóng dừng chân, đăm đăm nhìn ngắm. Ánh đỏ bên trong hắt mỏng, tôi thấy viền mặt loé màu bình bình khảm lên ô kính nhà hàng xóm một sáng tôi nhìn ra. Thứ màu đỏ kỳ quái, như giọt máu gà cất tiết nhỏ xuống thau nước vật lông còn bốc hơi. Thứ màu đỏ chỉ những bình minh cuối năm mới chắt chiu pha nổi. Kỳ quái ở chỗ, nó không bắt tôi ngậm ngùi mà hân hoan. Vì tôi biết, hôm đó nắng tươi.

Giọng tôi gọn lỏn:

- Lối tắt ra phố cổ.

Thạo sượng sùng:

- Ông làm tôi tưởng...

- Nếu thích, ông cứ vào, tôi chờ.

Thạo bây bầy như mèo phải mưa:

- Mình không có nhu cầu.

Trong tôi, sắc hồng đầu ngày trong ký ức cũng nhạt phai, cả những cảm xúc nhiều khi chỉ một lần trải qua mà vương lại ngững ngoẵng .

\*

Thức giấc, nhận ra căn phòng lạ, tôi nhồm phất ngồi dậy, nhìn quanh quất. Hương thơm kỳ diệu phảng phất. Cửa ai hay của dư hương tuyệt cuối mùa đêm qua lắng đọng sậm sệt trong ngũ quan tôi? Không phải. Dường như chúng đã thấm thấu vào chân gối, tích tụ trong diện tích bụng bít ngấn hơi lạnh đông chí. Ý thức tôi ngái ngủ chưa phân định rạch ròi giữa thực mộng, trong giao điểm nhàn nhạt giữa cũ mới âm lịch, như nổi chia lìa còn đậm đà dư hương của tiếc nuối.

Rèm sáo không buông. nắng sáng vàng tươi xuyên qua voan màn, tưới ngập tường vôi xanh da trời. Tôi nhớ lại. Khuya qua, sau bữa tiệc tất niên, tôi và anh bạn mới tên Thọ dạo tuyệt một vòng phố cổ. Tôi nằm xuống, thần thơ liên tưởng những nạm kính hẹp, khung gỗ nâu xảm vạm vỡ hắt ra ánh đèn tù mù trong ngõ phố lát đá xanh mấp mô. Nhiều ngách hẹp tối ám, ai ải mùi nước tiểu. Chỉ còn vài quán rượu sáng đèn. Lác đác dăm ba bộ hành chuệch choạng trên lối tuyệt. Nhiều lúc tôi dừng bước, ngược mắt ngắm nghía những trụ đèn già nua, chớp cong kiêu hãnh nghìn trang huyền thoại. Trông chúng như những đồng trụ khổ hạnh, đấm đuối thiên định qua nhiều thế kỷ thịnh suy. Vậy mà, vẫn tồn tại, nhẫn nại hứng chịu thời tiết gian truân. Khoảnh khắc ấy, tôi thấy ra những phiên muộn riêng tôi chỉ là một phiên bản tầm thường, vô cùng tầm thường. Và cực kỳ nhỏ nhoi trong vạn vật không gian cùng thời gian vô biên.

Bàn điểm tâm sáng tân niên lưu vong thịnh soạn với bánh tét lục nồn màu lá chuối, chén con đựng dưa món đỏ quách hồ phách, đĩa cà chua xắt khoanh, loang loáng dầu ô-liu lấm tẩm tiêu muối, ấm trà men trắng hoa tre trúc trên lò con loé nển, bình thủy tinh ngát hương cà-phê đậm vị. Riêng rổ mây đựng bánh mì rắc mè và đĩa bày vài loạt thịt nguội thái lát trông lặc lợng như một khúc ngũ cung đệm dương cầm. Điều này không làm tôi khó chịu mà ngạc nhiên ngầm. Nếu tôi nhớ không lầm, đêm qua Thọ bóng gió cho biết anh đã lập gia đình. Nhưng cho tới lúc này, tôi chỉ thấy anh chộn rộn một mình trong nhà trọ ba phòng rộng thoáng. Bức thủy họa tiên nữ Trung hoa trên lụa bạch vân tươi rói nắng sáng, không khỏi gieo vào khối óc nhiều tưởng tượng của tôi những cổ tích liêu trai. Mọi thứ được bày dọn gọn ghẽ, sạch loáng. Bộ cửa sổ chưng cây cảnh một dãy xanh mướt. Tượng Phật khếp mắt toạ thiên bên chậu kiểng lùn xoè tán rộng.

Tôi phải lên tiếng:

- Nhà ông vén khéo, ngăn nắp như được người đẹp trong tranh bước ra dọn dẹp, lau chùi, nấu nướng.

Thọ úp mở:

- Đúng vậy. Mỗi tuần nàng hiện tới một lần, bốn tiếng ngày thứ năm.

Tôi còn ngờ ngờ, Thọ đã cười lớn:

- Mỹ nhân Trung quốc chính cống, họ Hứa tên Phụng, chứ còn ai.

Tôi buột miệng, thì ra vậy. Ngụm cà-phê bật lên đầu lưỡi những va chạm ngát ngưỡng vị giác. Thọ pha cà-phê hợp khẩu tôi. Anh xốt một khoanh bánh tét vào đĩa cho tôi. Vài hạt đậu đen lấp lừng lớp nếp trắng lờ đập vào mắt. Lâu lắm tôi mới thấy lại loại bánh thuần túy quê Nam này. Thì ra, những hạt mắt đậu vẫn đặng đẵng tri chí níu lấy ký ức tôi, dẫu những dặm trùng chia cách. Những điểm tâm sáng mỏng một ấu thơ, tôi thường cặm cụi khươi chúng ra, để dành ăn sau cùng. Tôi không khoái khẩu những loại bánh nếp. Nhưng xa quê lâu năm, thoảng

khi ném lại, không khỏi ngậm ngùi. Những hương vị bánh mứt mỗi đầu năm một lần như thể những khắc thời gian nghiêng nghiêng trên tường vách hư vọng nơi đất khách.

Năm nào cũng vậy, tôi và đồng hương đón nguyên đán vào tàn đông. Có năm tuyết rơi muện, có năm không. Tuyết, vì vậy, đã lưu dấu nghèn nghẹn trong tiềm thức tôi. Như loài hoa mẫn khai no nê hương thời tiết. Như hậu vị đậm chất choáng váng loại rượu nho huyết bầm đẫm nắng hè được thu hoạch sau vài đợt băng giá tê tê.

Thạo thêm thốt:

- Nhưng người đẹp Hứa Phụng chỉ lau nhà, hút bụi chứ không nấu nướng.

Tôi muốn hỏi anh thân thiết ra sao với Bình và Hứa Phụng, nhưng thấy chưa đủ thân, chỉ cạn cợt bông đùa:

- Đầu phải ai cũng như ông có diễm phúc được con ma nhà họ Hứa ra tay lao động vượt chỉ tiêu đúng tiêu chuẩn xã hội chủ nghĩa.

Thạo làm mặt nghiêm:

- Có hợp đồng làm việc, giờ giấc lương lậu hẳn hoi, không phải chuyện đùa.

Tôi biết Thạo nói ngoa, không hỏi gì thêm. Tôi chỉ mãi miết thắc mắc thẳm, có sao tất niên năm nay tôi lại trai tơ nhẹ dạ đến nỗi đồng ý tới nhà Thạo, một người vừa gặp mặt lần đầu, ngủ nghê qua đêm? Lờ cảnh giác của Bình đêm qua còn vang vẳng trong trí. Không lẽ cảnh tuyết rơi một khuya cuối năm lại tác động thần sầu quỷ khốc lên tâm thức tôi, sai khiến tôi quyết định hoàn toàn trái khuấy bản tính? Cũng có thể thần thái cùng cách chuyện vãn của Thạo có ma lực pháp thuật, bất kể yếu phách vía như tôi tuân theo không một lời phản kháng. Diện mạo anh có góc cạnh, cằm mép ửng xanh chân râu cạo kỹ, hiển lộ nam tính. Có điều màu da mặt trắng tái và đôi mắt anh thỉnh thoảng nhàu nhú mềm mại bật lên những tương phản, tựa như nét cọ trầm mặc của họa sĩ sau giây phút sáng tạo phóng dãn. Gương mặt ấy hiếm thấy ở một người đàn ông đông phương. Dáng vẻ anh gợi nhớ sóng sánh đôi ba gương mặt diễn viên phim ảnh Hương cảng còn sót lại ký ức tôi, thứ ký ức biết gạn lọc cảm xúc. Và oái oăm thay, chỉ giữ lại những ấn tượng không mấy lạc quan.

- Một lần tình cờ tôi đọc được cái truyện ngắn “Người khách đến muện” của ông. Nó làm tôi xúc động...

Thạo thốt lời bất ngờ. Tôi bối rối, lục lợi trí nhớ. A, cái truyện được tôi góp nhặt liên tiếp nhiều đêm trong phòng trọ thuở nào. Những cảm hứng quái dị bò-tùng-linh tới với tôi hằng đêm như tình nhân hẹn sẵn. Căn phòng chật, nghiêng vách dưới mái ngói. Đạo đó tôi có thói quen viết nằm, gối kê chặn đắp ngăn cái lạnh se se khuya khoắt. Chụp đèn cong tay khoả ấm lên mặt giấy dập xoá, thốc tháo những ý tình rạo rực thành dòng chữ ám mực.

Tôi chưa kịp nói gì, Thạo đã tiếp lời:

- Không hiểu sao, đêm qua, sau khi đám tiệc chỉ còn lại bọn mình, tôi sực nghĩ tới người khách vì thời tiết thất thường nên đến trễ... Cũng là bữa họp mặt tất niên. Khác ở điểm, được tổ chức tại một nơi chỉ loe ngoe vài móng đồng hương, gia đình này cách gia đình kia hằng chục hằng trăm cây số. Người khách đến muện đêm ấy tới dự lần đầu, không ai quen mặt. Cử chỉ và cách ăn mặc của anh ta kỳ quái, không giống ai. Anh ta xin được thấp nén nhang bàn thờ tổ. Ai cũng ngạc nhiên khi thấy anh khóc ròng lúc thấp nhang khấn nguyện...

Ngón tay tôi bầu lấy mép bàn diêm tâm, ngăn xúc cảm.

- Tiệc tàn, anh còn ngồi nghêu ngao bên mặt bàn nhiều chai bia cạn. Có người thấy tội, lân la tới hỏi chuyện. Anh kể lể, đầu đuôi chẳng ra làm sao. Đoán chừng anh chóng say, một người đề nghị chở anh về nhà. Anh ta ngần ngừ cho biết địa chỉ...

Trí tôi bật hắt quang cảnh toà nhà hai tầng biệt lập trong khuôn viên tịch mịch, nhiều vườn cỏ và cỏ thụ. Vòng rào đan kẽm gai tua tủa. Chiều xuống, vọng tiếng ai khóc gào chầm chập, như nỗi thống thiết niềm than vãn u uẩn tỏ bày cùng tường vách u tịch. Đã nhiều lần, từ gian phòng cách ly, tôi ngơ ngớ nhìn ra ô kính chắn song sắt. Thời tiết và mùa màng chầm chậm luân chuyển. Một cuối đông, tuyết bất ngờ phát phơ lông ngỗng. Cánh cửa tiềm thức tôi bỗng loé rực rãnh sáng một quá khứ thần thoại nào xa lắc. Những mảnh vỡ thủy tinh cửa ngọt lên não bộ, thịt da tôi bứt rứt. Ôi, những giao thừa những nguyên đán những sáng mồng một những bánh pháo đỏ au những chúc tụng mừng tuổi những áo quần thơm lừng vải mới những ...

Thạo rướn giọng:

- Trời đất, thì ra địa chỉ một viện tâm thần.

Tôi trào nước mắt thản nhiên. Tôi, không ai ngoài tôi. Người khách đến muộn vào đêm họp mặt tất niên năm nào là tôi, chính tôi từ bệnh viện tâm thần nghe tuyết gọi lên ra, tìm tới.

(tháng 12. 2006)